

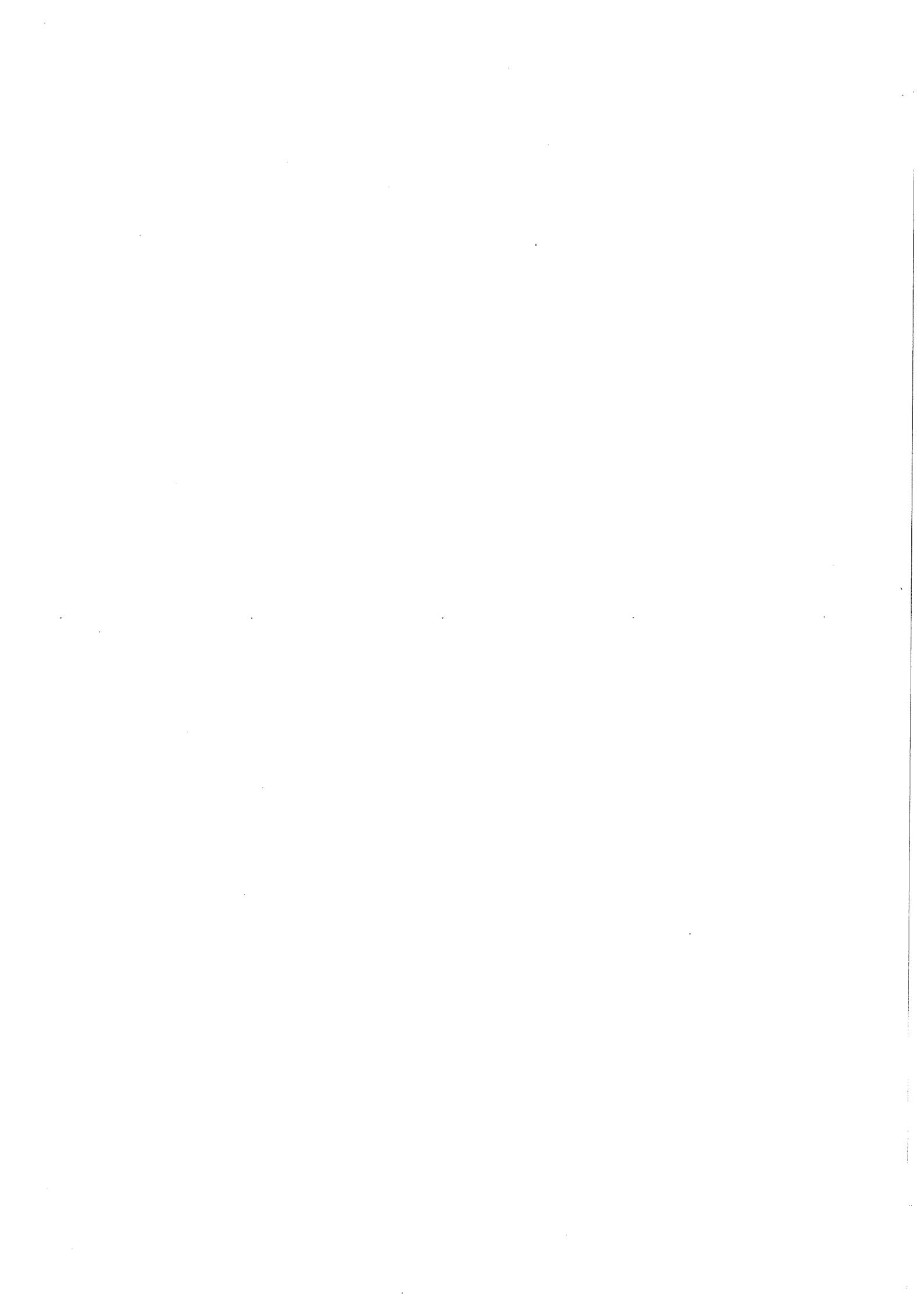
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU
MATERIALS – PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY
(COMECO)



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018

(01/01/2018 – 31/12/2018)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2019



MỤC LỤC

TT	NỘI DUNG	TRANG
	<i>Mục lục</i>	<i>1</i>
	<i>Thông điệp của Chủ tịch HĐQT</i>	<i>2</i>
Phần 1	THÔNG TIN CHUNG	4
I.	Thông tin khái quát về COMECO	4
II.	Quá trình hình thành và phát triển	5
III.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	11
IV.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	11
V.	Định hướng phát triển đến năm 2021	13
VI.	Các rủi ro	17
Phần 2	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018	20
I.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018	20
II.	Tổ chức nhân sự	21
III.	Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	24
IV.	Tình hình tài chính	27
V.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu	28
VI.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	32
Phần 3	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TGD	37
I.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	37
II.	Tình hình tài chính	39
III.	Những tiến bộ Công ty đã đạt được	40
IV.	Kế hoạch phát triển năm 2019	41
V.	Giải trình của Ban TGD đối với ý kiến kiểm toán	43
VI.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	44
Phần 4	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	47
I.	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	47
II.	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGD, các cán bộ quản lý của Công ty	47
III.	Các kế hoạch và định hướng của HĐQT	48
Phần 5	QUẢN TRỊ CÔNG TY	50
I.	HĐQT	50
II.	Ban Kiểm soát	57
III.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS	61
Phần 6	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	66
	<i>Hệ thống Chi nhánh xăng dầu COMECO</i>	

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông!

Thay mặt HĐQT Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO), tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông, khách hàng và đối tác đã luôn tin nhiệm, đồng hành cùng COMECO trong suốt những năm qua.

Năm 2018, tình hình kinh tế Việt Nam có những khởi sắc với tốc độ tăng trưởng GDP đạt mức tăng cao nhất trong 10 năm qua. Thị trường bất động sản đang trong chu kỳ tăng trưởng tích cực và xu hướng chính vẫn là đang đi lên. Thị trường tài chính duy trì tăng trưởng ổn định, lạm phát được kiểm soát. Tuy nhiên, đi kèm theo đó là môi trường cạnh tranh, đặc biệt trong ngành kinh doanh xăng dầu ngày càng trở nên khốc liệt hơn do ngày càng nhiều thành phần tham gia thị trường xăng dầu (kể từ khi thực hiện theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).

Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo của HĐQT, cùng với sự nỗ lực của Ban TGD cũng như toàn thể NLD COMECO, quyết tâm áp dụng mô hình quản lý tiên tiến, COMECO tiếp tục vững bước trên con đường phát triển của mình. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 là minh chứng cho nỗ lực của toàn thể Người lao động của Công ty:

- Doanh thu: **4.242 tỷ đồng**, đạt **112%**; **lợi nhuận sau thuế 90,270 tỷ đồng**, đạt **201%** và tỷ lệ chi cổ tức là **50%**, đạt **333%** so với kế hoạch mà ĐHCĐ thông qua.

- Công ty đã tập trung công tác đầu tư cơ sở hạ tầng trong toàn hệ thống Chi nhánh của Công ty.

- Việc làm và đời sống của NLD được đảm bảo; không có trường hợp bị mất việc làm. Thu nhập bình quân của NLD hàng năm đều tăng, các chế độ chính sách khác cho NLD được đảm bảo, 100% NLD được hưởng chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định.

- Công ty đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê đất tại 2 Khu công nghiệp ở tỉnh Long An; hiện đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục hồ sơ pháp lý và đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu số 44 và 45.

Kính thưa Quý cổ đông!

Năm 2018 đã khép lại với thành tích khá ấn tượng của Công ty. Tuy nhiên, chúng tôi tuyệt đối không chủ quan vì dự báo kinh tế Việt Nam năm 2019 sẽ có rủi ro, thách thức do chịu ảnh hưởng từ chiến tranh thương mại giữa các quốc gia, nền kinh tế lớn kết hợp với yếu tố rủi ro địa chính trị, xu hướng bảo hộ thương mại nội địa,... Riêng ngành kinh doanh xăng dầu, đối thủ cạnh tranh ngày càng nhiều, đặc biệt là sự gia tăng các doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu nhỏ, các thương nhân phân phối xăng dầu nên mảng kinh doanh bán sỉ của COMECO sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn.

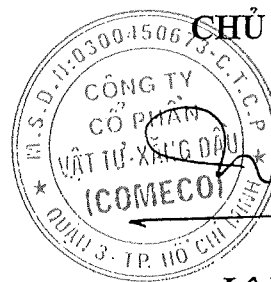
Đứng trước những thách thức này, HĐQT COMECO luôn chú trọng việc giữ vững những truyền thống tốt đẹp của Công ty; phát huy tinh thần vượt khó, đoàn kết nội bộ; thực hành triệt để tiết kiệm để góp phần đưa COMECO tiếp tục vững bước trên con đường phát triển của mình nhằm đạt được những mục tiêu đã đặt ra trong kế hoạch năm 2019. HĐQT đã sát cánh cùng Ban điều hành trong việc xây dựng mục tiêu chiến lược

và đặt ra các kế hoạch kinh doanh phù hợp để tiếp tục giữ vững sự phát triển ổn định của Công ty, bảo toàn và phát triển vốn cho cổ đông, đảm bảo công ăn việc làm cho NLD.

Với tinh thần đoàn kết, làm việc có trách nhiệm của NLD Công ty và sự đồng hành, ủng hộ của Quý đối tác, Quý cổ đông, nhà đầu tư, COMECO tin tưởng sẽ hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch năm 2019.

Một lần nữa, thay mặt HĐQT, Ban điều hành, tôi xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền và cơ quan chức năng; các khách hàng, cổ đông và đối tác đã hết lòng hỗ trợ, đồng hành với COMECO trong suốt chặng đường vừa qua và rất mong tiếp tục nhận được sự giúp đỡ, hợp tác của Quý vị trong chặng đường sắp tới. Toàn thể NLD Công ty cam kết sẽ tiếp tục làm việc và không ngừng phấn đấu để đưa COMECO trở thành “Thương hiệu của chất lượng dịch vụ”, đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của xã hội và gia tăng lợi ích lâu dài cho Quý cổ đông.

Trân trọng.



CHỦ TỊCH HĐQT

Lê Văn Nghĩa

Phần I THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ COMECO

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU
(COMECO)
MATERIALS - PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY



1. Địa chỉ văn phòng : 549 Điện Biên Phủ, P.3, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh
2. Điện thoại : (028) 38 321 111, 38 302 222, 38 303 222
3. Fax : (028) 38 325 555
4. Email : comecopetro@hcm.vnn.vn
5. Website : <http://www.comeco.com.vn>; www.comeco.vn
6. Giấy CNĐKKD số : 0300450673, cấp ngày 13/12/2000
7. Vốn điều lệ : 141.206.280.000 đồng
8. Vốn chủ sở hữu (31/12/2018) : 503.336.333.127 đồng
9. Mã Chứng khoán : COM
10. Ngày niêm yết trên Hose : 07/8/2006
11. Ngày thành lập Công ty : 13/12/1975
12. Thời điểm cổ phần hóa : 13/12/2000
13. Thương hiệu COMECO : Đã đăng ký tại Cục Sở hữu Công nghiệp từ năm 1993.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1. Ngày thành lập Công ty: 13/12/1975

Thời điểm CPH: 13/12/2000

2. Thời điểm niêm yết: 07/08/2006

3. Quá trình hình thành Công ty

Qua hơn 43 năm hoạt động, do quy mô và nhiệm vụ của từng giai đoạn khác nhau nên tên gọi của Công ty được thay đổi như sau:

3.1. Phòng Quản lý Xăng dầu: Sau 30/4/1975, Sở GTVT Tp.Hồ Chí Minh đã tiếp nhận hệ thống vận tải của Nha Lộ vận chế độ cũ với trên 5.000 phương tiện vận tải hàng hóa và hành khách các loại. Từ thực trạng này, Sở GTVT đã thành lập Phòng Quản lý Xăng dầu để quản lý các trạm xăng và phân phối nhiên liệu cho các phương tiện vận tải nói trên. Phòng Quản lý Xăng dầu chính là tiền thân của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) ngày nay.

3.2. Xí nghiệp Rửa xe và Cung ứng Xăng dầu: Từ 08/1977 đến 12/1978

(trực thuộc Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh)

3.3. Xí nghiệp Cung ứng Vật tư: Từ 12/1978 đến 12/1981

(trực thuộc Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh)

3.4. Xí nghiệp Cung ứng Nhiên liệu: Từ 12/1981 đến 10/1992

(trực thuộc Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh)

3.5. Công ty Vật tư Thiết bị GTVT (COMECO): Từ 10/1992 đến 12/2000

(trực thuộc Sở Giao thông Công chánh Thành phố Hồ Chí Minh)

3.6. Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO): Từ 12/2000 đến nay

- Từ 01/2001 → 9/2004: COMECO trực thuộc Sở Giao thông Công chánh Tp.Hồ Chí Minh.

- Từ 10/2004 → 02/2010: COMECO là thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO).

Ngày 15/7/2004 Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định số 172/2004/QĐ-UB thành lập Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO) thí điểm hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, theo đó có 25 công ty trực thuộc Sở Giao thông Công chánh là công ty con và toàn bộ cơ cấu tổ chức của SAMCO trước đây trở thành công ty mẹ. Theo quyết định trên COMECO đã trở thành thành viên của SAMCO kể từ tháng 10/2004 đến tháng 2/2010. Vốn nhà nước do SAMCO nắm giữ vào thời điểm tháng 3/2010 là: 1.096.940 cp (chiếm 13,71%/VĐL 79,999 tỷ đồng), đồng thời SAMCO còn mua thêm 503.060 cp (chiếm 6,29%/VĐL 79,999 tỷ đồng). Như vậy, SAMCO sở hữu cp COM tổng cộng là 1.600.000 cp (20% VĐL)

- Từ 3/2010 đến nay: COMECO trực thuộc Cơ quan Văn phòng Thành ủy Tp.HCM

Theo Quyết định của UBND Thành phố COMECO chuyển về Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro) làm đại diện. Vốn của Saigon Petro tại COMECO gồm: vốn Nhà nước được chuyển từ SAMCO 1.096.940 cp (chiếm 13,71%/VĐL) cộng với phần tự mua thêm, tại

thời điểm 24/3/2017 tổng cộng Saigon Petro nắm giữ 5.598.757 cp (chiếm 39,65%/VĐL). SAMCO giữ lại phần mua thêm 503.060 cp làm cổ đông chiến lược. Đến tháng 7/2011 SAMCO bán hết toàn bộ cp COM do SAMCO nắm giữ.

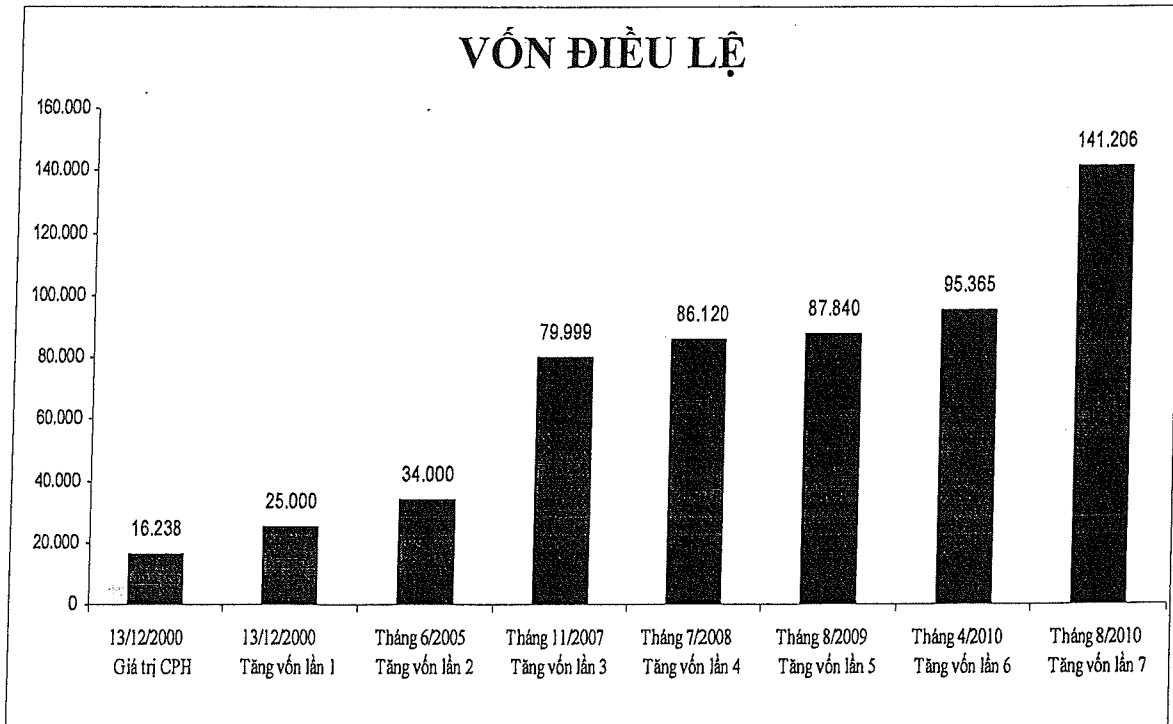
4. Những cột mốc quan trọng của COMECO

- Ngày 10/9/2016: Công ty tổ chức buổi Lễ đón nhận giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 phiên bản 2015 do tổ chức BVC của Vương Quốc Anh cấp.
- Ngày 13/12/2015: Công ty tổ chức Lễ kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Công ty và 15 năm cổ phần hóa.
- Ngày 28/4/2012: ĐHĐCĐ kết thúc nhiệm kỳ III (2007 – 2011) và bước sang nhiệm kỳ mới mà hầu hết các thành viên HĐQT và BKS cũ là các cán bộ kiêm nhiệm của Công ty không còn tham gia vào HĐQT và BKS. Hai cổ đông lớn của Công ty là Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) sở hữu 4.281.950 cp (30,32%/VĐL) và Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro) sở hữu 3.750.200 cp (26,56%/VĐL) đã cử 4 thành viên tham gia vào HĐQT (2 người/1 đơn vị) và 2 thành viên tham gia vào BKS (1 người/1 đơn vị) nhiệm kỳ IV (2012 – 2016). Đồng thời ĐHĐCĐ đã phê chuẩn việc tách chức danh Chủ tịch HĐQT và TGD. Theo đó, bà Trương Đức Hạnh tiếp tục giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ IV (2012-2016), ông Lê Tấn Thương được bổ nhiệm làm TGD điều hành của COMECO từ ngày 01/5/2012.
- Ngày 02/4/2011: Chuyển trụ sở làm việc sang Tòa nhà COMECO tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.
- Ngày 13/12/2010: Công ty tổ chức Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập Công ty, 10 năm cổ phần hóa với chủ đề: “35 năm - Vinh quang một chặng đường; 10 năm cổ phần hóa - Dấu ấn thành công”.
- Tháng 8/2010: Lễ khánh thành Tòa nhà COMECO tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.
- Tháng 12/2009: Nhận 2 Giấy chứng nhận: Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004 và Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001:2007 do Bureau Veritas Certification (BVC) của Vương quốc Anh cấp.
- Tháng 08/2008: Ban hành Giá Trị Cốt Lõi của COMECO gồm 12 thành tố.
- Tháng 12/2007: Nhận Giấy chứng nhận 5S do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam cấp.
- Tháng 10/2004: Nhận Giấy chứng nhận Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2000 do BVQI (Vương quốc Anh) cấp.
- Tháng 12/2000: Cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
- Tháng 07/1988: COMECO đã mạnh dạn đề xuất và được sự chấp thuận của Ủy ban Nhân dân Tp.Hồ Chí Minh cho phép mở cửa các Cửa hàng xăng dầu COMECO để kinh doanh bán lẻ phục vụ nhân dân Thành phố và đã thu được những kết quả mang tính đột phá cho sự phát triển kinh doanh của Công ty theo cơ chế thị trường.

5. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

5.1 Vốn điều lệ

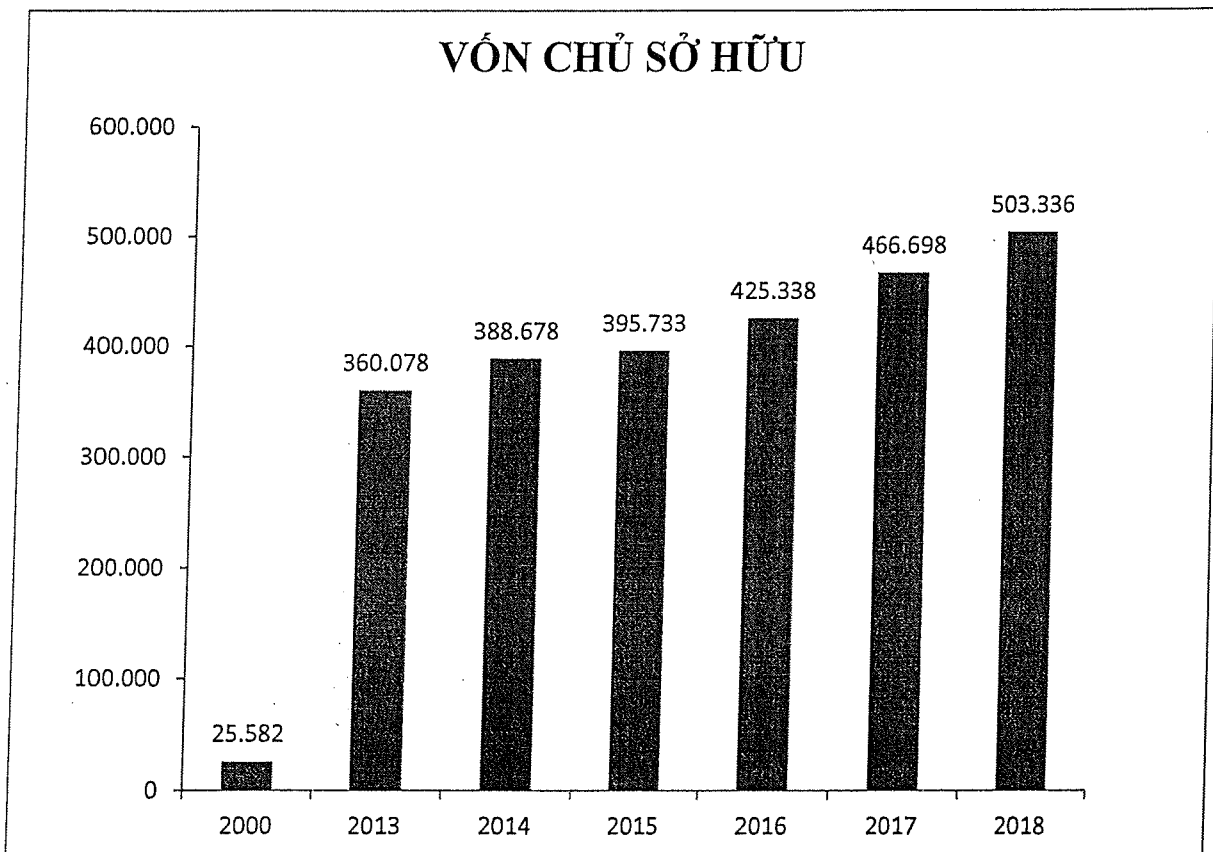
Đơn vị tính: Triệu đồng



Ghi chú: thời điểm Công ty CPH ngày 13/12/2000

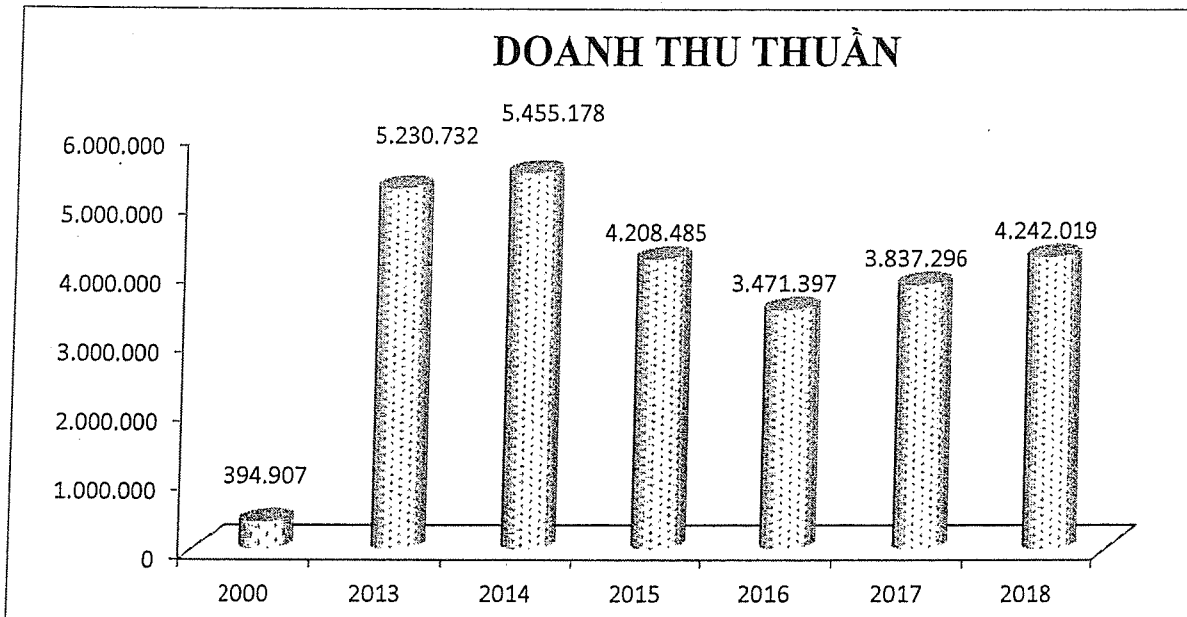
5.2 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: Triệu đồng



5.3 Doanh thu thuần

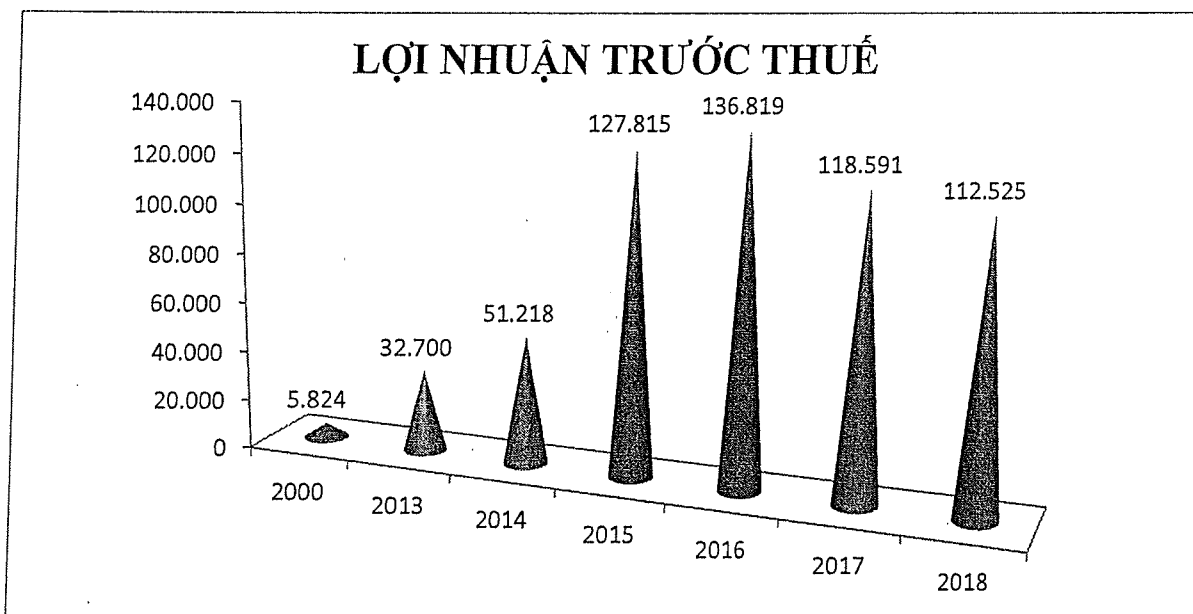
Đơn vị tính: Triệu đồng



Ghi chú: Doanh thu năm 2015, 2016 giảm so với các năm trước (sản lượng Công ty trong 2 năm 2015 và 2016 vẫn duy trì ở mức tương đương năm 2014) do ảnh hưởng bởi Nghị định 83 về kinh doanh xăng dầu. Giá xăng dầu trong 2 năm 2015 và 2016 điều chỉnh biến động liên tục theo giá thị trường thế giới trong đó xu hướng giảm giá chiếm ưu thế. Năm 2018 doanh thu của Công ty đã có mức tăng trưởng tương đối tốt so với năm 2017 (tăng 110,55% so với năm 2017)

5.4 Lợi nhuận trước thuế

Đơn vị tính: Triệu đồng



Ghi chú: Lợi nhuận trước thuế năm 2018 giảm so với 2017 do đơn giá lãi gộp bán lẻ xăng dầu giảm.

6. Cơ sở vật chất kỹ thuật: gồm các nội dung chính sau:

- Cơ sở vật chất của Công ty có nhiều nhà, xưởng, kho bãi với tổng diện tích đất là: **272.862 m²** (trong đó, bao gồm 200.000 m² đất của Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai).

- **35 chi nhánh xăng dầu** (cửa hàng xăng dầu). Trong đó: 22 CNXD thuộc sở hữu của Công ty, 13 CNXD là HTKD/thuê. CNXD số 31 chấm dứt hợp đồng HTKD ngày 31/12/2017, CNXD số 42 chấm dứt hợp đồng HTKD ngày 16/01/2018.

- Đội xe bồn gồm **21 chiếc** : + 05 xe hiệu Kamaz, dung tích 12.000 lít/xe.
- + 05 xe hiệu Hino, dung tích 16.000 lít/xe.
- + 07 xe hiệu Kamaz, dung tích 17.000 lít/xe.
- + 04 xe hiệu Hino, dung tích 18.000 lít/xe.

- Hệ thống **160 trụ bơm** đang hoạt động trong hệ thống CNXD.

- Xưởng lắp ráp trụ bơm điện tử COMECO cung cấp trụ bơm mang thương hiệu COMECO, dịch vụ sửa chữa, bảo trì trụ bơm cho toàn bộ hệ thống CNXD của Công ty và các khách hàng bên ngoài.

- Xưởng sửa chữa xe.

- **Tòa nhà văn phòng COMECO** (10 tầng, diện tích sử dụng : 4.489 m²) tại 549 Điện Biên Phủ, P.3, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh.

7. Thành tích đạt được trong những năm qua

NĂM	DANH HIỆU	ĐƠN VỊ TRAO TẶNG
2018	Bằng Khen của UBND Thành phố vì đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2017, góp phần tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố	Ủy ban Nhân dân Thành phố
2017	Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc giai đoạn 2015 – 2016	Công an Thành phố Hồ Chí Minh
	Xếp hạng 279 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
2016	Xếp hạng 221 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
2015	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đã có thành tích trong hoạt động kinh doanh và công tác xã hội từ thiện, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc	Thủ tướng Chính phủ
	Xếp hạng 192 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2014 – 2015	Ủy ban Nhân dân Thành phố
	Cờ truyền thống nhân dịp 40 ngày thành lập Công ty	Ủy ban Nhân dân Thành phố
2014	Xếp hạng 190 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2013 – 2014	Ủy ban Nhân dân Thành phố
	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2013 (xếp hạng 49)	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
2013	Xếp hạng 179 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2012 (xếp hạng 20)	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh

	Bằng khen trong hoạt động Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Bộ Khoa học & Công nghệ
	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2012 – 2013	Ủy ban Nhân dân Thành phố
2012	Xếp hạng 147 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 686/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam (V1000)	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2011	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
	Bằng khen trong hoạt động Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Bộ Khoa học & Công nghệ
2011	Bằng khen của Công đoàn Viên chức Việt Nam	Công đoàn Viên chức Việt Nam
	Được tuyên dương Top 100 “Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng năm 2011”	Ban Tuyên giáo, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam và các bộ ngành liên quan
	Xếp hạng 219 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 540/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam (V1000)	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2009-2010	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Đảng bộ COMECO được tôn vinh là Đảng bộ tiêu biểu xuất sắc trong Chương trình tôn vinh lần thứ I năm 2011.	Ban Tổ chức và Ban Tuyên giáo Trung ương
	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2010	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
2010	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2009	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
	Đảng bộ COMECO được tặng Cờ cho tổ chức Đảng cơ sở 5 năm trong sạch vững mạnh, tiêu biểu (2005 – 2009)	Thành ủy Thành phố
	Cờ và Bằng khen của UBND Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong 5 năm (2005 – 2010) về “Ngày hội toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc”	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Xếp hạng 205 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 563/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
2009	Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương (tổ chức tại Mexico)	Tổ chức Chất lượng Quốc tế (APQO)
	Bằng khen về thành tích trong lĩnh vực đo lường.	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam
	Giải thưởng Doanh nghiệp hội nhập và phát triển	Ban Tuyên giáo Trung ương
	Xếp hạng 161 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500).	Trung tâm Thông tin Tín dụng – Ngân hàng NN VN

2008	Huân chương Độc lập hạng ba	Chủ tịch Nước
	Giải thưởng Doanh nghiệp phát triển bền vững lần thứ I	Bộ Công thương
2007	Giải Vàng Chất lượng VN	Bộ Khoa học – Công nghệ
	Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ	Thủ tướng Chính phủ
	Giải thưởng Thương hiệu vàng, Slogan - Logo ấn tượng	Hiệp hội Chống hàng giả và Bảo vệ thương hiệu (VATAP)
	Giải thưởng Doanh nghiệp VN áp dụng thành công khoa học công nghệ (BUTECH)	Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam
2002	Huân chương Lao động hạng nhất	Chủ tịch Nước
1998	Huân chương Lao động hạng hai	Chủ tịch Nước
1992	Huân chương Lao động hạng ba	Hội đồng Nhà nước

Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty cũng tạo điều kiện cho NLĐ tham gia các phong trào văn thể mỹ để nâng cao đời sống tinh thần cho NLĐ và đã đạt được các thứ hạng cao trong các hội thi như: Karaoke, Bóng đá, Cầu lông, Bóng bàn, trò chơi vận động,....

III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

1. Tỷ trọng doanh thu, LNTT các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty năm 2018

SỐ TT	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	TỶ TRỌNG SO VỚI TỔNG DOANH THU	TỶ TRỌNG SO VỚI LNTT
1	Kinh doanh xăng, dầu, nhớt	99,12 %	84,30 %
2	Cho thuê văn phòng, kho bãi	0,71 %	15,64 %
3	Kinh doanh khác bao gồm: - Kinh doanh thiết bị cho trạm xăng - Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. - Xây dựng nhà các loại.	0,17 %	0,06 %

2. Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hồ Chí Minh (chủ yếu) và một số tỉnh lân cận: Long An, Bình Dương, Đồng Nai, Bến Tre, Lâm Đồng (xem Phụ lục : “Hệ thống CNXD COMECO” ở phần cuối báo cáo này).

IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Mô hình quản trị và nguyên tắc hoạt động

- Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là ĐHCĐ. ĐHCĐ bầu HĐQT để lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội, bầu BKS để kiểm soát mọi hoạt động SXKD, quản trị, điều hành Công ty.

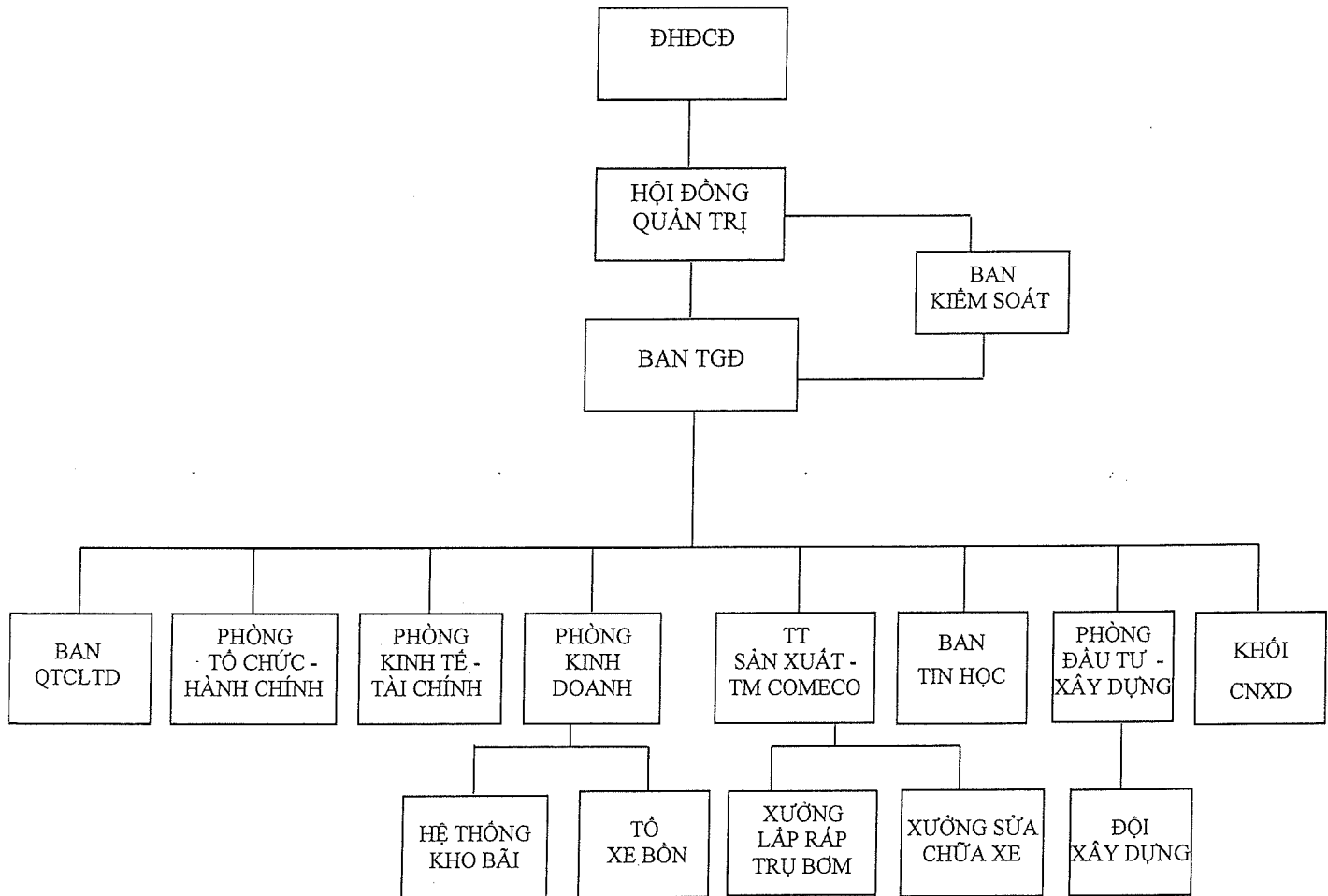
- Điều hành hoạt động của Công ty là Ban điều hành, trong đó đứng đầu là TGD (người đại diện theo pháp luật).

- Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. TGD quản lý và điều hành công việc thông qua việc phân cấp, phân quyền cho Giám đốc các bộ phận để giải quyết các công việc cụ thể.

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Công đoàn và Đoàn Thanh niên.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



3. Các Công ty con, Công ty liên kết : không có

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2021

1. Phân tích môi trường kinh doanh :

SWOT

ĐIỂM MẠNH (S)	ĐIỂM YẾU (W)
<ol style="list-style-type: none"> 1. COMECO có cơ sở vật chất kỹ thuật khá tốt với quỹ đất 272.862 m², tọa lạc ở những vị trí thuận lợi cho việc phát triển SXKD. Trong đó, có 35 Chi nhánh bán lẻ xăng dầu chủ yếu ở Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh lân cận. 2. Thương hiệu COMECO tương đối mạnh trong ngành kinh doanh bán lẻ xăng dầu. COMECO hiện đang đứng thứ 2 trong kinh doanh bán lẻ xăng dầu tại thị trường TP.HCM sau Xi nghiệp bán lẻ Xăng dầu thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex). 3. Mức tăng trưởng ổn định và khá cao, bình quân 14%/năm (2001-2018). 4. Đội ngũ NLD nhiệt tình, năng động và giàu kinh nghiệm trong kinh doanh bán lẻ xăng dầu. 5. Chuẩn mực quản lý kinh doanh ngày càng hoàn thiện theo tiêu chí của các hệ thống quản lý tiên tiến trên thế giới; Văn hóa COMECO ngày càng phát triển; môi trường làm việc ngày càng tốt hơn. Khách hàng ngày càng tin tưởng về chất lượng dịch vụ. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chưa chủ động được nguồn hàng và giá cả. 2. Phục vụ khách hàng chưa thật sự chuyên nghiệp 3. Vi tính hóa quản trị còn chậm. Công tác cập nhật và xử lý thông tin đôi khi còn chậm. 4. Công tác Marketing còn yếu. 5. Thông tin thị trường, đối thủ còn hạn chế.
CO HỘI (O)	NGUY CƠ (T)
<ol style="list-style-type: none"> 1. Khu vực Châu Á Thái Bình Dương hiện nay và trong tương lai là khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. 2. Tình hình chính trị trong nước ổn định; tốc độ phát triển của ngành dầu khí trong nước khá cao. 3. Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào kinh tế thế giới. 4. TP HCM có nền kinh tế năng động, các khu đô thị, khu CN phát triển nhanh. 5. Xăng dầu là mặt hàng chiến lược, chưa có sản phẩm thay thế hữu hiệu. Cơ chế kinh doanh xăng dầu dần theo hướng thị trường. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giá xăng dầu thế giới biến động liên tục và không ổn định. 2. Nhiều khả năng các doanh nghiệp nước ngoài (FDI) được phép kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam. 3. Hạn chế phát triển cửa hàng xăng dầu trong nội đô, các cửa hàng hiện hữu của Công ty có thể bị giải tỏa theo dự thảo mới về quy hoạch mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu thay thế cho Quyết định 39/2007/QĐ-UBND. 4. Các sản phẩm thay thế xăng dầu (gas, LPG) ngày càng được phát triển. 5. Nhà nước triển khai Nghị định 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu, có nhiều loại hình thương nhân kinh doanh xăng dầu hơn; thị trường cạnh tranh khốc liệt hơn

PHỐI HỢP SO = Phát huy điểm mạnh tận dụng cơ hội

(S1, S2, S3, S4, S5) + (O2, O4, O5) → Chiến lược tăng trưởng tập trung

(S1, S4, S5) + (O1, O2, O3, O4) → Chiến lược hội nhập

PHỐI HỢP WO = Khác phục điểm yếu để tận dụng cơ hội

(W1)+(O2, O4) → Chiến lược hội nhập, chọn đối tác liên kết HTKD, Khai thác Tổng kho

(W1, W2, W3) + (O3) → Chiến lược hệ thống QTCLTD

PHỐI HỢP ST = Phát huy điểm mạnh hạn chế nguy cơ, tách thứ

(S1, S2, S4, S5) + (T1, T3, T4) → Chiến lược đa dạng hóa SP

(S1, S2, S4) + (T2, T4, T5) → Chiến lược phát triển SP mới

PHỐI HỢP WT = Khác phục điểm yếu để hạn chế nguy cơ

(W2, W3, W5) + (T2, T4, T5) → Chiến lược đầu tư

(W2, W3, W4) + (T2, T4) → Chiến lược nguồn nhân lực

(W3, W4) + (T1, T4, T5) → Chiến lược Marketing

Từ việc phân tích SWOT trên Công ty đưa ra mục tiêu và chiến lược như sau:

2. Định hướng phát triển đến năm 2019 và tầm nhìn đến năm 2025

2.1. Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu chiến lược của COMECO đến năm 2025: tập trung nguồn lực cho việc phát triển ngành kinh doanh xăng dầu làm nền tảng vững chắc cho chiến lược đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh; phát triển nguồn nhân lực; phát triển Văn hóa, Thương hiệu COMECO; phấn đấu đưa COMECO trở thành: **COMECO – Thương hiệu của chất lượng dịch vụ và Số 1 về chất lượng dịch vụ trong kinh doanh hóa dầu tại Việt Nam** (trực chính là xăng dầu)". Đồng thời thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ sức khỏe cộng đồng; đảm bảo lợi ích của Nhà nước, Cổ đông và NLD.

2.2. Mục tiêu chủ yếu đến năm 2020

- Nâng cao thị phần kinh doanh xăng dầu; phát triển hệ thống nhượng quyền thương mại, đại lý bán lẻ xăng dầu.

- Đầu tư phát triển CNXD mới ở những vị trí chiến lược và những khu vực có tiềm năng phát triển cao.

- Đầu tư công nghệ sản xuất kinh doanh và quản lý theo hướng hiện đại.

- Thực hiện chủ trương chung của Chính phủ về phát triển kinh doanh nhiên liệu sinh học.

- Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, khai thác tối đa quỹ đất để phát triển sản xuất kinh doanh. Khai thác hiệu quả các mặt bằng, gia tăng tiện ích trong các mặt bằng kinh doanh xăng dầu.

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty. Đảm bảo việc làm và đời sống cho NLD.

- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn; quản lý an toàn tài chính, sử dụng vốn hiệu quả phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

- Duy trì và cải tiến Hệ thống Quản trị Chất lượng toàn diện. Tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo công tác an toàn cháy nổ tại các CNXD. Bảo vệ môi trường sinh thái và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

- Tiếp tục xây dựng Văn hóa và phát triển thương hiệu COMECO bền vững trên thương trường để tăng khả năng cạnh tranh trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

3. Chiến lược phát triển trung, dài hạn và một số giải pháp

CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG	CÁCH THỰC HIỆN
CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG TẬP TRUNG	Nâng cao chất lượng dịch vụ	<ul style="list-style-type: none">- Đảm bảo số lượng, chất lượng hàng hóa cung cấp ra thị trường.- Giao hàng kịp thời, đúng thời gian quy định.- Niêm yết giá bán công khai, rõ ràng.- Cung cấp và tư vấn đầy đủ các thông tin về sản phẩm, dịch vụ để khách hàng biết và yên tâm sử dụng.- Thông tin phản hồi từ phía khách hàng được cập nhật thường xuyên thông qua điện thoại, email,...- Định kỳ bộ phận kinh doanh và các Chi nhánh cũng chủ động gửi các phiếu tìm hiểu ý kiến đến khách hàng để đo lường sự thỏa mãn.

		<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến mại đa dạng về hình thức, hấp dẫn về nội dung, phù hợp khả năng của Công ty và đáp ứng nhu cầu khách hàng. - Hồ sơ của khách hàng được giải quyết nhanh, chính xác. Thực hiện đúng Quy trình bán hàng, thể hiện sự thân thiện, nói lời “cảm ơn” sau khi bán. - Bảo vệ lợi ích và an toàn cho khách hàng khi đến mua hàng - Môi trường làm việc an toàn. - Đa dạng hóa hình thức thanh toán. - Tiếp tục rà soát bố trí các mặt hàng nhiên liệu tại các CNXD cho phù hợp với nhu cầu thị trường; phát triển các dịch vụ gia tăng trong khuôn viên CNXD,... - Cải tiến chính sách bán hàng theo hướng gia tăng chia sẻ lợi ích với khách hàng. Tiếp tục đẩy mạnh chính sách bán hàng trả ngay, giảm dần bán hàng trả chậm.
	Đầu tư phát triển mạng lưới, nâng cấp cơ sở hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ và đầu tư phát triển hệ thống Chi nhánh bán lẻ xăng dầu dưới nhiều hình thức như: đàm phán kéo dài thời hạn hợp đồng thuê/ hợp tác kinh doanh cửa hàng bán lẻ xăng dầu; mua, thuê đất xây dựng cửa hàng xăng dầu mới; mua hoặc thuê cửa hàng xăng dầu có sẵn; tìm đối tác có mặt bằng phù hợp để hợp tác kinh doanh cửa hàng xăng dầu,... - Giữ và phát triển đại lý/ thương nhân nhượng quyền bán lẻ xăng dầu; tìm kiếm khách hàng mới. - Mở rộng kinh doanh ở các CNXD còn tiềm năng như: <ul style="list-style-type: none"> + Đầu tư xây mới hoặc mở thêm tiêu đảo. + Đầu tư khai thác hiệu quả các mặt bằng trống.
	Bảo toàn và phát triển nguồn vốn	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo vốn hoạt động của Công ty, đáp ứng vốn kịp thời cho các dự án đầu tư. - Huy động vốn - Tìm tổ chức tín dụng để vay lãi suất thấp. - Quản lý tốt tài chính, công nợ, không để xảy ra nợ xấu. - Nâng cao khả năng dự phòng, cân trọng đầu tư, tiết kiệm chi phí, kiểm soát chặt chẽ các quá trình và dự báo tốt tình hình để giảm thiểu các rủi ro cho Công ty.
CHIẾN LƯỢC HỘI NHẬP	Chọn đối tác để liên kết, hợp tác kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Chọn đối tác có năng lực, kinh nghiệm để hợp tác, liên kết phát triển kinh doanh, khai thác hiệu quả 20 ha đất của Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai. - Đầu tư vào các hoạt động kinh doanh của khách hàng; có chính sách hỗ trợ đầu tư cho khách hàng.

	Marketing để phát triển thị trường	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng thị trường bán sỉ và bán lẻ xăng dầu tại thành phố, các tỉnh lân cận. - Tăng cường tiếp thị, quảng bá thương hiệu - Tăng cường dịch vụ chăm sóc khách hàng.
CHIẾN LƯỢC ĐA DẠNG HÓA VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI	Phát triển giá trị gia tăng cộng thêm cho khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì tốt dịch vụ tư vấn thiết kế, bảo trì, sửa chữa và cung cấp vật tư, phụ tùng trụ bom, trụ bom điện tử COMECO, rửa xe, thay nhớt, thẻ thanh toán,... - Khai thác dịch vụ tiện ích khác tại CNXD. - Khai thác hết công suất cho thuê Cao ốc Văn phòng COMECO, khai thác hết công năng các mặt bằng còn trống của Công ty dưới các hình thức xây dựng kho bãi, nhà xưởng, văn phòng cho thuê, HTKD,...
	Đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư thiết bị và công nghệ để chuẩn bị cho việc triển khai kinh doanh các mặt hàng nhiên liệu theo lộ trình quy định của Chính phủ. Từng bước đầu tư máy móc, trang bị công nghệ cao để tăng cường công tác quản lý và phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đảm bảo PCCC. - Đầu tư cải tạo, sửa chữa các CNXD phù hợp với quy định và tình hình kinh doanh. - Đầu tư thiết bị để đẩy mạnh việc bán hàng thanh toán qua thẻ. - Nghiên cứu sử dụng trụ bom với các hình thức đa dạng hơn cho thích hợp với từng loại hình CNXD. - Đầu tư thêm thiết bị máy tính, phần mềm quản lý. - Nghiên cứu đầu tư công nghệ để thực hiện hội họp qua mạng nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí.
CHIẾN LƯỢC NGUỒN NHÂN LỰC	Huấn luyện, đào tạo để tạo sự khác biệt nhằm tăng tính cạnh tranh trong kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo tại chỗ để nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. - Xây dựng một nền Văn hóa COMECO mạnh chính là sự khác biệt giữa COMECO với các đối thủ cạnh tranh và là chìa khóa cho sự thành công trong tương lai. - Hệ thống thu thập và xử lý thông tin từ khách hàng, nhà cung cấp, NLD và các bên có liên quan.
	Lao động và tiền lương	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ và có chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch, luân chuyển và bổ nhiệm cán bộ. - Thực hiện các chương trình đào tạo và đào tạo lại đội ngũ NLD. - Cải tiến từng bước chế độ tiền lương để tiền lương thực sự là đòn bẩy để phát triển kinh doanh và thu hút lao động chất xám.

		<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì tốt phong trào thi đua để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công tác. - Khen thưởng động viên kịp thời đồng thời nâng cao kỷ luật lao động.
CHIẾN LƯỢC HỆ THỐNG QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG	Quản trị hệ thống chất lượng theo các tiêu chuẩn ISO, OHSAS, 5S và 7 Tiêu chí Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì kiểm tra, đánh giá nội bộ để đảm bảo hệ thống được vận hành thông suốt. - Thường xuyên cải tiến để nâng cao tính hiệu quả của hệ thống.
	Quan tâm lợi ích của các bên liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với khách hàng: Tạo cho khách hàng có cơ hội được phục vụ tốt; nhiều cơ hội lựa chọn sản phẩm, giá cả phù hợp, mua hàng thuận tiện, an tâm về số lượng, chất lượng. Đối với khách hàng chiến lược: đầu tư hỗ trợ khách hàng, chia sẻ khó khăn, lợi ích,.... - Đối với đối tác: duy trì mối quan hệ trên cơ sở bình đẳng, đôi bên cùng có lợi. - Nhà cung ứng: có cơ hội bán được nhiều hàng hơn, gia tăng thị phần, tăng khả năng cạnh tranh. Có cơ hội hợp tác và phát triển dịch vụ mới cùng COMECO. - Cổ đông: Vốn được bảo toàn và phát triển; tiền cổ tức hàng năm. - NLD: có việc làm và thu nhập ổn định, đời sống được cải thiện, có cơ hội thăng tiến; được làm việc trong môi trường tốt, được quan tâm bảo vệ sức khỏe. - Cộng đồng dân cư, xã hội: Bảo vệ môi trường sống tốt hơn, làm tăng vẻ đẹp mỹ quan và văn minh đô thị, điều kiện về vật chất và tinh thần cho cộng đồng, làm công tác từ thiện, xã hội...

VI. CÁC RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

- Kinh tế thế giới duy trì đà tăng trưởng tốt trong nửa đầu năm 2018, sau đó đã xuất hiện những diễn biến mới khiến tình hình trở nên phức tạp hơn, mối quan hệ căng thẳng giữa các nước lớn, đặc biệt là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đang có dấu hiệu leo thang, ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Nhìn chung, mức độ tăng trưởng vẫn còn mạnh mẽ ở các nền kinh tế phát triển, nhưng đã chậm lại ở nhiều nước. Trong đó IMF dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới khả quan nhất, tăng 3,9% (trong đó các nước công nghiệp phát triển tăng 2,3%; các nước đang phát triển tăng 4,9%). Tổ

chức Thương mại thế giới (WTO) dự đoán thương mại toàn cầu đang chững lại trong thời gian tới. Những bất ổn về chính trị, xu hướng gia tăng bảo hộ thương mại, các cải cách thuế của Mỹ và cuộc cạnh tranh về thuế, dự kiến sẽ ảnh hưởng tới xu hướng đầu tư toàn cầu.

- Trước tình hình đó, để ổn định và phát triển, COMECO vẫn phát huy các thế mạnh của mình đồng thời mở rộng kinh doanh, tiết kiệm các khoản chi phí, không ngừng xây dựng phát triển thương hiệu và văn hóa COMECO nhằm phục vụ khách hàng tốt nhất và đạt hiệu quả cao nhất.

2. Rủi ro pháp luật

- Là DNNN cổ phần hóa, hoạt động của COMECO chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật chung, các văn bản pháp luật về cổ phần hóa, về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các quy phạm pháp luật này đang trong quá trình hoàn thiện cho phù hợp với xu thế hội nhập. Vì vậy việc thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và sự thay đổi đó ít nhiều có ảnh hưởng đến hoạt động của COMECO.

- Ngoài ra, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu (ngành kinh doanh có điều kiện) về chính sách giá, tỷ giá, chính sách kinh doanh, chính sách quản lý hệ thống phân phối,... khi có những thay đổi, điều chỉnh cũng ảnh hưởng đến hoạt động của ngành và của COMECO.

- Chính sách của Nhà nước trong quá trình hội nhập sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nước ngoài tham gia kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam và các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đều tập trung thực hiện chiến lược mở rộng mạng lưới bán lẻ xăng dầu nên thị trường xăng dầu sẽ ngày càng cạnh tranh khốc liệt.

- Để giảm thiểu những rủi ro có tính chiến lược này, HĐQT và Ban TGD Công ty đã thường xuyên phân tích, dự báo tình hình để điều chỉnh kịp thời các kế hoạch nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh để đem lại hiệu quả kinh doanh.

3. Rủi ro cháy nổ

Xăng dầu là mặt hàng dễ gây cháy nổ và có thể gây thiệt hại lớn đối nếu có sơ xuất xảy ra trong quá trình bảo quản, vận chuyển, lưu thông. Để phòng ngừa rủi ro này, COMECO luôn tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, trang bị hệ thống chữa cháy Foam, hệ thống cảnh báo cháy tại các CNXD, trang bị kiến thức PCCC cho NLĐ và mua bảo hiểm tài sản, cháy nổ, các bảo hiểm rủi ro khác; thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, môi trường,... nhằm đảm bảo an toàn kinh doanh, hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty.

4. Rủi ro tín dụng

Công ty thực hiện bán hàng trả chậm cho khách hàng với hình thức tín chấp, do đó rủi ro đối tác không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng dẫn đến tổn thất về tài chính có thể xảy ra. COMECO thường xuyên theo dõi tình hình công nợ và việc thanh toán của khách hàng. Từ đó tiến hành phân loại khách hàng nhằm áp dụng hình thức trả chậm cho phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty xây dựng quy trình bán hàng có thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc các hình thức đảm bảo bằng tài sản khác, đề nghị khách hàng đặt cọc tiền khi mua hàng nhằm giảm thiểu rủi ro về việc khách hàng thanh toán không đúng hạn hoặc không thanh toán.

5. Rủi ro thanh khoản

Là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính. Để giảm thiểu rủi ro này, COMECO đã duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Đồng thời COMECO cũng tìm được nguồn vốn vay lãi suất thấp của các ngân hàng nhằm đáp ứng kịp thời nguồn vốn cho SXKD.

6. Rủi ro trong ngành xăng dầu

Rủi ro về biến động giá xăng dầu: Hiện nay nguồn cung xăng dầu nội địa vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu trong nước nên vẫn phải nhập khẩu từ các nước trong khu vực như Singapore, Malaysia, Thái Lan, Hàn Quốc và Trung Quốc. Thời gian qua, giá xăng dầu trên thế giới liên tục biến động bất thường ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu nói chung và COMECO nói riêng. Để hạn chế rủi ro, COMECO thường xuyên cập nhật thông tin về giá xăng dầu thế giới, thị trường xăng dầu trong nước để có kế hoạch kinh doanh hiệu quả.

Phần 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	TH NĂM 2000	TH NĂM 2017	KH NĂM 2018	TH NĂM 2018	TH 2018/ KH 2018 (%)	TH 2018/ TH 2017 (%)	TLBQ 18 NĂM (%)
A	B	C	1	3	4	5	6 (5/4)	7(5/3)	8
1	Doanh thu	Trđ	394.907	3.837.296	3.800.000	4.242.019	111,63	110,55	114,10
2	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	5.824	118.591	56.000	112.525	200,94	94,89	117,88
3	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	3.298	95.098	45.000	90.270	200,60	94,92	120,19
4	Nộp NSNN	Trđ	5.233	65.557	50.300	70.050	139,26	106,85	115,50
5	Cổ tức	%	-	50	15	50	333,33	100	

Ghi chú:

- Năm 2000: là Doanh nghiệp Nhà nước (13/12/2000 Cổ phần hóa).
- Lợi nhuận thực hiện năm 2018 đạt thấp hơn năm 2017 chủ yếu do lợi nhuận gộp năm 2018 thấp hơn 2017. Tuy nhiên Công ty vẫn vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2018.
- Cột 8: Cách tính TLBQ % theo phương pháp tăng trưởng tỷ lệ kép hàng năm (CAGR)

Nhận xét:

Năm 2018 tiếp tục là một năm kinh doanh tương đối khó khăn với Công ty. Các doanh nghiệp đầu môi lớn Petrolimex, PV Oil thường xuyên thực hiện chính sách khuyến mại, giảm giá từ 300 – 500 đồng/lít xăng dầu áp dụng cho tất cả khách hàng mua xăng dầu tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu trong hệ thống ảnh hưởng đến sản lượng bán lẻ của Khối Chi nhánh. Thực hiện Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND TPHCM quy định về hạn chế và cấp phép ô tô chở hàng, ô tô tải lưu thông trong khu vực nội đô Thành phố Hồ Chí Minh đã tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty. Ngoài việc giảm sản lượng bán hàng, còn gây khó khăn cho Công ty trong việc vận chuyển xăng dầu để phục vụ kinh doanh tại các cửa hàng bán lẻ và thực hiện dịch vụ vận chuyển nhiên liệu cho khách hàng trong khu vực nội đô Thành phố. Nhiều khoản chi phí tiếp tục tăng cao: chi phí tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN; chi phí đầu tư cải tạo mặt bằng CNXD đặc biệt là sửa chữa lớn CNXD số 25; đầu tư bảng hiệu cho hệ thống CNXD, khách hàng đại lý, thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu,.. gây ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Mặc dù vậy, với sự nỗ lực của tập thể Ban lãnh đạo và NLĐ Công ty cùng với việc triển khai hiệu quả một số giải pháp phù hợp (tiết giảm đến mức thấp nhất các khoản chi phí không cần thiết, khai thác triệt để các mặt bằng hoạt động kinh doanh...) đồng thời mức đơn giá lãi gộp bán lẻ xăng dầu năm 2018 duy trì ở mức tương đối tốt cho nên kết quả kinh doanh của COMECO đạt được trong năm vẫn duy trì ở mức tốt (tăng 201% so với kế hoạch năm). Chính kết quả kinh doanh tốt trong năm tạo điều kiện cho Công ty tiếp tục duy trì mức trả cổ tức cho cổ đông tỷ lệ 50% (5.000 đồng/1 cp) và nộp NSNN ở mức cao.

Tình hình kinh doanh ổn định, các báo cáo tài chính được công bố minh bạch theo đúng quy định. Công tác quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật; các đợt thanh, kiểm tra xăng dầu đột xuất của các cơ quan có thẩm quyền, Công ty đều đạt kết quả tốt; luôn đảm bảo đủ lượng hàng hóa để phục vụ người tiêu dùng, góp phần bình ổn thị trường và trật tự an toàn xã hội.

II. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. Danh sách Ban Điều hành

1.1. Tóm tắt lý lịch Ban Điều hành

▪ **Ông Lê Tấn Thương** : Ủy viên HĐQT - TGD

Năm sinh : 13/11/1971

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân Anh văn,
Cử nhân Ngoại thương.

Thâm niên trong ngành : 26 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 26 năm (làm việc tại Công ty từ 6/1993 đến nay)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 19 năm (từ tháng 10/2000 đến nay)

- Tháng 6/1993 : nhân viên Tổ Xuất nhập khẩu.
- Tháng 7/1996 : nhân viên Phòng Kế hoạch.
- Tháng 10/2000 : Phó phòng Kinh doanh và sau đó là Quyền Trưởng phòng Kinh doanh.
- Tháng 01/2001 : Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Giám đốc Kinh doanh.
- Tháng 10/2010 : Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD
- Tháng 5/2012 : TGD cho đến nay.
- Tháng 4/2017 : Ủy viên HĐQT kiêm TGD cho đến nay.

▪ **Ông Phạm Văn Khoa** : Phó TGD

Năm sinh : 05/5/1973

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng kỹ thuật công trình.

Thâm niên trong ngành : 22 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 20 năm (làm việc tại Công ty từ 7/1999 đến nay)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 15 năm (tháng 07/2004 đến nay)

- Tháng 7/1999 : nhân viên Phòng Kỹ Thuật.
- Tháng 7/2004 : Trưởng ban xây dựng cơ bản.
- Tháng 4/2005 : Giám đốc Đầu tư (Phòng Đầu tư - Xây dựng).
- Tháng 4/2006 : Ủy viên Ban Kiểm soát cho đến tháng 4/2012.
- Tháng 4/2013 : Phó TGD cho đến nay

▪ **Ông Nguyễn Chơn Quang** : Phó TGD

Năm sinh : 12/7/1982

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Thâm niên trong ngành : 09 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 09 năm (làm việc tại Công ty từ 7/2010 đến nay)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 07 năm (tháng 07/2012 đến nay)

- Tháng 7/2010 : nhân viên Phòng Kinh doanh.
- Tháng 4/2011 : Trợ lý Ban TGD.
- Tháng 4/2012 : Trợ lý TGD.
- Tháng 8/2012 : Quyền Giám đốc Kinh doanh.
- Tháng 1/2013 : Giám đốc Kinh doanh.
- Tháng 2/2015 : Phó TGD kiêm GĐ Kinh doanh.
- Tháng 1/2016 : Phó TGD cho đến nay.

▪ Ông Phạm Công Quyền : Kế toán trưởng - Giám đốc Tài chính.

Năm sinh : 19/6/1963

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân Tài chính,
Cử nhân Ngoại thương.

Thâm niên trong ngành : 33 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 33 năm (làm việc tại Công ty từ 6/1986 đến nay)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 30 năm (tháng 6/1989 đến nay)

- Tháng 6/1986 : nhân viên Kế toán Tổng hợp.
- Tháng 6/1989 : Phó phòng Kế toán.
- Tháng 01/2001 : Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính.
- Tháng 4/2012 : Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính cho đến nay.

1.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần COM của Ban TGD, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý khác và người có liên quan

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN TGD, KẾ TOÁN TRƯỞNG
VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU CỔ PHIẾU COM
(Tại thời điểm 24/12/2018)**

ĐVTính : cổ phần

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SLCP	NGƯỜI LIÊN QUAN	SLCP	TỔNG SLCP	TL/VĐL (%)
1	2	3	4	5	6	7 (4+6)	8
1	Ban TGD		151.710		38.910	190.620	1,35
1	Lê Tấn Thương	UV HĐQT - TGD	141.370	Vợ : Dương Thị Đài Trang	38.910	180.280	1,28
2	Phạm Văn Khoa	Phó TGD	5.600			5.600	0,04
3	Nguyễn Chơn Quang	Phó TGD	4.740			4.740	0,03
II	KTT		100.255		0	100.255	0,71
1	Phạm Công Quyền	GĐTC - KTT	100.255			100.255	0,71
	TC (I + II)		251.965		38.910	290.875	2,06

2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

3. Số lượng NLD và chính sách đối với NLD

3.1. Số lượng NLD

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG CỦA COMECO NĂM 2018

SỐ TT	TIÊU CHÍ	NĂM 2017		NĂM 2018		TỶ LỆ (%)
		TỔNG LAO ĐỘNG (người)	TỶ TRỌNG (%)	TỔNG LAO ĐỘNG (người)	TỶ TRỌNG (%)	
A	B	1	2	3	4	5(3/1)
I	Tổng số lao động	516		511		99
II	Trình độ văn hóa					
1	Trên đại học	07	1,36	07	1,37	100
2	Đại học	86	16,67	88	17,22	102
3	Cao đẳng	24	4,65	22	4,31	92
4	Trung cấp	49	9,50	50	9,78	102
5	Cấp III	478	92,64	300	58,71	63
6	Cấp II	31	6,01	29	5,68	94
III	Chính trị					
1	Đảng viên	48	9,30	49	9,59	102
2	Đoàn viên thanh niên	57	11,05	75	14,68	132
3	Đoàn viên Công đoàn	516	516	502	98,24	97
IV	Kinh nghiệm					
1	NLD có từ 3 đến 5 năm kinh nghiệm	110	21,32	101	19,77	92
2	NLD có trên 5 năm kinh nghiệm	328	63,57	324	63,41	99
V	Độ tuổi					
1	NLD có tuổi đời 30 tuổi trở xuống	178	34,50	167	32,68	94
2	NLD có tuổi đời 31 đến 40	238	46,12	237	46,38	100
3	NLD có tuổi đời 41 đến 50	72	13,95	76	14,87	106
4	NLD có tuổi đời từ 51 trở lên	28	5,43	31	6,07	111
VI	Cán bộ Quản lý					
1	Khối văn phòng (từ Phó GD bộ phận trở lên)	17	3,29	16	3,13	94
2	Khối CNXD (Trưởng, Phó CNXD)	43	8,33	45	8,81	105

Ghi chú: danh sách lao động tính đến thời điểm 31/12/2017 và 31/12/2018.

3.2. Chính sách đối với NLD

- Nguồn nhân lực luôn là tài sản quý giá nhất, COMECO có một đội ngũ 511 lao động có trình độ, lành nghề và tận tụy, trong đó nhiều cán bộ chủ chốt có nhiều năm gắn bó với Công ty. Trong quá trình quản lý COMECO luôn xem NLD là vốn quý, là tài sản của doanh nghiệp, các chế độ đối với NLD được thực hiện đầy đủ theo quy định của Nhà nước và theo Thỏa ước Lao động Tập thể của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn có các chế độ ưu đãi khác đối với NLD như phụ cấp cho NLD đi làm xa nhà, chi tiền học phí và khuyến khích NLD đi học, tổ chức tham quan du lịch, nghỉ dưỡng, sinh nhật,... Từ đó đã tạo môi trường làm việc bình đẳng, gắn kết để NLD xem COMECO như gia đình thứ hai của mình nhằm phát huy hết tinh thần làm việc đồng đội, sự sẻ chia và giúp đỡ nhau cùng hoàn thành mục tiêu chung của Công ty.

- Công tác đào tạo nâng cao nguồn nhân lực, đặc biệt chú trọng công tác đào tạo cán bộ trẻ. Năm 2018, Công ty đã đào tạo được 1.441 lượt người, đạt 133% kế hoạch năm. Bên cạnh đó cử đi đào tạo các trường Đại học, Cao đẳng, Cao cấp và Trung cấp Chính trị 19 người.

- Tham mưu và thực hiện quy hoạch đội ngũ cán bộ dự bị cho Văn phòng và Khối Chi nhánh. Năm 2018 tiếp tục bồi dưỡng quy hoạch 06 cán bộ dự bị cho các chức danh chủ chốt, 12 cán bộ cấp phòng trở xuống.

- Thực hiện công tác đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm theo đúng quy định. Công ty đã tổ chức buổi lễ tái bổ nhiệm 01 Phó TGD, bổ nhiệm mới 04 Phó Chi nhánh, 02 kế toán chi nhánh.

- Thực hiện có hiệu quả trong việc tuyển dụng, đào tạo công nhân mới. Kết quả của đào tạo là đội ngũ công nhân mới đáp ứng tốt công việc được giao. Năm 2018 tuyển dụng 38 lao động, đảm bảo lao động kịp thời cho các đơn vị và nhu cầu phát triển của Công ty. Hoán chuyển lao động về làm việc gần nhà để tạo điều kiện thuận lợi cho NLĐ, góp phần giảm ùn tắc giao thông của Thành phố đồng thời cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc sắp xếp ca kíp của các CNXD.

- Việc làm và đời sống của toàn thể NLĐ đã được duy trì trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn như hiện nay. Không có trường hợp bị mất việc làm. Ngoài sự quan tâm về vật chất, Công ty còn tổ chức cho NLĐ và thân nhân đi nghỉ dưỡng, tham quan tại Phan Thiết; cán bộ chủ chốt đi tham quan du lịch tại Miền Tây Nam bộ; tặng quà cho chị em phụ nữ nhân dịp 8/3, tổ chức cho NLĐ là nữ tham quan du lịch về nguồn chào mừng kỷ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 ở Hồ Cốc. Tổ chức chuyến đi về nguồn cho các gương điển hình học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2018 ở di tích lịch sử Côn Đảo trong tháng 08/2018.

- 100% NLĐ được thực hiện đầy đủ các quyền lợi và chế độ, không có trường hợp khiếu nại về chế độ chính sách. Các khoản chi lương, chi BHXH (ốm đau, thai sản,...) và các chính sách khác được đảm bảo kịp thời. 100% NLĐ được đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ và đúng quy định.

- Đảm bảo cung cấp đầy đủ các phương tiện về an toàn bảo hộ lao động. Qua các đợt đánh giá của các cơ quan ban ngành đều được đánh giá thực hiện tốt.

- Hệ thống Quản trị chất lượng toàn diện liên tục được cải tiến và ngày càng hoàn thiện, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và hiệu quả Công ty.

- Phong trào sáng kiến, giải pháp mới năm 2018: có 24 Giải pháp mới được xét công nhận và khen thưởng kịp thời. Nhiều giải pháp có tính hữu ích cao giúp Công ty tiết kiệm được nhiều chi phí.

- Môi trường làm việc an toàn và ngày càng được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004, Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001:2007 và công cụ nâng cao năng suất lao động "5S".

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Các khoản đầu tư

- Năm 2018, Công ty tiếp tục tập trung thực hiện việc khảo sát, bố trí lại các mặt bằng tại các CNXD để lắp thêm trụ bơm, bố trí các mặt hàng cho phù hợp với thị trường; đầu tư sửa chữa các CNXD.

- Tập trung hoàn thiện các hồ sơ pháp lý đất đai đối với tất cả các mặt bằng của Công ty.

- Đầu tư trụ bơm Tatsuno mới cho các CNXD theo kế hoạch; từng bước hiện đại hệ thống trụ bơm thể hệ mới cho CNXD.

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp cửa hàng xăng dầu để triển khai thực hiện CNXD phục vụ kiểu mẫu tại CNXD số 1, 3, 12, 17 (cải tạo sửa chữa làm thêm mái che trụ bơm, lắp đặt đường ống công nghệ và trụ bơm mới; mặt dựng nhà văn phòng, sơn mới chân tiêu đảo trụ bơm, lắp đèn chiếu sáng trong nhà khu rửa xe, trang bị tủ dầu nhờn,...). Trang bị 96 tủ cá nhân cho hệ thống CNXD treo ở mặt sau cột mái che cho nhân viên để dụng cụ bán hàng.

- Cải tạo trần mái che trụ bơm và xây mới nhà trưng bày nhớt cho CNXD 21.

- Đầu tư cải tạo, đổ bê tông, trải thảm nhựa lõi ra vào cửa hàng xăng dầu; trang bị hàng rào di động; cải tạo nhà để xe cho nhân viên; xây thêm nhà vệ sinh;... tại các CNXD 15, 26, 27, 30, 38, 43.

- Đầu tư nâng nền, cải tạo, sửa chữa lớn CNXD số 25.

- Đầu tư thực hiện hệ thống chiếu sáng ban đêm tại các CNXD nội đô Thành phố để đảm bảo an toàn trong công tác nhập hàng ban đêm theo Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND TPHCM.

- Đầu tư 01 xe tải mới vận chuyển dầu nhờn thay thế cho xe tải cũ để chủ động đáp ứng kịp thời nhu cầu vận chuyển dầu nhờn cho CNXD và khách hàng.

- Đầu tư trang trí, sửa chữa, nâng cấp hệ thống nhận diện thương hiệu COMECO cho CNXD của COMECO và các đại lý thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu: đầu tư bảng hiệu đèn LED, trang bị mới bảng hiệu, hộp đèn logo,....

- Công ty đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê đất tại 2 Khu công nghiệp ở tỉnh Long An; hiện đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục hồ sơ pháp lý và đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu.

Năm 2018, COMECO đã đầu tư và thanh quyết toán **10.233.406.631 đồng** (chưa bao gồm VAT) cho các hạng mục công trình sau:

- Cải tạo sửa chữa CNXD số 12 (xem phần 2.1 bên dưới)	5.489.318.832 đ
- Cải tạo sửa chữa CNXD số 03 (xem phần 2.1 bên dưới)	243.597.919 đ
- Cải tạo sửa chữa CNXD số 03 (xem phần 2.1 bên dưới)	182.585.788 đ
- Cải tạo sửa chữa CNXD số 21 (xem phần 2.1 bên dưới)	101.369.059 đ
- Cải tạo sửa chữa CNXD số 25 (xem phần 2.1 bên dưới)	3.733.407.761 đ
- Mua mới xe tải chở nhớt Hyundai New Mighty N250	483.127.272 đ

2. Một số dự án lớn của Công ty

2.1. Cải tạo sửa chữa hệ thống CNXD

2.1.1. Cải tạo nhà văn phòng, nâng nền, mái che khu vực bán hàng, hệ thống công nghệ, tường rào Chi nhánh 12 (công trình thực hiện xong trong năm 2017, quyết toán năm 2018):

- Công trình thuộc hình thức thuê dài hạn, hạn sử dụng đến năm 2060.

- Địa điểm: 28 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, Tp.HCM.

- Tổng mức đầu tư cải tạo là 5.489.318.832 đ.

2.1.2. Làm thêm mái che trụ bơm, lắp đặt đường ống công nghệ và trụ bơm mới Chi nhánh 3:

- Công trình thuộc hình thức thuê đất ngắn hạn cho đến khi nhà nước thực hiện quy hoạch (theo hợp đồng thuê đã hết hạn sử dụng).

- Địa điểm: 178/9M Điện Biên Phủ, P. 21, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM.

- Tổng mức đầu tư cải tạo là 243.597.919 đ.

2.1.3. Cải tạo khu rửa xe, mặt đứng nhà văn phòng, sơn chân tiểu đảo, làm mới tấm đan mương thu nước, trang bị vật dụng Chi nhánh 3 (Chi nhánh kiểu mẫu):

- Địa điểm: 178/9M Điện Biên Phủ, P. 21, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM.

- Tổng mức đầu tư cải tạo là 182.585.788 đ.

2.1.4. Cải tạo trần mái che trụ bơm và làm mới nhà trưng bày nhớt Chi nhánh 21:

- Công trình thuộc hình thức Hợp tác kinh doanh với thời hạn hợp đồng 6 năm, hạn sử dụng đến 31/12/2023.

- Địa điểm: 691 Quang Trung, P.8, Q. Gò Vấp, Tp.HCM.

- Tổng mức đầu tư cải tạo là 101.369.059 đ.

2.1.5. Cải tạo nâng nền, mái che, nhà văn phòng Chi nhánh số 25:

- Công trình thuộc hình thức thuê dài hạn, hạn sử dụng đến năm 2052.

- Địa điểm: 26 Hồ Học Lãm, P.16, Q.8, Tp.HCM.

- Tổng mức đầu tư cải tạo là 3.733.407.761 đ.

2.2. Đầu tư nâng cấp các CNXD theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 14001:2004 và OHSAS 18001:2007

- COMECO đã đầu tư cải tạo hệ thống thoát nước và hệ thống thu hồi hơi xăng dầu tại các CNXD để đảm bảo nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn theo quy định của Pháp luật. Bên cạnh đó, hàng năm, Công ty đều ký hợp đồng với đơn vị Nhà nước có chức năng để thực hiện kiểm nghiệm các chỉ tiêu nước thải, khí tại các CNXD COMECO và kết quả đều đạt yêu cầu.

- Đối với chất thải: hầu hết các CNXD COMECO đều có đăng ký sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại. Ngoài ra, Công ty cũng trang bị đầy đủ phương tiện tại các CNXD để kiểm soát, phân loại chất thải sinh hoạt vào chất thải nguy hại (Việc thực hiện thu gom và xử lý chất thải tại các CNXD COMECO được thực hiện định kỳ 6 tháng/lần theo quy định).

- Nâng cấp hệ thống nhà vệ sinh để cải thiện môi trường làm việc cho NLĐ và phục vụ khách hàng.

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH NĂM 2016	TH NĂM 2017	TH NĂM 2018	TỶ LỆ (%)	
						2018/2017	2018/2016
A	B	C	1	2	3	4 (3/2)	5 (3/1)
1	Tổng tài sản	Tr.đ	529.583	529.389	569.097	107,50	107,46
2	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	425.338	466.698	503.336	107,85	118,34
3	Vốn điều lệ	Tr.đ	141.206	141.206	141.206	100,00	100,00
4	SLCP đang lưu hành	Cp	14.120.628	14.120.628	14.120.628	100,00	100,00
5	Doanh thu thuần	Tr.đ	3.471.397	3.837.296	4.242.019	110,55	122,20
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đ	136.629	118.591	111.590	94,45	81,67
7	Lợi nhuận khác	Tr.đ	189	440	935	212,28	494,72
8	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	136.819	118.591	112.525	94,89	82,24
9	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	109.726	95.098	90.270	94,92	83,80
10	Tỷ lệ trả cổ tức	%	50	50	50	100,00	100,00
11	Lãi cơ bản trên cp (9/4)	Đồng	6.965	5.937	6.393	107,68	91,79
12	Giá trị cổ phiếu trên sổ sách (2/4)	Đồng	30.122	33.051	35.645	107,85	118,34

Ghi chú:

- Số liệu kiểm toán: đến hết năm 2018; Kiểm tra thuế: đến hết năm 2014.
- Mục 11: Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cp (EPS) năm 2017 thấp hơn 2018 mặc dù LNST 2017 cao hơn 2018 do ĐHCĐ thường niên Công ty đã thông qua Nghị quyết phân phối lợi nhuận năm 2017 vì vậy EPS năm 2017 sẽ lấy lợi nhuận sau thuế trừ đi số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Quy định tại thông tư 200/2014/TT-BTC).

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2016	TH 2017	TH 2018	TỶ LỆ (%)	
						2018/2017	2018/2016
A	B	C	1	2	3	4 (3/2)	5 (3/1)
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	2,65	4,79	5,81	121,31	218,99
1.2	Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,91	1,81	4,81	265,98	527,29
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
2.1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản:	Lần	0,20	0,12	0,12	97,58	58,70
2.2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu:	Lần	0,25	0,13	0,13	97,26	53,31
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
3.1	Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	27	23	41	180,74	152,85
3.2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	6,55	7,25	7,45	102,83	113,71
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
4.1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,16	2,48	2,13	85,87	67,32
4.2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	25,80	20,38	17,93	88,01	69,52
4.3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	20,72	17,96	15,86	88,30	76,56
4.4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,94	3,08	2,63	85,44	66,84

Nhận xét:

Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh: khả năng thanh toán nợ được đảm bảo; cơ cấu tài sản (48,46% là tài sản ngắn hạn và 51,54% là tài sản dài hạn) phù hợp với loại hình công ty thương mại; các khoản đầu tư dài hạn đều được tài trợ từ nguồn vốn dài hạn nên khả năng thanh khoản được kiểm soát tốt; khả năng tạo lợi nhuận tốt.

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần

1.1. Tổng số cổ phiếu theo từng loại tại thời điểm ngày 24/12/2018

SỐ TT	LOẠI CỔ PHIẾU	SLCP (cp)	THỜI GIAN HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG
1	Cổ phiếu thường	13.299.938	
2	Cổ phiếu quỹ	0	
3	Cổ phiếu bán cho các đối tác chiến lược Tổng Cty Dầu Việt Nam - Cty TNHH Một Thành Viên (PVOIL) thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petro VN)	820.690 820.690	5 năm (23/1/2008 → 23/1/2013)
	TỔNG CỘNG	14.120.628	

Ghi chú: Thời điểm chốt danh sách cổ đông 24/12/2018 là thời điểm gần thời gian Công ty lập báo cáo thường niên nhất.

1.2. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2018: **14.120.628 cp**

1.3. Giá trị sổ sách tại thời điểm tháng 31/12/2018

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cp đang lưu hành}} = \frac{503.336.333.127 \text{ đồng}}{14.120.628 \text{ cp}} = 35.645 \text{ đồng/cp}$$

Giá trị sổ sách năm 2018: 35.645 đồng/cp tăng 107,85% so với năm 2017: 33.051 đồng/cp.

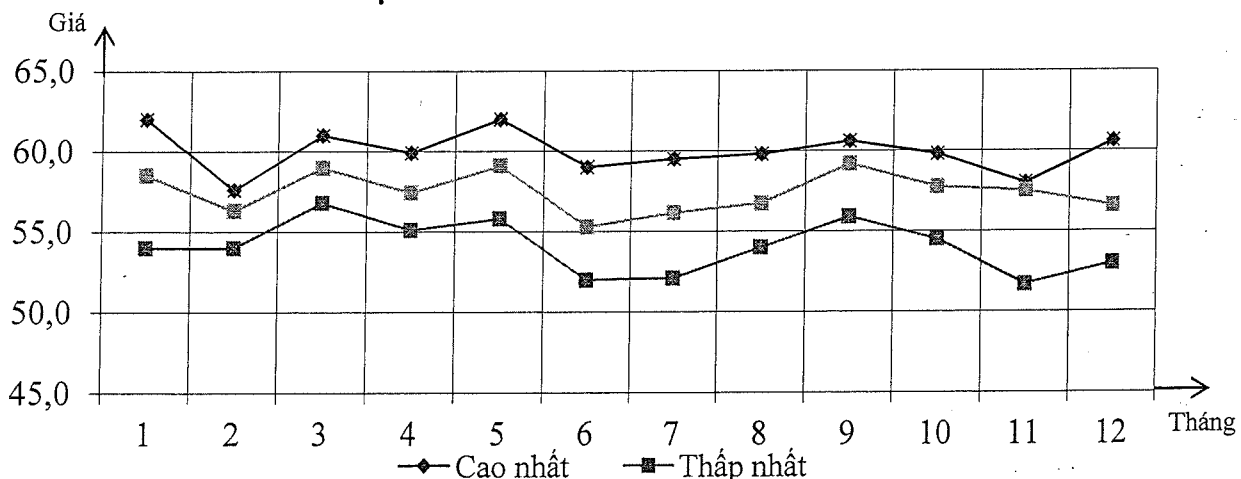
1.4. Diễn biến giá cổ phiếu COM năm 2018

BẢNG GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2018

ĐVT: ngàn đồng

THÁNG	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	CẢ NĂM
Cao nhất	62,0	57,6	61,0	59,9	62,0	59,0	59,5	59,8	60,6	59,8	58,0	60,6	62,0
Thấp nhất	54,0	54,0	56,8	55,1	55,8	52,0	52,1	54,0	55,9	54,5	51,7	53,0	51,7
Trung bình	58,5	56,3	59,0	57,4	59,1	55,3	56,2	56,8	59,2	57,8	57,5	56,6	57,5

ĐỒ THỊ GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2018



2. Cơ cấu cổ đông

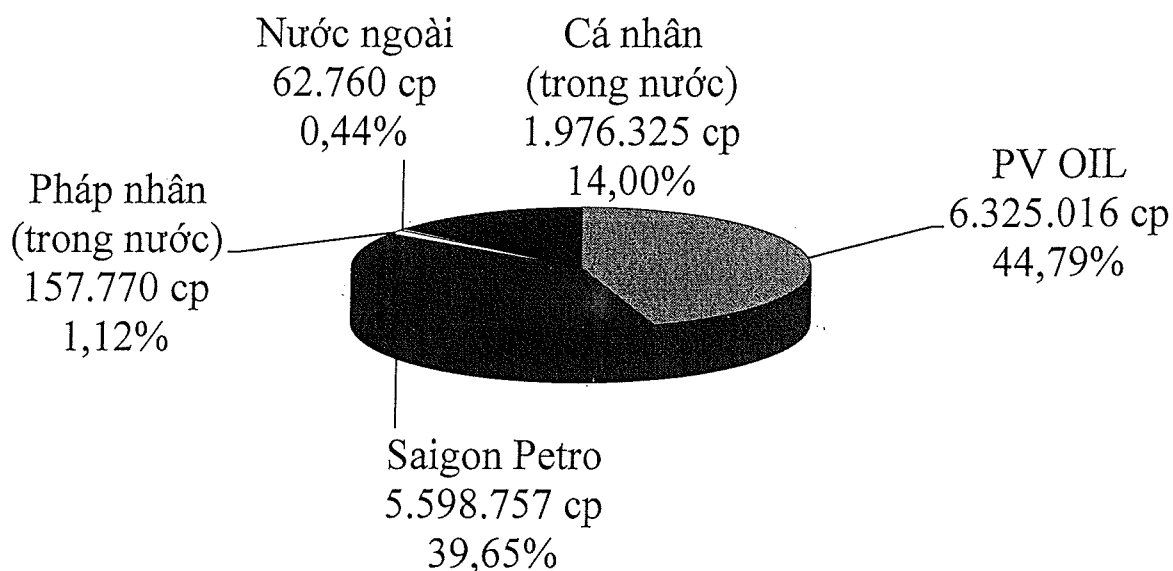
2.1. Cổ đông trong nước và nước ngoài

SỐ TT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	THỜI ĐIỂM 19/01/2018			THỜI ĐIỂM 24/12/2018			TỶ LỆ (%)
		SLCỔ ĐÔNG	SLCP (cp)	TL/VĐL (%)	SLCỔ ĐÔNG	SLCP (cp)	TL/VĐL (%)	
A	B	1	2	3	4	5	6	7(5/2)
I	Cổ đông trong nước	349	14.057.118	99,55	320	14.057.868	99,56	100,01
1	Pháp nhân	4	11.945.283	84,59	5	12.081.543	85,56	101,14
1.1	<i>PV Oil</i>	1	6.325.016	44,79	1	6.325.016	44,79	100
1.2	<i>Saigon Petro</i>	1	5.598.757	39,65	1	5.598.757	39,65	100
1.3	Khác	2	21.510	0,15	3	157.770	1,12	733,47
2	Cá nhân	345	2.111.835	14,96	315	1.976.325	14,00	93,58
II	Cổ đông nước ngoài	69	63.510	0,45	68	62.760	0,44	98,82
1	Pháp nhân	5	13.090	0,09	6	13.340	0,09	101,91
2	Cá nhân	64	50.420	0,36	62	49.420	0,35	98,02
	TC (I + II)	418	14.120.628	100	388	14.120.628	100	100

Ghi chú: Thời điểm chốt danh sách cổ đông 24/12/2018 là thời điểm gần thời gian Công ty lập báo cáo thường niên nhất.

2.2. Tỷ trọng cổ phiếu COM

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHIẾU COM (Tại thời điểm 24/12/2018)



2.3. Cổ đông lớn

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TỪ 100.000 CP COM TRỞ LÊN (Tại thời điểm 24/12/2018)

SỐ TT	TÊN CỔ ĐÔNG LỚN	ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC	NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH	CỔ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 19/01/2018		TĂNG GIẢM (cp)	CỔ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 24/12/2018	
				SL (cp)	TL (%)		SL (cp)	TL (%)
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+3)	5
1	Tổng Cty Dầu Việt Nam Cty TNHH MTV (PVOil)	Lầu 14-17 số 1-5 Lê Duẩn, Q.1, Tp.HCM	Dầu khí	6.325.016	44,79	0	6.325.016	44,79
2	Cty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro)	27 Nguyễn Thông, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Dầu khí	5.598.757	39,65	0	5.598.757	39,65
3	Ông Lê Tấn Thương và người có liên quan	318/1A Cách Mạng Tháng Tám, P.10, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	UV HĐQT - TGĐ COMECO	180.280	1,28	0	180.280	1,28
4	Ông Nguyễn Nam Hải	917 Đường 3/2, P.7, Q.11, Tp.HCM	Trưởng CNXD số 01 COMECO	176.000	1,25	0	176.000	1,25
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Tầng 2 và 3, Tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, P. Trần Hưng Đạo, Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	Chứng khoán	0	0	136.260	136.260	0,96
6	Ông Trần Nguyên Anh	611/8B Điện Biên Phủ, P.1, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Trưởng CNXD số 12 COMECO	121.100	0,86	0	121.100	0,86
7	Ông Hà Thanh Hùng	117 Trương Định, P.7, Q.3, Tp.HCM	Cổ đông ngoài	102.570	0,73	0	102.570	0,73
8	Ông Phạm Công Quyền	35/10 Nguyễn Đình Chiểu, P.4, Q.3, Tp.HCM	GDĐT - KTT COMECO	100.255	0,71	0	100.255	0,71
TỔNG CỘNG				12.603.978	89,26	136.260	12.740.238	90,22

Ghi chú: Cổ đông lớn theo quy định của Luật chứng khoán là cổ đông sở hữu từ 5% cổ phiếu của Công ty trở lên. Theo quy định này thì Công ty hiện có 2 cổ đông lớn là PV Oil và Saigon Petro.

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2018: không có

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

5. Chi cổ tức

COMECO đã tiến hành chi cổ tức bằng tiền mặt năm 2018 tỷ lệ 50% (5.000 đồng/1 cp) các đợt cụ thể như sau:

SỐ TT	NỘI DUNG	NGÀY GIAO DỊCH KHÔNG HƯỞNG QUYỀN	NGÀY THANH TOÁN CỔ TỨC	TỶ LỆ CỔ TỨC CHI TRẢ (%)
1	Thanh toán cổ tức đợt 1/2018 bằng tiền mặt tỷ lệ 10%	28/08/2018	13/09/2018	10
2	Thanh toán cổ tức đợt 2/2018 bằng tiền mặt tỷ lệ 40%	24/12/2018	04/01/2019	40

6. Các chứng khoán khác

6.1 Thực hiện đầu tư vào các công ty có liên quan

BÁO CÁO ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2018 (Từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018)

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ CK	TÒN ĐẦU KỲ (cp)	MUA		BÁN		TÒN CUỐI KỲ	
				SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
I	Cổ phiếu đã niêm yết		853.525					853.525	16.159.184
1	Cty cp Thương nghiệp Cà Mau	CMV	237.504					237.504	3.450.000
2	Cty cp Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	HAX	8.212					8.212	46.600
3	Cty cp Cơ khí Xăng dầu	PMS	176.942					176.942	3.989.625
4	Cty cp Thương mại XNK Thủ Đức	TMC	264.752					264.752	5.775.685
5	Cty cp Bến xe miền Tây	WCS	5.000					5.000	87.500
6	Cty cp Cà phê Petec	PCF	43.800					43.800	444.000
7	Tổng Cty Cp TM KT & ĐT Petec	PEG	99.675					99.675	2.093.175
8	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Nam Định	PND	17.640					17.640	272.599
II	Cổ phiếu chưa niêm yết		2.400.000					2.400.000	24.000.000
1	Cty cp Cơ khí ô tô Cần Thơ		200.000					200.000	2.000.000
2	Cty cp Vận tải biển Việt Tín		1.000.000					1.000.000	10.000.000
3	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn		200.000					200.000	2.000.000
4	Cty Cp Vận tải X.dầu Dầu khí Việt Nam		1.000.000					1.000.000	10.000.000
	TỔNG CỘNG		3.253.525					3.253.525	40.159.184

Ghi chú: Cổ phiếu PEG của Tổng Công ty Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần bắt đầu giao dịch trên thị trường UPCoM kể từ ngày 05/11/2018.

6.2. Tình hình dự phòng giảm giá chứng khoán

BẢNG DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN
(Tính đến 31/12/2018)

SỐ TT	TÊN CHỨNG KHOÁN	MÃ CK	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU (cp)	GIÁ MUA BÌNH QUÂN (đ/cp)	GIÁ NGÀY 28/12/18 (đ/cp)	CHÊNH LỆCH ĐƠN GIÁ (đ/cp)	GIÁ TRỊ CHÊNH LỆCH (1.000đ)	DỰ PHÒNG TRÍCH LẬP CÁC NĂM (1.000đ)	TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NĂM 31/12/2018 (1.000đ)
A	B	C	1	2	3	4 (3-2)	5 (1x4)	6	7 (5-6)
I	CP đã niêm yết		853.525				- 5.387.386	- 4.303.427	-1.083.960
1	Cty cp Thương nghiệp Cà Mau	CMV	237.504	14.526	17.500	2.974			
2	Cty cp DV Ô tô Hàng Xanh	HAX	8.212	5.675	15.700	10.025			
3	Cty cp Cơ khí Xăng dầu	PMS	176.942	22.548	13.500	-9.048	- 1.600.908	- 1.300.107	- 300.801
4	Cty cp TM XNK Thủ Đức	TMC	264.752	21.815	13.700	- 8.115	- 2.148.583	- 2.333.909	185.326
5	Cty cp Bến xe miền Tây	WCS	5.000	17.500	133.000	115.500			
6	Cty cp Cà phê Petec	PCF	43.800	10.137	10.000	- 137	- 6.000	-6.000	
7	Tổng Cty Cp TM KT & ĐT Petec	PNG	99.675	21.000	6.000	- 15.000	- 1.495.125	- 663.411	- 831.714
8	Cty cp Xăng dầu Dầu khí Nam Định	PND	17.640	15.543	7.700	- 7.843	- 136.771	0	- 136.771
II	CP chưa niêm yết		2.400.000				-11.570.592	- 11.491.831	- 78.761
1	Cty cp Cơ khí ô tô Cần Thơ		200.000	10.000	2.541	-7.459	- 1.570.592	- 1.491.831	- 78.761
2	Cty cp Vận tải biển Việt Tín		1.000.000	10.000		-10.000	-10.000.000	-10.000.000	
3	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn		200.000	10.000					
4	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam		1.000.000	10.000					
	TỔNG CỘNG (I + II)		3.253.525				-16.957.978	-15.795.258	- 1.162.721

Ghi chú:

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cp.
- Cột 3: Giá các loại cổ phiếu ngày 31/12/2018 được tính như sau:
 - + Cổ phiếu đã niêm yết được lấy theo giá trên sàn giao dịch (ngày 28/12/2018).
 - + Cổ phiếu chưa niêm yết được lấy theo giá mua vào. Các cổ phiếu của Cty Cp Cơ khí Ô tô Cần Thơ, Công ty Cp Vận tải Biển Việt Tín do vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn điều lệ (BCTC năm 2017 đã kiểm toán) nên COMECO trích lập dự phòng căn cứ theo Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 về sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính thi điều kiện để trích dự phòng đối với cổ phiếu: có vốn chủ sở hữu nhỏ hơn so với vốn điều lệ.
- Cột 5: Giá trị chênh lệch: chỉ tính khi giá trị cột 4 < 0

VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Quản lý và kiểm soát chất thải

COMECO ban hành hướng dẫn kiểm soát chất thải để theo dõi phân loại, thu gom, lưu giữ các loại chất thải từ COMECO đến điểm xử lý thích hợp của đơn vị có chức năng, được cấp phép hoạt động. Hướng dẫn cũng nhằm cung cấp thông tin cần thiết để ngăn ngừa và giảm thiểu tối đa việc phát sinh tác động nguy hại của chất thải nguy hại đến môi trường, an toàn sức khỏe nghề nghiệp; đáp ứng tiêu chuẩn môi trường theo quy định pháp luật, giúp bảo vệ môi trường tốt hơn.

Tại văn phòng Công ty, CNXD, Xưởng trụ bơm đều được trang bị các loại thùng rác và nhãn nhận biết. Rác thải rắn được để riêng từng loại trước khi cho vào thùng.

1.1. Chất thải không nguy hại, rác sinh hoạt (còn gọi là chất thải thông thường)

Chất thải rắn không nguy hại, chất thải sinh hoạt được CNXD giao cho nơi thu gom địa phương.

1.2. Chất thải nguy hại

Chất thải rắn nguy hại được giao cho nhà thầu thu gom rác có chức năng và được cấp phép hoạt động (Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Tp.Hồ Chí Minh). Khi đến CNXD thu rác, người phụ trách xem số xe, nếu đúng như số ghi trong giấy phép thu gom thì mới giao rác. Công ty theo dõi việc đưa rác thải rắn đến điểm xử lý thích hợp, nhận hợp đồng liên 5 và liên 6, giao liên 6 cho cơ quan Nhà nước. Định kỳ hàng năm, Công ty lập báo cáo kết quả thu gom, xử lý chất thải gửi về Cơ quan chức năng.

1.3. Chất thải khí

Công ty đã lắp đặt hệ thống thu hồi hơi xăng dầu cho các CNXD. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức đo kiểm các chỉ tiêu định kỳ 6 tháng/ lần do cơ quan Nhà nước thực hiện; kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu đều đạt theo quy định của pháp luật.

1.4. Nước thải

Công ty đầu tư xây dựng hệ thống hố gạn dầu để xử lý nước thải trước khi xả thải ra hệ thống thoát nước công cộng. Ngoài ra, Công ty duy trì thực hiện vệ sinh hố gạn dầu định kỳ 1 tuần/ lần. Kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu nước thải CNXD do cơ quan Nhà nước thực hiện đều đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm soát môi trường làm việc

2.1. Nhận diện khía cạnh, môi trường, mối nguy an toàn

Công ty thiết lập Thủ tục nhận diện khía cạnh, môi trường, mối nguy an toàn sức khỏe để quy định trình tự và cách thức nhận diện những khía cạnh môi trường và các mối nguy; xác định mức độ rủi ro, các tác động môi trường đáng kể và các yêu cầu của pháp luật. Từ đó đề ra các biện pháp kiểm soát thích hợp; các hành động khắc phục kịp thời nhằm: giảm thiểu các tác động có hại đến môi trường; phòng ngừa những rủi ro có thể xảy ra; đảm bảo sự tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của pháp luật; tạo môi trường làm việc sạch sẽ, an toàn cho NLD, người ngoài vào làm việc, công tác tại COMECO.

2.2. Công tác an toàn PCCC, ứng phó tình huống khẩn cấp

Công ty xây dựng Thủ tục ứng phó tình huống khẩn cấp để thiết lập cơ sở nhận dạng, xác định các sự cố tiềm ẩn và trình tự ứng phó với tình huống khẩn cấp có thể xảy ra nhằm đề phòng và hạn chế tối đa mức độ ảnh hưởng của tình trạng này đến môi trường, an toàn sức khỏe nghề nghiệp. Hàng năm, các CNXD lựa chọn tình huống khẩn cấp được nêu trong Thủ tục để tiến hành diễn tập (giả định) tạo cho toàn thể NLD ý thức và thuận thực trong hoạt động ngăn ngừa và ứng phó tình huống khẩn cấp. Kết quả diễn tập ghi nhận lại vào biên bản diễn tập để rút kinh nghiệm.

2.3. Kết quả đo môi trường, vi khí hậu

Định kỳ 6 tháng/lần, Công ty mời cơ quan Nhà nước đến đo kiểm các chỉ tiêu vi khí hậu, môi trường làm việc và các chỉ tiêu nước thải CNXD. Kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu đều đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật. Kết quả này được lập thành báo cáo giám sát môi trường và gửi về cơ quan Nhà nước định kỳ 6 tháng/ lần.

2.4. An toàn lao động

Công tác an toàn lao động tại nơi làm việc luôn được quan tâm. Trong năm 2018, Công ty không có trường hợp xảy ra tai nạn lao động, không có NLD bị bệnh nghề nghiệp. Các chỉ số về môi trường làm việc luôn được đo đạc định kỳ và nằm trong giới hạn cho phép.

2.4.1. Đội sơ cứu ban đầu, an toàn vệ sinh viên

Mạng lưới sơ cấp cứu viên và an toàn vệ sinh viên được bố trí đảm bảo tại các đơn vị trong toàn hệ thống CNXD của COMECO. Đội sơ cấp cứu và an toàn vệ sinh viên được bồi dưỡng và tiếp tục đào tạo mới hàng năm.

2.4.2. Trang bị bảo vệ cá nhân

Định kỳ hàng năm Công ty trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho NLD theo Thỏa ước lao động Tập thể bao gồm quần áo, giày, nón vải,... Tổng số tiền trang bị năm 2018 là: 1.452.996.750 đồng

2.4.3. Đào tạo kiến thức về an toàn lao động, Sơ cấp cứu, kỹ thuật an toàn vệ sinh lao động

Công tác đào tạo định kỳ về nghiệp vụ an toàn vệ sinh lao động, sơ cấp cứu, an toàn vệ sinh viên được thực hiện hàng năm cho NLD theo hướng dẫn của Pháp luật. Qua các buổi đào tạo NLD được cập nhật các văn bản pháp luật mới, nắm rõ thêm về các quy định của Pháp luật đối với công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; quyền và nghĩa vụ của NLD; có kiến thức cơ bản về công tác đảm bảo an toàn, sơ cấp cứu tạm thời; ...

3. Chăm sóc sức khỏe cho NLD

3.1. Khám sức khỏe định kỳ

Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLD tại các bệnh viện lớn, có uy tín. Trong năm 2018, tổng số người khám sức khỏe định kỳ là 487 người; chi phí khám sức khỏe cho NLD là 157.617.500 đồng. Phân loại sức khỏe loại 1 là 85 người; loại 2 là 278 người; loại 3 là 100 người; loại 4 là 24 người. Chất lượng sức khỏe của NLD được cải thiện, những trường hợp NLD sức khỏe chưa đạt, Công ty có lộ trình hướng dẫn NLD điều trị cải thiện để đảm bảo sức khỏe làm việc.

3.2. Khám bệnh nghề nghiệp

Hàng năm Công ty tổ chức khám bệnh nghề nghiệp cho đối tượng lao động trực tiếp tại các Chi nhánh xăng dầu như khám nhiễm độc hóa chất nghề nghiệp (benzen): 2 lần/năm; sạm da nghề nghiệp: 1 lần/năm; khám nốt dầu nghề nghiệp cho đối tượng công nhân kỹ thuật, công nhân sửa chữa, rửa xe: 1 lần/năm. Tổng số tiền tổ chức khám bệnh nghề nghiệp năm 2018: 496.754.000 đồng. Kết quả không có NLD bị bệnh nghề nghiệp, các chỉ số sức khỏe nằm trong giới hạn bình thường.

3.3. Cấp phát thuốc, túi sơ cấp cứu

Định kỳ đầu mỗi quý trong năm, Công ty tổ chức cấp phát thuốc, túi sơ cấp cứu cho các đơn vị. Luôn đảm bảo số lượng và chất lượng thuốc tại các đơn vị đúng theo quy định. Tổng số tiền trang bị: 32.142.600 đồng.

3.4. Kết quả kiểm tra chỉ tiêu nước uống

Công ty ký Hợp đồng cung cấp nước uống với đơn vị cung cấp nước uống Choliwa cho toàn Công ty. Kết quả kiểm tra chỉ tiêu nước uống định kỳ 6 tháng/ lần tại Viện y tế công cộng Tp.Hồ Chí Minh đạt theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 6-1:2010/BYT do Bộ Y tế ban hành.

4. Kết quả thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội

Năm 2018, ngoài việc thăm hỏi tặng quà cán bộ hưu trí, tặng quà cho thiếu nhi là con của NLD của Công ty, Công ty còn thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội như: đóng góp cho các trung tâm từ thiện xã hội; xây dựng nhà tình thương ở Bến Tre, Long An; hỗ trợ sửa nhà cho cán bộ, chiến sĩ có hoàn cảnh khó khăn tỉnh An Giang; đóng góp 01 ngày lương cho Quỹ “Vì biển đảo quê hương vì tuyến đầu Tổ quốc”; tặng quà cho đồng bào nghèo xã An Thạnh, huyện Cần Giỏi; ... với tổng số tiền là: **322.203.619 đồng**.

5. Phát triển nguồn nhân lực

5.1. Kiểm soát nguồn nhân lực

5.1.1. Tuyển dụng

Trong năm 2018, Công ty tuyển dụng 38 lao động để đảm ứng kịp thời cho các lao động nghỉ hưu, chuyển công tác, mở rộng thêm các CNXD. Đội ngũ lao động tuyển dụng ngày càng trẻ hóa, có kinh nghiệm, đáp ứng các yêu cầu của Công ty.

5.1.2. Đào tạo

- Công tác đào tạo nâng cao nguồn nhân lực, đặc biệt chú trọng công tác đào tạo cán bộ trẻ. Năm 2018, Công ty đã tổ chức đào tạo được 1.441 lượt NLD, đạt 133% so với kế hoạch; cử đi đào tạo đại học, cử nhân, cao đẳng, trung cấp chính trị: 19 người.

- Công ty tiếp tục tổ chức các buổi để TGD gặp gỡ sinh hoạt với người lao động; Đào tạo kiến thức theo Giáo trình COMECO mới. Đồng thời tổ chức và cử đi đào tạo các lớp về chuyên môn nghiệp vụ, nhằm nâng cao trình độ cho NLD, cập nhật văn bản pháp luật và vận dụng vào công việc.

5.1.3. Quy hoạch

- Tham mưu và thực hiện quy hoạch đội ngũ cán bộ dự bị cho Văn phòng và Khối Chi nhánh. Năm 2018 tiếp tục bồi dưỡng quy hoạch 6 cán bộ dự bị cho các chức danh chủ chốt, 12 cán bộ cấp phòng trở xuống.

- Công tác đào tạo nâng cao nguồn nhân lực, đặc biệt chú trọng công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ trẻ.

5.1.4. Bổ nhiệm

- Trong năm 2018, Công ty tổ chức buổi lễ tái bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc; bổ nhiệm mới 04 phó chi nhánh, 02 kế toán chi nhánh. Số cán bộ được bổ nhiệm đã phát huy được năng lực chuyên môn vào công việc và thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả cao.

- Số cán bộ được bổ nhiệm đã phát huy được năng lực chuyên môn vào công việc và thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả cao.

- Công tác tổ chức bộ máy được cải tiến, thực hiện việc sắp xếp cán bộ quản lý tương đối phù hợp, phát huy đúng khả năng của từng cán bộ; công tác đào tạo và bồi dưỡng đã đạt được những kết quả nhất định cả về nhận thức và chuyên môn nghiệp vụ. Công tác quản lý ngày càng chặt chẽ, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và hiệu quả của Công ty. Công tác quản lý ngày càng chặt chẽ, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và hiệu quả của Công ty.

5.2. Chính sách đối với NLĐ

5.2.1. Lương, thưởng

Ban lãnh đạo Công ty luôn có sự động viên khen thưởng kịp thời, đảm bảo các điều kiện về vật chất và tinh thần để NLĐ yên tâm phục vụ. Ban TGD Công ty đã đi các đơn vị trực thuộc để thăm hỏi, lắng nghe ý kiến và trực tiếp động viên NLĐ. Các chế độ chính sách được thực hiện đầy đủ. Việc làm và đời sống của NLĐ ổn định; thu nhập bình quân của NLĐ năm 2018 là 13.298.378 đồng/người/tháng. Bên cạnh đó Công ty còn hỗ trợ cho NLĐ điều trị bệnh hiểm nghèo.

- Công ty trả lương hàng tháng cho NLĐ đúng thời gian như đã cam kết với NLĐ trong Thỏa ước lao động tập thể, chia làm 2 đợt như sau:

- + Đợt 1: tạm ứng lương từ ngày 20 – 25 (Dương lịch) của tháng;
 - + Đợt 2: thanh toán tiền lương từ ngày 10-15 (Dương lịch) của tháng sau liền kề.
- Trong các dịp Lễ, Tết, Công ty cũng có những khoản chi thưởng cho NLĐ.

5.2.2. Bảo hiểm

Các chế độ, chính sách, bảo hiểm của NLĐ được thực hiện thường xuyên, liên tục và đúng thời hạn. Việc giải quyết các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ hưu được thực hiện đầy đủ cho NLĐ. Không có trường hợp khiếu nại về chế độ chính sách.

5.2.3. Phúc lợi

- Ngoài sự quan tâm về vật chất, Công ty còn tổ chức cho NLĐ và thân nhân đi nghỉ dưỡng, tham quan tại Phan Thiết; cán bộ chủ chốt đi tham quan du lịch tại Miền Tây Nam bộ; tặng quà cho chị em phụ nữ nhân 8/3, tổ chức cho NLĐ là nữ tham quan du lịch về nguồn chào mừng kỷ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 ở Hồ Cốc. Tổ chức chuyến đi về nguồn cho các gương điển hình học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2018 ở di tích lịch sử Côn Đảo trong tháng 08/2018.

- Hoán chuyển lao động về làm việc gần nhà để tạo điều kiện thuận lợi cho NLĐ, góp phần giảm ùn tắc giao thông của Thành phố đồng thời cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc sắp xếp ca kíp của các cửa hàng.

- Đảm bảo cung cấp đầy đủ các phương tiện về an toàn bảo hộ lao động.

5.3. Phát huy dân chủ

Công ty thực hiện tốt Quy chế Thực hiện Đối thoại định kỳ tại Công ty; Quy chế Thực hiện Hội nghị NLĐ; Quy chế Thực hiện Dân chủ tại Công ty

5.3.1. Lãnh đạo Công ty tiếp NLĐ vào mỗi sáng thứ hai tuần cuối tháng.

Thứ hai tuần cuối tháng hàng kỳ lãnh đạo Công ty tiếp NLĐ tại Văn phòng Công ty. Qua đây, NLĐ có thể trực tiếp trao đổi với Lãnh đạo Công ty về các ý kiến của bản thân và được Lãnh đạo Công ty ghi nhận và xem xét giải quyết thỏa đáng.

5.3.2. Sáng kiến – Giải pháp mới

Phong trào Sáng kiến, Giải pháp mới được Công ty duy trì thực hiện thường xuyên từ năm 2007 đến nay. Tổng số Giải pháp mới năm 2018 là 24 Giải pháp mới và nhiều ý kiến đóng góp khác.

Các ý kiến của NLĐ được tổng hợp qua nhiều kênh thông tin như: cá nhân NLĐ; trong các cuộc họp giao ban, Hội nghị NLĐ,... Các ý kiến đều được ghi nhận và khen thưởng kịp thời; đồng thời các ý kiến đã góp phần tăng năng suất lao động, xây dựng phát triển văn hóa, thương hiệu COMECO; tiết kiệm chi phí,...

Phần 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Năm 2018 kinh tế tăng trưởng tích cực, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 7,08%, là mức tăng cao nhất trong 10 năm qua. Trong năm 2018, có 131.275 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 3,5% so với năm 2017.

- Tình hình nợ công tăng nhanh, nguồn vốn để đầu tư phát triển kinh tế xã hội gặp nhiều khó khăn.

- Lãi suất ngân hàng ổn định nhưng việc tiếp cận vốn đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ còn khó khăn, hạn chế (Theo thống kê của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trong nhiều năm cho thấy, doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm khoảng 95% trong tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên cả nước, nhưng chỉ khoảng 20%-25% số lượng doanh nghiệp này vay được vốn từ ngân hàng). Xu hướng chiếm dụng vốn giữa các doanh nghiệp vẫn có chiều hướng gia tăng, vì vậy Công ty vẫn tiếp tục chủ trương giảm đối tượng bán hàng trả chậm để đảm bảo an toàn kinh doanh.

- Thị trường bất động sản đang trong chu kỳ tăng trưởng tích cực và xu hướng chính vẫn là đang đi lên, mảng kinh doanh cho thuê bất động sản của Công ty tương đối thuận lợi; nhu cầu sử dụng nhiên liệu của các doanh nghiệp xây dựng, đầu tư san lấp mặt bằng,... cũng tăng.

- Thị trường tài chính duy trì tăng trưởng ổn định, lạm phát được kiểm soát. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với năm 2017.

- Thị trường xăng dầu trong nước được điều hành theo cơ chế thị trường có sự kiểm soát của Nhà nước. Năm 2018, thị trường xăng dầu thế giới diễn biến phức tạp khó lường, giá xăng dầu biến động liên tục, lên nhanh giảm cũng nhanh do bị tác động bởi nhiều yếu tố như tình hình địa – chính trị thế giới phức tạp, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung diễn ra khốc liệt,... nên việc điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu trong nước cũng diễn ra thường xuyên. Năm 2018, có 20 lần điều chỉnh giá bán lẻ (10 lần tăng; 8 lần giảm, 01 lần tăng DO giảm KO; 01 lần giảm KO tăng DO). Bên cạnh đó, kể từ khi thực hiện theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, ngày càng nhiều thành phần tham gia thị trường xăng dầu, đặc biệt là các doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu nhỏ, các thương nhân phân phối xăng dầu nên có sự cạnh tranh gay gắt về giá; do đó nên mảng kinh doanh bán sỉ gặp nhiều khó khăn.

- Các doanh nghiệp đầu mối lớn Petrolimex, PV Oil thường xuyên thực hiện chính sách khuyến mại, giảm giá từ 300 – 500 đồng/lít xăng dầu áp dụng cho tất cả khách hàng mua xăng dầu tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu trong hệ thống ảnh hưởng đến sản lượng bán lẻ của Khối Chi nhánh.

- CNXD số 31, 42 và 23 của Công ty phải ngưng hoặc tạm ngưng hoạt động do đối tác thay đổi loại hình hoạt động, thay đổi sản xuất kinh doanh hoặc để thực hiện các thủ tục về đất đai đã ảnh hưởng đáng kể đến sản lượng kinh doanh của Công ty.

- Tình trạng kẹt xe trong nội đô Thành phố, việc phân luồng giao thông, cấm xe tải lưu thông trên một số tuyến đường, thời tiết mưa bão nhiều, ngập nước,... tiếp tục ảnh hưởng đến sản lượng bán hàng tại các Chi nhánh xăng dầu (CNXD). CNXD 25 ngưng hoạt động để cải tạo, sửa chữa từ đầu tháng 7/2018 đến cuối tháng 8/2018 nên sản lượng kinh doanh của Công ty giảm.

- Thực hiện Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND TPHCM quy định về hạn chế và cấp phép ô tô chở hàng, ô tô tải lưu thông trong khu vực nội đô Thành phố Hồ Chí Minh đã tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty. Ngoài việc giảm sản lượng bán hàng, còn gây khó khăn cho Công ty trong việc vận chuyển xăng dầu để phục vụ kinh doanh tại các cửa hàng bán lẻ và thực hiện dịch vụ vận chuyển nhiên liệu cho khách hàng trong khu vực nội đô Thành phố.

- Các thủ tục về quản lý đầu tư xây dựng còn phức tạp, chồng chéo, giá đất tăng cao nên việc phát triển mạng lưới bán lẻ xăng dầu của Công ty gặp nhiều khó khăn.

- Nhiều khoản chi phí tiếp tục tăng cao: chi phí tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN; chi phí đầu tư cải tạo mặt bằng CNXD đặc biệt là sửa chữa lớn CNXD số 25; đầu tư bảo trì cho hệ thống CNXD, khách hàng đại lý, thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu,...

BẢNG THỐNG KÊ CÁC ĐỢT THAY ĐỔI GIÁ BÁN LẺ XĂNG DẦU NĂM 2018

ĐVT: đồng/lít

THỜI GIAN ĐIỀU CHỈNH GIÁ	XĂNG 95	XĂNG E5	DẦU DO	DẦU KO
16 giờ ngày 04/01/2018	↑ 810	-	↑ 360	↑ 500
15 giờ ngày 19/01/2018	↑ 290	↑ 430	↑ 430	↑ 450
15 giờ ngày 21/02/2018	↓ 400	↓ 330	↓ 240	0
15 giờ ngày 07/04/2018	↑ 520	↑ 590	↑ 640	↑ 520
15 giờ ngày 23/04/2018	-	-	↑ 380	↑ 500
15 giờ ngày 08/05/2018	↑ 410	↑ 510	↑ 370	↑ 330
15 giờ ngày 23/05/2018	↑ 600	↑ 500	↑ 590	↑ 530
15 giờ ngày 22/06/2018	↓ 340	↓ 330	↓ 230	↓ 390
15 giờ ngày 07/07/2018	-	-	↓ 10	↑ 190
15 giờ ngày 23/07/2018	-	-	↓ 210	↓ 70
15 giờ ngày 07/08/2018	-	-	↑ 290	↑ 200
15 giờ ngày 22/08/2018	-	-	↑ 150	↓ 110
17 giờ ngày 06/09/2018	↑ 300	↑ 300	↑ 380	↑ 290
15 giờ ngày 21/09/2018	↑ 300	↑ 320	↑ 60	↑ 130
15 giờ ngày 06/10/2018	↑ 570	↑ 670	↑ 490	↑ 400
15 giờ ngày 22/10/2018	↓ 140	↓ 220	-	-
15 giờ ngày 06/11/2018	↓ 1.140	↓ 1.080	↓ 70	-
15 giờ ngày 22/11/2018	↓ 1.090	↓ 980	↓ 910	↓ 840
15 giờ ngày 06/12/2018	↓ 1.520	↓ 1.440	↓ 1.380	↓ 990
15 giờ ngày 21/12/2018	↓ 310	↓ 400	↓ 250	↓ 250
TỔNG CỘNG	Giảm 1.140	Giảm 1.460	Tăng 840	Tăng 1.390

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài sản

SỐ TT	KHOẢN MỤC	SỐ CUỐI NĂM (đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (đồng)	TỶ LỆ (%)
A	B	1	2	3 (1/2)
1	Tài sản ngắn hạn	275.771.476.136	237.179.536.877	116,27
2	Tài sản dài hạn	293.325.051.671	292.209.709.759	100,38
	TỔNG CỘNG	569.096.527.807	529.389.246.636	107,50

Bảng giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty (tại thời điểm 31/12/2018)

SỐ TT	KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ (đồng)	GIÁ TRỊ CÒN LẠI (đồng)	TỶ LỆ (%)
A	B	1	2	3 (2/1)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	154.028.179.532	115.443.290.032	74,95
2	Máy móc thiết bị	25.093.205.164	10.933.114.358	43,57
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	24.123.198.083	8.016.318.706	33,23
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	3.954.810.591	355.238.098	8,98
	TỔNG CỘNG	207.199.393.370	134.747.961.195	65,03

Nhận xét:

- Tài sản ngắn hạn: Cuối năm 2018 tài sản ngắn hạn tăng 16,27% so với năm 2017 chủ yếu do khoản tiền và các khoản tương đương tiền tăng.

- Tài sản dài hạn: Trong năm 2018, giá trị tài sản dài hạn tăng 0,38% so với năm 2017 do Công ty tiến hành đầu tư, sửa chữa, cải tạo một số mặt bằng nhằm tối ưu hóa việc sử dụng.

- COMECO có thể khẳng định rằng: Trong năm 2018 nền tài chính của COMECO hoàn toàn chủ động, vốn đầu tư cho các dự án được đáp ứng đầy đủ theo đúng tiến độ.

- Việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và nghị quyết của ĐHCĐ.

2. Tình hình nợ phải trả

DVT: đồng

SỐ TT	KHOẢN MỤC	SỐ CUỐI NĂM (31/12/2018)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2018)	TỶ LỆ (%)
A	B	1	2	3 (1/2)
01	Nợ ngắn hạn	47.487.141.675	49.546.684.749	95,84
02	Nợ dài hạn	18.273.053.005	13.144.422.439	139,02
	TỔNG CỘNG	65.760.194.680	62.691.107.188	104,90

Nhận xét: Nợ phải trả trong năm 2018 của Công ty tăng 104,90% so với năm 2017 do trong năm 2018 Công ty phát sinh khoản dự phòng phải trả dài hạn (dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại môi trường) và khoản tiền ứng trước đặt cọc của khách hàng thuê mặt bằng.

III. NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Trước những khó khăn trên, Ban TGD cùng với tập thể NLD Công ty đã cố gắng triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT Công ty một cách linh hoạt, hiệu quả. Kết quả đạt được như sau:

- Tình hình kinh doanh ổn định, các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đều tăng trưởng cao so với kế hoạch 2018, đặc biệt **LNST: 90,270 tỷ đồng**, đạt **201%** kế hoạch năm 2018.

- Công tác đầu tư được tiến hành theo chiến lược của của HĐQT và kế hoạch của TGD Công ty:

+ Tiếp tục tập trung hoàn thiện các hồ sơ pháp lý đất đai đối với tất cả các mặt bằng của Công ty.

+ Đầu tư trụ bơm Tatsuno mới cho các CNXD theo kế hoạch; từng bước hiện đại hệ thống trụ bơm thế hệ mới cho CNXD.

+ Đầu tư cải tạo, nâng cấp cửa hàng xăng dầu để triển khai thực hiện CNXD phục vụ kiểu mẫu tại CNXD số 1, 3, 12, 17 (cải tạo sửa chữa làm thêm mái che trụ bơm, lắp đặt đường ống công nghệ và trụ bơm mới; mặt dựng nhà văn phòng, sơn mới chân tiêu đảo trụ bơm, lắp đèn chiếu sáng trong nhà khu rửa xe, trang bị tủ dầu nhớt,...). Trang bị 96 tủ cá nhân cho hệ thống CNXD treo ở mặt sau cột mái che cho nhân viên để dụng cụ bán hàng.

+ Cải tạo trần mái che trụ bơm và xây mới nhà trưng bày nhớt cho CNXD 21.

+ Đầu tư cải tạo, đổ bê tông, trải thảm nhựa lồi ra vào cửa hàng xăng dầu; trang bị hàng rào di động; cải tạo nhà để xe cho nhân viên; xây thêm nhà vệ sinh...tại các CNXD 15, 26, 27, 30, 38, 43.

+ Đầu tư nâng nền, cải tạo, sửa chữa lớn CNXD số 25.

+ Đầu tư thực hiện hệ thống chiếu sáng ban đêm tại các CNXD nội đô Thành phố để đảm bảo an toàn trong công tác nhập hàng ban đêm theo Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND TPHCM.

+ Đầu tư 01 xe tải mới vận chuyển dầu nhớt thay thế cho xe tải cũ để chủ động đáp ứng kịp thời nhu cầu vận chuyển dầu nhớt cho CNXD và khách hàng.

+ Đầu tư trang trí, sửa chữa, nâng cấp hệ thống nhận diện thương hiệu COMECO cho CNXD của COMECO và các đại lý thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu: đầu tư bảng hiệu đèn LED, trang bị mới bảng hiệu, hộp đèn logo,....

+ Công ty đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê đất tại 2 Khu công nghiệp ở tỉnh Long An; hiện đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục hồ sơ pháp lý và đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu.

- Công tác quản lý:

+ Rà soát sửa đổi, bổ sung và ban hành một số quy chế và quy định về quản lý, kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả quản lý như: Nội quy lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Giáo trình COMECO; Quy chế tài chính; Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty; Quy định về chính sách bán hàng của Công ty; Quy định về trình tự thủ tục áp dụng trong mua sắm hàng hóa, thuê dịch vụ của Công ty; Quy định về tiếp nhận, giải quyết công việc, công tác văn thư, lưu trữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản và quản lý con dấu; Quy định tổ chức và hoạt động các cụm thi đua của Công ty.

+ Ban TGD gặp gỡ và sinh hoạt một số nội dung liên quan đến thực hiện Nội quy lao động; Quy trình bán hàng và một số quy định khác của Công ty đến toàn thể NLĐ. Trong giai đoạn đầu triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng CNXD phục vụ kiểu mẫu, TGD đã có buổi gặp gỡ trực tiếp NLĐ tại CNXD phục vụ kiểu mẫu, phổ biến và nêu các yêu cầu khi thực hiện CNXD phục vụ kiểu mẫu; đồng thời động viên NLĐ phấn đấu thực hiện đúng Quy trình bán hàng, Nội quy lao động.

+ Tăng cường công tác quản lý đo lường, chất lượng hàng hóa trong vận chuyển, lưu kho và lưu thông.

+ Hệ thống Quản trị Chất lượng Toàn diện liên tục được cải tiến và ngày càng hoàn thiện góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

+ Tổ chức đánh giá 41 đơn vị (mỗi đơn vị 02 lần/năm), kiểm tra được 119 lượt xe bồn. Kết quả có 265 điểm nhận xét, đến nay đã khắc phục. Sau mỗi đợt đánh giá đều có chỉ đạo các đơn vị thực hiện hành động khắc phục.

+ Kết quả kiểm tra đánh giá của các cơ quan chức năng như PCCC, sử dụng cột đo, chất lượng xăng dầu, hồ sơ pháp lý đều đạt yêu cầu.

- Công tác an ninh trật tự và an toàn cháy nổ được đảm bảo.

- Qua tổng kết cuối năm 2018, Công ty đã khen thưởng và đề nghị khen thưởng gồm nhiều hạng thành tích gồm có:

+ Về tập thể: 18 tập thể được đề nghị tập thể lao động xuất sắc, 02 tập thể được đề nghị tặng Bằng khen Ủy ban Nhân dân Thành phố, 01 tập thể được đề nghị tặng Cờ thi đua của UBND Thành phố, 06 tập thể được đề nghị Giấy khen Văn phòng Thành ủy, 22 tập thể lao động tiên tiến, 16 tập thể đạt Giấy khen Công ty và 04 tập thể đạt biểu dương của Công ty.

+ Về cá nhân: 04 cá nhân được đề nghị tặng Bằng khen của Ủy ban Nhân dân Thành phố, 26 cá nhân được đề nghị Giấy khen Văn phòng Thành ủy, 31 cá nhân đạt Chiến sĩ thi đua cơ sở, 103 cá nhân đạt Giấy khen Công ty và 43 cá nhân đạt biểu dương của Công ty.

- Công tác thông tin, báo cáo, quyết toán hàng kỳ đều được Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch theo đúng quy định của các cơ quan ban, ngành đồng thời đáp ứng được thông tin cho điều hành kinh doanh hiệu quả. Báo cáo tài chính kiểm toán được công bố tại website Công ty theo địa chỉ www.comeco.vn và được trình bày trước ĐHĐCĐ thường niên hàng năm. Việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty.

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2019

1. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2019

- Doanh thu : 3.550 tỷ đồng

- Lợi nhuận sau thuế : 45 tỷ đồng

Kế hoạch lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2019 giảm so với năm 2018 vì dự báo giá xăng dầu diễn biến phức tạp. Số liệu chỉ tiêu kế hoạch trên đây chỉ là số liệu tạm thời, số liệu chính thức sẽ trình để cổ đông thông qua tại kỳ ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2018.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Nhóm giải pháp về phát triển sản xuất kinh doanh

- Thường xuyên nắm bắt thông tin thị trường để tính toán việc mua hàng và kế hoạch tồn kho để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Thực hiện đúng Quy trình kiểm soát hàng hóa, tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá nội bộ để đảm bảo số lượng, chất lượng hàng hóa và chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Đồng thời, đảm bảo an toàn tuyệt đối về mọi mặt hoạt động SXKD của Công ty.

- Rà soát lại chính sách bán hàng để điều chỉnh cho linh hoạt hơn, giao hàng đúng thời gian, thực hiện tốt các hình thức khuyến mại, có chính sách chăm sóc khách hàng phù hợp. Cải tiến chính sách bán hàng theo hướng gia tăng chia sẻ lợi ích với khách hàng để tăng sản lượng và thị phần; đồng thời tăng cường dịch vụ hậu mãi để giữ và thu hút khách hàng. Nghiên cứu hỗ trợ đầu tư, nghiệp vụ, kỹ năng bán hàng để phát triển mạng lưới nhận nhượng quyền bán lẻ xăng dầu, hệ thống đại lý.

- Tìm kiếm mặt bằng, thuê đất các khu công nghiệp; mua hoặc thuê mặt bằng, cây xăng để phát triển thêm chi nhánh xăng dầu.

- Tiếp tục phát triển các dịch vụ sửa chữa trụ bơm, kinh doanh vật tư phụ tùng; dịch vụ sửa chữa, xây dựng trạm xăng dầu.

- Duy trì công suất cho thuê Tòa nhà COMECO, kho bãi; phát triển hợp tác kinh doanh. Rà soát và sắp xếp lại kinh doanh để sử dụng hiệu quả hơn các mặt bằng.

- Duy trì chính sách thưởng cho các đơn vị, cá nhân tìm kiếm khách hàng mới có khả năng thanh toán tốt; giới thiệu cây xăng, địa điểm xây dựng cây xăng.

2.2. Nhóm giải pháp về đầu tư và phát triển khoa học công nghệ

- Đầu tư thêm trang thiết bị bán hàng hiện đại, đa dạng thẻ thanh toán, máy rút tiền tự động,... để tăng lợi thế cạnh tranh, gia tăng tiện ích tốt nhất cho khách hàng.

- Đầu tư trang bị và sửa chữa các chi nhánh xăng dầu cho phù hợp với quy định của Nhà nước, mở rộng kinh doanh, hợp tác kinh doanh và đáp ứng cơ sở hạ tầng cho việc áp dụng thanh toán hóa đơn điện tử, các phần mềm khác phục vụ cho công tác quản lý.

- Tiếp tục đầu tư máy móc, thiết bị để phục vụ kinh doanh, quản lý và đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ.

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch chuyên hướng đầu tư tại một số mặt bằng.

- Đầu tư phần mềm tin học quản lý tổng thể COMECO để nâng cao hiệu quả quản lý.

- Tiếp tục triển khai áp dụng sáng kiến, giải pháp mới để tiết kiệm và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2.3. Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực

- Rà soát, đánh giá lại đội ngũ cán bộ quy hoạch, bổ sung quy hoạch và đào tạo theo kế hoạch sử dụng. Thực hiện công tác tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ theo đúng quy trình trong Hệ thống Quản trị chất lượng của Công ty. Rà soát, cơ cấu hợp lý nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu công việc.

- Thực hiện đối thoại với NLĐ theo quy định nhằm nắm bắt nhu cầu, mong muốn của NLĐ để thực hiện công tác lãnh đạo tư tưởng cho phù hợp và xử lý các thông tin nhằm đáp ứng nguyện vọng NLĐ để khuyến khích nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công việc.

- Rà soát lại Quy chế tiền lương, tiền thưởng để tiền lương, tiền thưởng thực sự phát huy tính chất đòn bẩy phát triển kinh doanh và thu hút lao động chất xám.

- Phát huy hơn nữa vai trò các đoàn thể để thực hiện hiệu quả phong trào thi đua nhằm nâng cao năng suất lao động, phát huy dân chủ cơ sở và phát triển Văn hóa, Thương hiệu COMECO.

2.4. Nhóm giải pháp về tổ chức và quản lý

- Nâng cao hơn nữa chất lượng công tác quản trị, đảm bảo tuyệt đối an toàn về tài sản, hàng hóa, tiền hàng trong hoạt động SXKD.

- Bố trí ca kíp bán hàng phù hợp hơn để gia tăng sản lượng bán hàng; thực hiện triệt để các giải pháp để tiết giảm chi phí và đảm bảo thu nhập, cải thiện đời sống NLĐ.

- Kiểm soát chặt chẽ các thiết bị đo lường, thực hiện hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị theo quy định.

- Quản lý chặt chẽ nguồn vốn, đáp ứng vốn kịp thời cho kinh doanh, cho các dự án đầu tư. Quản lý chặt chẽ tình hình kinh doanh và công nợ; chủ động trong công tác giám sát, kiểm tra nhằm giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh.

- Xử lý thông tin kịp thời để có quyết định kinh doanh phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả. Quán triệt các quy định, chính sách đến từng NLĐ để NLĐ thấu hiểu và thực hiện tốt.

- Quản lý chặt chẽ công tác phòng chống cháy nổ và huấn luyện thường xuyên công tác chữa cháy để ứng phó kịp thời các sự cố, giảm thiểu rủi ro.

- Duy trì và nâng cao hiệu quả các phong trào thi đua, khen thưởng và nhân rộng các điển hình tiên tiến.

Năm 2019, tình hình kinh doanh xăng dầu vẫn tiếp tục biến động khó lường. Nhưng với truyền thống đoàn kết và tinh thần vượt khó cùng hướng về mục tiêu chung của Công ty, nhất định tập thể NLĐ Công ty COMECO sẽ vượt qua được khó khăn, thử thách để thực hiện hoàn thành mục tiêu kế hoạch và phát triển thương hiệu COMECO thực sự là thương hiệu của Chất lượng dịch vụ.

V. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN:

BCTC năm 2018 của Công ty đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) kiểm toán. AASCS thống nhất toàn bộ nội dung, không có ý kiến ngoại trừ hoặc ý kiến lưu ý nào đối với BCTC năm 2018 do Công ty lập và đã phát hành Báo cáo kiểm toán số: 52/BCKT/TC/2019/AASCS ngày 26/02/2019 (đính kèm bên dưới).

VI. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Bảo vệ môi trường

Một trong mười hai nội dung giá trị cốt lõi của COMECO là tiêu chí: Thái độ đối với cộng đồng xã hội. Nội dung của tiêu chí này là: “*Bảo vệ sức khỏe – Giữ gìn môi trường – Hòa hợp cộng đồng*”. Giá trị này được xuất phát từ cái tâm của các nhà quản trị và NLD Công ty hướng đến sự an toàn và phát triển bền vững. Điều đó được thể hiện qua các nội dung công việc cụ thể như sau:

- Đường ống xăng dầu của các CNXD COMECO được thiết kế theo đúng tiêu chuẩn an toàn, có bể thu gom chất thải xăng dầu trước khi đưa ra hệ thống thoát nước chung của Thành phố đảm bảo môi trường đất, nước, không khí tại CNXD COMECO.

- Các CNXD của COMECO đều có cây xanh góp phần thực hiện phong trào “**Cửa hàng Xăng dầu COMECO: Xanh hơn – Đẹp hơn**” do Công ty phát động từ tháng 5/2011, đồng thời góp phần giảm bớt lượng khí phát thải ra môi trường.

- Tất cả các CNXD của COMECO đều được kiểm tra, đánh giá và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường của Sở Tài Nguyên Môi Trường Tp.Hồ Chí Minh.

- Hàng năm các CNXD đều được Phân viện Bảo hộ Lao động phía Nam đo kiểm tra môi trường, kết quả các tiêu chí đều nằm trong giới hạn cho phép.

- COMECO có thủ tục về quản lý môi trường **Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001 : 2004 và Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001 : 2007**. Định kỳ hoặc đột xuất có kiểm tra đánh giá nội bộ.

- Bên cạnh đó, nhằm góp phần vào việc chống biến đổi khí hậu, toàn Công ty COMECO (Tòa nhà COMECO và hệ thống các CNXD) đã hưởng ứng **Giờ trái đất**, tắt bớt các thiết bị chiếu sáng, quảng cáo, sử dụng dần các thiết bị ít tiêu hao nhiên liệu, năng lượng và thân thiện với môi trường. Qua đó, NLD Công ty nâng cao được ý thức tiết kiệm điện và bảo vệ môi trường.

2. Trách nhiệm đối với NLD

- COMECO luôn xem NLD là vốn quý nên NLD ngoài việc được hưởng đầy đủ các chế độ về lao động và tiền lương theo quy định của Nhà nước; Công ty còn có những đãi ngộ riêng theo Thỏa ước Lao động Tập thể; môi trường và điều kiện làm việc luôn được an toàn.

- Các chế độ đối với NLD được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật về lao động và tiền lương. Ngoài ra, Công ty cũng ban hành các quy định, quy chế để bảo vệ lợi ích cho NLD như: Quy định đón tiếp nhân viên mới, Quy định trợ cấp thêm khi nghỉ hưu, Quy định về tổ chức sinh nhật cho NLD Công ty, Quy định chế độ đối với NLD đi thi hành nghĩa vụ quân sự, Quy định hoạt động của nhà ăn tập thể, Quy định chế độ cho NLD làm việc nơi xa, Quy chế đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho NLD Công ty, Quy chế thực hiện đối thoại định kỳ tại Công ty, Quy chế thực hiện dân chủ tại Công ty nhằm thực hiện các chế độ cho NLD một cách ổn định.

- Ngoài việc thực hiện các nội dung của Quy chế dân chủ, Công ty còn lập hòm thư nhằm tiếp nhận các phản ánh của NLD, đồng thời vào thứ hai tuần cuối hàng tháng TGD cũng sắp xếp lịch để tiếp NLD.

- Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm cải tiến chính sách về vật chất và tinh thần đối với NLĐ đặc biệt đối với lao động nữ: ưu tiên cho lao động nữ không phải bán xăng dầu vào ban đêm; tổ chức các buổi Hội thảo, Hội thi cho nữ NLĐ Công ty chào mừng Ngày quốc tế Phụ nữ 08/03 và Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10; tổ chức nghỉ dưỡng hàng năm,... Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn tạo điều kiện cho lao động nữ tham gia công tác quản lý. Tính đến 31/12/2018 có 09 lao động nữ từ trường phó đơn vị trở lên và có 05 lao động nữ được quy hoạch.

Đồng thời khuyến khích, động viên NLĐ tham gia học tập theo định hướng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty; luôn tạo môi trường làm việc bình đẳng, gắn kết, thể hiện:

“Bản sắc nhân văn - đề cao giá trị đạo đức truyền thống”

3. Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội

Cùng với việc phát triển kinh doanh, COMECO luôn xem việc bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, chăm lo các gia đình chính sách và chia sẻ khó khăn với người nghèo, chia sẻ nỗi đau với các nạn nhân là trách nhiệm và lẽ sống của mình. Trong năm 2018, ngoài việc thăm hỏi tặng quà cán bộ hưu trí, tặng quà cho thiếu nhi là con của NLĐ của Công ty, Công ty còn thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội như: đóng góp cho các trung tâm từ thiện xã hội; xây dựng nhà tình thương ở Bến Tre, Long An; hỗ trợ sửa nhà cho cán bộ, chiến sĩ có hoàn cảnh khó khăn tỉnh An Giang; đóng góp 01 ngày lương cho Quỹ “Vi biển đảo quê hương vì tuyến đầu Tổ quốc”; tặng quà cho đồng bào nghèo xã An Thạnh, huyện Cần Giờ; ... với tổng số tiền là: **322.203.619 đồng**.

Những việc làm trên của Công ty là thái độ của COMECO đối với cộng đồng và xã hội được thể hiện trong Giá trị cốt lõi của COMECO:

“Bảo vệ sức khỏe – Gìn giữ môi trường – Hòa hợp cộng đồng”

4. Đối với khách hàng và đối tác

Thái độ của COMECO đối với khách hàng và đối tác là:

“Chuyên nghiệp - Hợp tác - Win Win”

Với phương châm kinh doanh **“COMECO vì khách hàng phục vụ”**, COMECO luôn duy trì sự hợp tác, liên doanh, liên kết trên nguyên tắc thiện chí, tôn trọng lợi ích của các bên tham gia. Hàng năm, Công ty đều tiến hành thu thập đánh giá mức độ thỏa mãn của khách hàng thông qua phiếu tìm hiểu ý kiến khách hàng và luôn đạt mức thỏa mãn tương đối cao, cụ thể như sau :

+ **Chất lượng:** Trên 90% khách hàng nhận xét tốt về chất lượng sản phẩm dịch vụ.

+ **Thời gian giao hàng:** 100% khách hàng nhận xét thời gian giao hàng kịp thời và tương đối kịp thời.

+ **Phương thức giao hàng:** 100% khách hàng nhận xét phương thức giao hàng rất thuận lợi và thuận lợi.

+ **Giá cả:** 100% khách hàng nhận xét hợp lý về tiêu chí giá cả.

+ **Phương thức thanh toán:** 100% khách hàng nhận xét phương thức thanh toán phù hợp và tương đối phù hợp.

+ **Nhận xét về thương hiệu COMECO:** 100% khách hàng nhận xét thương hiệu COMECO từ mức khá trở lên.

Ngoài ra, Công ty còn lập đường dây nóng 24/24 số 38.300.222 để tiếp nhận các phản hồi của khách hàng. Lãnh đạo Công ty luôn trân trọng ghi nhận các ý kiến đóng góp; đồng thời cam kết bảo mật thông tin của khách hàng khi đóng góp ý kiến.

Bên cạnh đó, văn hóa “*COMECO nói lời cảm ơn khách hàng*” luôn được hầu hết NLD tích cực thực hiện. Mục đích muốn gửi đến khách hàng sự trân trọng, lòng biết ơn sâu sắc đã tin dùng những sản phẩm và dịch vụ của COMECO.

5. Đối với cổ đông và nhà đầu tư

Là sự ổn định gắn bó lâu dài với thái độ:

“Tin cậy - Công khai - Minh bạch”

Công ty luôn tuân thủ quy định công bố thông tin một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Tất cả các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty trên website của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và website của Công ty.

Chính sách trả cổ tức các năm luôn được thực hiện đầy đủ. Năm 2018 Công ty tiếp tục duy trì chi trả cổ tức ở mức rất cao 50%.

*

* *

Tóm lại, vì lợi ích của các bên liên quan COMECO đặt ra mục tiêu, cam kết duy trì và thực hiện tốt hơn các nội dung nêu trên với triết lý kinh doanh:

“Đại gia đình COMECO –

Tất cả vì sự hài lòng của mọi người, vì mục tiêu chung”

Với tất cả các tiêu chí trên, COMECO luôn cam kết mang đến cho NLD; khách hàng, đối tác, cộng đồng những sản phẩm dịch vụ tốt nhất, môi trường làm việc tốt nhất. Bên cạnh mục tiêu kinh doanh COMECO cũng đồng thời quan tâm đến môi trường và cộng đồng nhằm góp phần cải tạo và xây dựng môi trường sống tốt đẹp hơn.

Phần 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2018, HĐQT của Công ty đã tổ chức 32 phiên họp HĐQT để đề ra các chủ trương, định hướng đúng đắn; nghị quyết và quyết định phù hợp nhằm kịp thời chỉ đạo thực hiện các hoạt động SXKD của Công ty.

HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty; kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện nghị quyết HĐQT, nghị quyết ĐHĐCĐ đảm bảo tính minh bạch.

HĐQT luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD, cho cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát.

HĐQT thực hiện đầy đủ các chức năng theo quy định của Điều lệ, giám sát tốt hoạt động của Ban điều hành.

HĐQT và Ban TGD nắm vững tình hình thị trường và điều kiện kinh doanh của Công ty, đã đưa ra nhiều giải pháp quan trọng để tháo gỡ khó khăn, đưa Công ty hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2018 mà ĐHĐCĐ thông qua, đặc biệt chỉ tiêu LNST năm 2018 là 90,270 tỷ đồng, đạt 201% so với kế hoạch.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

1. Giám sát hoạt động của Ban TGD

Kiểm soát chặt chẽ hoạt động của Ban TGD trong các công tác sau:

- Chỉ đạo TGD tiến hành các công tác chuẩn bị và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2017 vào ngày 27/4/2018 và ĐHĐCĐ bất thường năm 2018 vào ngày 28/11/2018 thành công tốt đẹp; thực hiện Báo cáo thường niên năm tài chính 2017 ngày càng minh bạch hơn.

- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của TGD, đảm bảo đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2018, đặc biệt là chỉ tiêu về lợi nhuận sau thuế đạt 90,270 tỷ đồng, đạt 201% kế hoạch; tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 50% cho các cổ đông (5.000đ/cp).

- Chỉ đạo các công việc liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT; chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động SXKD của Công ty kịp thời.

- Chỉ đạo TGD Công ty quản lý chặt chẽ các chi phí và có các biện pháp phòng ngừa để hạn chế rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Hàng kỳ 6 tháng và năm 2018 đều có thực hiện kiểm tra quyết toán bởi một Công ty Kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)); đồng thời hàng quý có sự kiểm soát của BKS Công ty.

- Chỉ đạo thực hiện các công việc liên quan đến các mặt bằng của Công ty.

- Hoạt động của TGD luôn tuân thủ theo đúng pháp luật, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; triển khai áp dụng một số giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty; thực hiện công bố thông tin theo quy định.

2. Giám sát hoạt động của các cán bộ quản lý Công ty

Cán bộ quản lý Công ty gồm có TGD, 2 Phó TGD và Kế toán trưởng.

(Điểm d, khoản 1, điều 1 của Điều lệ Công ty quy định “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, KTT và cá nhân giữ chức danh quản lý khác trong Công ty được HĐQT phê chuẩn). Trong nhiệm kỳ qua, HĐQT không phê duyệt “các chức danh quản lý khác”.

- TGD hoạt động theo sự phân công và ủy quyền của HĐQT.

- HĐQT thực hiện việc kiểm soát hoạt động của các Phó TGD và Kế toán trưởng Công ty thông qua báo cáo của TGD.

III. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

1. Dự báo tình hình năm 2019

- Những căng thẳng về chính trị giữa các nước, cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung có thể sẽ làm cho giá dầu thế giới liên tục biến động khó lường. Biến động của giá xăng dầu sẽ tác động mạnh đến nền kinh tế và nguồn cung của thị trường xăng dầu, có những thời điểm nguồn cung xăng dầu từ các doanh nghiệp đầu mối rất hạn chế nên kinh doanh của Công ty có khó khăn. Mặt khác, thù lao xăng dầu giảm mạnh nên hiệu quả kinh doanh Quý I/2019 của Công ty đạt được rất thấp.

- Mức lương tối thiểu vùng áp dụng cho NLD ở các doanh nghiệp tăng từ ngày 01/01/2019, mức lương cơ sở tăng 100.000 đồng/tháng kể từ ngày 01/7/2019. Từ đó chi phí đóng BHXH, BHYT, BHTN tăng; chi phí đầu tư nâng cấp cải tạo mặt bằng chi nhánh xăng dầu cho phù hợp với quy định và thực tế hoạt động kinh doanh; chi phí đầu tư thiết bị để đáp ứng yêu cầu Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN của Bộ khoa học Công nghệ; chi phí đầu tư chuyển đổi bồn bể, đường ống công nghệ phục vụ cho kinh doanh nhiên liệu sạch, chất lượng cao theo quy định của Nhà nước và đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Giá bán điện tăng 8,36% kể từ tháng 3/2019. Nhiều khoản chi phí khác tiếp tục tăng cao như: tiền thuê đất, tiền nước và giá các dịch vụ khác như y tế, giáo dục cũng gia tăng,...

- Nhiều công trình cải tạo cơ sở hạ tầng; việc phân luồng tuyến, hạn chế xe tải lưu thông vào nội đô theo quyết định số 23/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố đã hạn chế lượng xe vào nội đô Thành phố, ảnh hưởng đến kinh doanh bán lẻ xăng dầu của Công ty. Mặt khác, việc xe bồn phải vận chuyển xăng dầu vào ban đêm đã ảnh hưởng nhiều đến hoạt động và gia tăng chi phí của Công ty.

- Việc gia tăng nhiều doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu xăng dầu theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP của Chính phủ, đã tạo cho thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn, theo đó mảng kinh doanh bán sỉ xăng dầu của Công ty sẽ tiếp tục gặp khó khăn, đặc biệt là khó khăn về giá cạnh tranh.

- Một số chi nhánh xăng dầu Công ty hợp tác kinh doanh có thể sẽ phải chấm dứt hoạt động trong năm 2019, đặc biệt là những chi nhánh có liên quan đến việc đối tác thay đổi quyền sử dụng đất, đối tác là đơn vị sự nghiệp sử dụng đất công.

Từ những tác động trên và hầu hết các dự báo đều cho rằng kinh tế năm 2019 sẽ khó khăn hơn năm 2018, tăng trưởng kinh tế sẽ chậm lại. Vì vậy, kế hoạch phát triển SXKD năm 2019 của Công ty cũng được xây dựng dựa trên những đánh giá trên nhằm đảm bảo sự an toàn, ổn định và phát triển bền vững.

2. Định hướng phát triển năm 2019

- Tập trung phát triển mảng kinh doanh nhiên liệu, tìm kiếm mặt bằng để tiếp tục phát triển chi nhánh bán lẻ xăng dầu. Kinh doanh ổn định và hiệu quả.

- Đánh giá, điều chỉnh, bổ sung những chính sách phát triển kinh doanh, chính sách đối với các dịch vụ kinh doanh để thu hút khách hàng.

- Đầu tư, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật để gia tăng lợi thế cạnh tranh.

- Tiếp tục công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực luôn đáp ứng được các yêu cầu phát triển của Công ty, đáp ứng nhu cầu thay thế và bổ sung cán bộ. Tiếp tục xây dựng phong cách phục vụ chuyên nghiệp, ứng xử văn minh, lịch sự.

- Gia tăng lợi ích cho NLD, cổ đông và lợi ích cho cộng đồng.

Phần 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

HĐQT gồm 5 thành viên kiêm nhiệm

1.1. Lý lịch HĐQT

▪ **Ông Lê Văn Nghĩa** : **Chủ tịch HĐQT**

Năm sinh : 05/7/1966

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán.

Thâm niên trong ngành : 9 năm

- Tháng 5/1990 : công tác tại Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy Việt Nam (Bộ GTVT) với các chức danh Trưởng phòng Tài chính Kế toán (Công ty Công trình Đường thủy Miền Trung) và Trưởng phòng Tài chính Kế toán (Công ty Công trình 86).
- Tháng 10/2000 : chuyển công tác sang Bộ Tài chính và giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Thanh tra, sau đó làm Phó Trưởng Thanh tra Bộ Tài chính tại Tp.Hồ Chí Minh.
- Tháng 5/2007 : làm việc tại Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (Chi nhánh Hồ Chí Minh), phụ trách Phòng Kế hoạch & Tiền Lương, sau đó là Trưởng phòng Thẩm định & Quản lý rủi ro.
- Tháng 9/2010 : làm việc tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (Chi nhánh Hồ Chí Minh) với chức danh Phó GD.
- Tháng 02/2011 : công tác tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL), giữ chức vụ Phó Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ.
- Tháng 4/2012 : Trưởng BKS COMECO.
- Tháng 8/2012 : Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ PVOIL.
- Tháng 4/2017 : Chủ tịch HĐQT COMECO cho đến nay.
- Tháng 7/2017 : Thành viên HĐQT PVOIL cho đến nay.
- Tháng 8/2018 : Thành viên HĐQT PVOIL cho đến nay.

▪ **Ông Lê Văn Bách** : **Ủy viên HĐQT**

Năm sinh : 04/6/1975

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD

Thâm niên trong ngành : 18 năm

- 2001 - 2007 : Chuyên viên Kiểm toán nội bộ Công ty Công nghiệp Hóa chất Mỏ - TKV
- Tháng 01/2008 : Phó Giám đốc phụ trách Kinh doanh Cty PETECHIM Hà Nội

- Tháng 7/2008 : Chuyên viên Phòng Kinh doanh Chi nhánh Cty CP Hóa dầu Dầu khí Vidamo tại Miền Bắc (Nay là PV OIL Lube Miền Bắc).
- Tháng 01/2011 : Giám đốc Chi nhánh Miền Bắc Công ty cổ phần Dầu nhờn PVOIL (PVOIL Lube).
- Tháng 7/2013 : Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh Miền Bắc PVOIL.
- Tháng 7/2018 : Giám đốc PVOIL Lube cho đến nay.
- Tháng 11/2018 : Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay (thay thế ông Nguyễn Ngọc Anh).

▪ **Ông Trần Minh Hà** : Ủy viên HĐQT

Năm sinh : 30/3/1960
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 Cử nhân chính trị
 Thâm niên trong ngành : 22 năm

- Năm 1983 : công tác tại Sở Tài chính tỉnh Cửu Long.
- Năm 1992 : chuyển công tác đến Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh.
- Năm 1994 : làm việc tại Ban Tài chính – Quản trị tỉnh ủy Vĩnh Long.
- Năm 1997 : công tác tại Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro).
- Tháng 4/2012 : Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay.
- Tháng 6/2014 : Phó TGD tại Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro) cho đến nay.

▪ **Ông Phạm Văn Thoại** : Ủy viên HĐQT

Năm sinh : 03/6/1964
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Dầu khí
 Thâm niên trong ngành : 29 năm

- Năm 1989 : công tác tại Bộ phận Công nghệ Nhà máy Lọc dầu Cát Lái trực thuộc Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro).
- Năm 1991 : chuyển công tác sang Tổ cơ khí Nhà máy Lọc dầu Cát Lái.
- Năm 1992 : được bổ nhiệm làm Tổ phó Cấp phát và Kho xăng dầu Cát Lái và sau đó là Tổ trưởng Cấp phát và Kho xăng dầu Cát Lái.
- Tháng 11/1994 : Phó Giám đốc Nhà máy Lọc dầu Cát Lái phụ trách Bộ phận Cấp phát và Kho xăng dầu Cát Lái.
- Tháng 12/2004 : Giám đốc Nhà máy Lọc dầu Cát Lái.
- Tháng 4/2012 : Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay.
- Tháng 01/2019 : Phó TGD Saigon Petro cho đến nay.

- Ông Lê Tấn Thương : Ủy viên HĐQT - TGD
- Năm sinh : 13/11/1971
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân Anh văn,
Cử nhân Ngoại thương.
- Thâm niên trong ngành : 26 năm
- Thời gian gắn bó với Công ty : 26 năm (làm việc tại Công ty từ 6/1993 đến nay)
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 19 năm (từ tháng 10/2000 đến nay)
 - Tháng 6/1993 : nhân viên Tổ Xuất nhập khẩu.
 - Tháng 7/1996 : nhân viên Phòng Kế hoạch.
 - Tháng 10/2000 : Phó phòng Kinh doanh và sau đó là Quyền Trưởng phòng Kinh doanh.
 - Tháng 01/2001 : Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Giám đốc Kinh doanh.
 - Tháng 10/2010 : Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD
 - Tháng 5/2012 : TGD cho đến nay.
 - Tháng 4/2017 : Ủy viên HĐQT kiêm TGD cho đến nay

1.2. Cơ cấu HĐQT

DVTính: cổ phiếu

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC	SLCP SỞ HỮU	SLCP ĐẠI DIỆN SỞ HỮU	GHI CHÚ
1.	Lê Văn Nghĩa	Chủ tịch	Thành viên HĐQT Tổng Công ty Dầu Việt Nam	10	3.500.816	
2	Lê Văn Bách	Thành viên	GD Công ty Cp Dầu nhờn PV Oil	0	2.824.200	
3	Trần Minh Hà	Thành viên	Phó TGD Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh	0	3.000.000	
4	Phạm Văn Thoại	Thành viên	Phó TGD Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh	0	2.598.757	
5	Lê Tấn Thương	Thành viên		141.370		

1.3. Thay đổi thành viên HĐQT : trong năm 2018, Công ty có thay đổi thành viên HĐQT cụ thể ngày 28/11/2018 ĐHCĐ bất thường năm 2018 của Công ty đã tiến hành bầu thay thế thành viên HĐQT. Theo đó, ông Lê Văn Bách được bầu làm thành viên HĐQT thay thế ông Nguyễn Ngọc Anh cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ V (2017 – 2021).

2. Các tiểu ban thuộc HĐQT : chưa thành lập

3. Hoạt động của HĐQT năm 2018

Trong năm 2018 có tổng cộng 32 phiên họp của HĐQT. Các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia đầy đủ, tích cực của các thành viên HĐQT, TGD, Thư ký Công ty và các thành viên BKS (chỉ có 2 thành viên HĐQT vắng 2 phiên họp).

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên HĐQT theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

- HĐQT đã có sự phân công, phân nhiệm cụ thể đến từng thành viên và duy trì chế độ họp định kỳ để xử lý kịp thời các công việc phát sinh, duy trì hoạt động SXKD ổn định. Đa số các thành viên HĐQT đều quyết tâm và vì lợi ích Công ty trong mọi hoạt động của mình. Nhìn chung, các thành viên HĐQT đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo Bảng phân công nhiệm vụ trong HĐQT.

3.1.1. Các cuộc họp của HĐQT năm 2018

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ THÀNH VIÊN HĐQT	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP (%)	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
Từ 01/01/2018 – 28/11/2018						
1	Ông Lê Văn Nghĩa	Chủ tịch	26/4/2017	28/28	100	
2	Ông Nguyễn Ngọc Anh	Ủy viên	20/4/2015	27/28	96	
3	Ông Trần Minh Hà	Ủy viên	28/4/2012	27/28	96	
4	Ông Phạm Văn Thoại	Ủy viên	28/4/2012	28/28	100	
5	Ông Lê Tấn Thương	Ủy viên	26/4/2017	28/28	100	
Từ 28/11/2018 – 31/12/2018						
1	Ông Lê Văn Nghĩa	Chủ tịch	26/4/2017	4/4	100	
2	Ông Lê Văn Bách	Ủy viên	28/11/2018	4/4	100	
3	Ông Trần Minh Hà	Ủy viên	28/4/2012	4/4	100	
4	Ông Phạm Văn Thoại	Ủy viên	28/4/2012	4/4	100	
5	Ông Lê Tấn Thương	Ủy viên	26/4/2017	4/4	100	

Ghi chú: Ngày 28/11/2018, ĐHĐCĐ bất thường năm 2018 của Công ty đã tiến hành bầu thay thế thành viên HĐQT. Theo đó, ông Lê Văn Bách được bầu làm thành viên HĐQT thay thế ông Nguyễn Ngọc Anh cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ V (2017 – 2021).

3.1.2. Các nội dung chính của các cuộc họp HĐQT năm 2018

Năm 2018, Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty đã tổ chức 32 phiên họp để thông qua các nội dung chính như sau:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
1	01-18/NQ-HĐQT	05/01/2018	Thống nhất tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 3/2017 là 20% (2.000 đồng/ cổ phần).
2	02-18/NQ-HĐQT	12/01/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo thực hiện SXKD - Tài chính - Đầu tư năm 2017 của Công ty. - Thông qua Kế hoạch SXKD - Đầu tư năm 2018 của Công ty. - Tạm thông qua Kế hoạch Tài chính năm 2018 của Công ty để trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018. - Thông qua việc ký hợp đồng vay vốn với ngân hàng. - Thống nhất đơn giá tiền lương năm 2018.

			- Thống nhất giải thể Phòng Kỹ thuật và chuyển các công việc của Phòng Kỹ thuật cho Trung tâm Sản xuất – Thương mại thực hiện.
3	03-18/NQ-HĐQT	15/01/2018	Thông qua Tờ trình về thanh lý Hợp đồng Hợp tác kinh doanh và thực hiện thủ tục giải thể CNXD số 42
4	04-18/NQ-HĐQT	05/3/2018	- Thông qua báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty (đã được kiểm toán). - Giao TGD chủ động tổ chức cho các cán bộ chủ chốt đi tham quan, du lịch Cần Thơ – Bạc Liêu – Cà Mau – Sóc Trăng nhưng vẫn đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, thông suốt.
5	05-18/NQ-HĐQT	06/3/2018	- Thống nhất tổ chức cho các thành viên HĐQT, BKS Công ty đi tham quan, tìm hiểu thị trường tại Mỹ.
6	06-18/NQ-HĐQT	13/3/2018	- Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2017. - Thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông là: ngày 02/4/2018. Mục đích: Để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2017, dự kiến ngày 27/4/2018.
7	07-18/NQ-HĐQT	20/3/2018	- Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký ban hành. - Thống nhất tiếp tục tái bổ nhiệm chức danh Phó TGD Công ty đối với ông Phạm Văn Khoa, thời hạn 5 năm (từ ngày 01/4/2018 đến 31/3/2023). - Thống nhất tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 12-17/NQ-HĐQT ngày 11/10/2017 về lập hồ sơ chào mời quan tâm khu đất 20 ha của COMECO tại huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai, trong đó có điều chỉnh 2 nội dung. - Thông qua Tờ trình v/v triển khai chương trình khách hàng thành viên – PVOIL Easy của Tổng công ty Dầu Việt Nam tại các Chi nhánh xăng dầu COMECO có trang trí thương hiệu PVOIL. - Thông qua một số nội dung liên quan đến ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2017.
8	08-18/NQ-HĐQT	26/3/2018	Thông qua báo cáo thường niên năm 2017.
9	09-18/NQ-HĐQT	16/4/2018	Phê duyệt Quy chế quản lý Tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký ban hành.
10	10-18/NQ-HĐQT	18/4/2018	Thống nhất chủ trương cho Công ty TNHH Năng lượng Vạn Xuân (giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu số 123-TNPP/QĐ-BCT) thuê khu đất 20 ha của COMECO tại huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai.
11	11-18/NQ-HĐQT	02/5/2018	- Thống nhất mức thù lao cho từng thành viên HĐQT.

			<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất cho Công ty TNHH Năng lượng Vạn Xuân (giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu số 123-TNPP/QĐ-BCT ngày 02/12/2016) thuê khu đất 20 ha của COMECO tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. - Thống nhất thoái vốn tại một số công ty mà COMECO đầu tư/ có vốn góp.
12	12-18/NQ-HĐQT	16/5/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất kháng cáo Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về nội dung trách nhiệm thanh toán số tiền hiện nay Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam còn nợ COMECO. - Giao TGD chủ động đàm phán và ký kết hợp đồng cho Công ty TNHH Năng lượng Vạn Xuân thuê khu đất 20 ha của COMECO tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai sao cho có lợi cho COMECO với các điều kiện tối thiểu theo Nghị quyết số 11-18/HĐQT ngày 02/5/2018 của HĐQT Công ty, đồng thời đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. - Thống nhất tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 05-18/NQ-HĐQT ngày 06/3/2018 của HĐQT Công ty về tổ chức cho các thành viên HĐQT, BKS Công ty đi tham quan, tìm hiểu thị trường tại Mỹ, trong đó điều chỉnh các nội dung.
13	13-18/NQ-HĐQT	17/5/2018	Thông qua Tờ trình của Ban điều hành Công ty về việc ký hợp đồng dịch vụ pháp lý và ủy quyền cho Luật sư tham gia tố tụng tại phiên tòa hình sự phúc thẩm.
14	14-18/NQ-HĐQT	04/6/2018	Thống nhất chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2018 của Công ty.
15	15-18/NQ-HĐQT	28/6/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất điều chỉnh một số nội dung trong Biên bản họp số 12-18/HĐQT ngày 26/5/2018 của HĐQT Công ty. - Thông qua Tờ trình ngày 25/6/2018 của TGD Công ty về việc triển khai thực hiện Chương trình khách hàng thành viên – PVOIL Easy của Tổng Công ty Dầu Việt Nam trong toàn hệ thống Chi nhánh xăng dầu COMECO.
16	16-18/NQ-HĐQT	30/7/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Tờ trình ngày 03/7/2018 của TGD Công ty về việc thay đổi địa chỉ hoạt động của Chi nhánh số 21. - Thống nhất tạm ngưng hoạt động Chi nhánh số 23 tại địa chỉ số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Tp.HCM, Tp.HCM.
17	17-18/NQ-HĐQT	13/8/2018	Thống nhất tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 1/2018 là 10% (1.000đ/cp).
18	18-18/NQ-HĐQT	16/8/2018	Thống nhất cử một số thành viên HĐQT, BKS và một số thành viên Ban TGD Công ty đi tham quan, tìm hiểu thị trường tại Nga.

19	19-18/NQ-HĐQT	29/8/2018	Thông nhất tiếp nhận lô hàng điện tử đợt 4 của Hyundai VN để cản trừ nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 96/HĐ-VX ngày 08/01/2015.
20	20-18/NQ-HĐQT	12/9/2018	- Thông nhất tiếp tục thực hiện Nghị quyết HĐQT số 13-17/NQ-HĐQT ngày 27/10/2017 về chủ trương đầu tư Tòa nhà văn phòng làm việc, cho thuê tại Chi nhánh số 12 – địa chỉ số 28 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, Tp.HCM, trong đó điều chỉnh một số nội dung theo Báo cáo ngày 05/9/2018 của TGD Công ty về xin ý kiến v/v tiếp tục đầu tư Tòa nhà văn phòng làm việc, cho thuê tại Chi nhánh số 12. - Thông nhất không mua cổ phần phát hành thêm của Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ (CAMECO).
21	21-18/NQ-HĐQT	28/9/2018	Thông nhất thuê lại quyền sử dụng đất của Khu công nghiệp Thuận Đạo, Thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An để đầu tư Dự án Chi nhánh xăng dầu số 45. Nội dung theo Tờ trình ngày 28/9/2018 của TGD Công ty
22	22-18/NQ-HĐQT	05/10/2018	Thông qua việc mở Chi nhánh số 45 và cử người đứng đầu Chi nhánh
23	23-18/NQ-HĐQT	15/10/2018	Thông nhất ngày chốt danh sách cổ đông là: ngày 05/11/2018.
24	24-18/NQ-HĐQT	22/10/2018	Thông nhất ủy quyền cho Ban điều hành lựa chọn các đơn vị có chức năng: thẩm định giá, tư vấn đấu giá, thực hiện đấu giá bán cổ phần để thực hiện các công việc liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu CAMECO mà COMECO đang nắm giữ theo quy định của pháp luật.
25	25-18/NQ-HĐQT	23/10/2018	- Thông nhất cử ông Lê Tấn Thương – UV.HĐQT kiêm TGD Công ty tham dự Hội nghị khách hàng xăng dầu năm 2018 do Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Petro) tổ chức. - Thông nhất mời bà Nguyễn Kim Oanh – Phó Trưởng phòng Hành chính Văn phòng thành ủy; ngoài ra, bà Oanh còn phụ trách công tác tổ chức và thi đua khen thưởng tham dự Hội nghị khách hàng xăng dầu năm 2018 do Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Petro) tổ chức.
26	26-18/NQ-HĐQT	26/10/2018	Thông nhất tiếp tục tạm ngưng hoạt động Chi nhánh số 23 tại địa chỉ số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Tp.HCM.
27	27-18/NQ-HĐQT	07/11/2018	- Thông qua Tờ trình v/v thay đổi kích thước, hình dáng khu đất tại Chi nhánh 45 (địa chỉ: ĐT 830B, KCN Thuận Đạo, TT Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An). - Thông qua chủ trương đầu tư Dự án phần mềm quản lý tổng thể COMECOERP theo Tờ trình ngày 06/11/2018 của TGD Công ty. - Thông qua một số nội dung liên quan đến ĐHCĐ bất thường năm 2018.

28	28-18/NQ-HĐQT	16/11/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Giao TGD đàm phán ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty Luật hợp danh Nghiêm và Chính (N&C) để luật sư tư vấn và thực hiện các thủ tục cho COMECO trong việc xử lý các nội dung liên quan đến Hợp đồng cho Công ty TNHH Năng lượng Vạn Xuân thuê quyền sử dụng 20ha đất của COMECO tại huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai. - Về việc xử lý đối với số tiền Công ty Vạn Xuân đã chuyển cho COMECO (bao gồm tiền đặt cọc và tiền thuê quyền sử dụng đất 6 tháng).
29	29-18/NQ-HĐQT	07/12/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 2/2018 là 40% (4.000đ/cp). - Thống nhất thực hiện việc chào bán cạnh tranh cổ phần CAMECO do COMECO sở hữu theo phương thức chào bán cạnh tranh cho dưới 100 nhà đầu tư với giá khởi điểm chào bán không thấp hơn 11.000 đồng/cổ phần.
30	30-18/NQ-HĐQT	07/12/2018	Thông qua Tờ trình ngày 05/12/2018 của TGD Công ty về nội dung làm việc với Thanh tra Sở Tài Nguyên Môi trường Đồng Nai và phương án xử lý Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO, tại xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
31	31-18/NQ-HĐQT	24/12/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất chủ trương thuê lại quyền sử dụng đất của Khu công nghiệp Long Hậu - Hòa Bình, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An để đầu tư Dự án Chi nhánh xăng dầu số 44 theo Tờ trình ngày 18/12/2018 của TGD Công ty. - Giao TGD đàm phán với đối tác để thuê lại quyền sử dụng đất của Khu công nghiệp Long Hậu - Hòa Bình, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An: tiền thuê quyền sử dụng đất, thời gian thuê đảm bảo hiệu quả đầu tư của dự án.
32	32-18/NQ-HĐQT	27/12/2018	Thống nhất thuê lại quyền sử dụng đất của Khu công nghiệp Long Hậu - Hòa Bình, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An để đầu tư Dự án Chi nhánh xăng dầu số 44 theo nội dung Tờ trình ngày 26/12/2018 của TGD Công ty.

4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

5. Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: chưa có

II. BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

BKS gồm 3 người đều là thành viên độc lập không điều hành

1.1. Lý lịch BKS

- Ông Nguyễn Đức Linh : Trưởng BKS
- Năm sinh : 10/10/1975
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế
- Thâm niên trong ngành : 20 năm

- Tháng 8/1999 : Chuyên viên Phòng Tài chính – Kế toán tại Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec.
- Tháng 11/2007 : Phó Phòng Tài chính – Kế toán (Petec)
- Tháng 6/2011 : Trưởng phòng HĐQT (Petec)
- Tháng 6/2012 : Trưởng ban kiểm soát nội bộ (Petec)
- Tháng 8/2013 : Phó Trưởng ban kiểm soát nội bộ tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) cho đến nay.
- Tháng 4/2017 : Trưởng BKS COMECO cho đến nay.

▪ **Ông Võ Tuấn Hào** : Ủy viên BKS.

Năm sinh : 10/5/1976

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế

Thâm niên trong ngành : 20 năm

- Tháng 01/1999 : Nhân viên Kế toán tại Công ty Đầu tư & Phát triển Xây dựng (thuộc Tổng công ty Xây dựng Hà Nội)
- Tháng 5/2003 : Nhân viên Kế toán tại Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro)
- Tháng 6/2006 : Kế toán trưởng Chi nhánh Saigon Petro tại Bình Thuận
- Tháng 12/2006 : Kế toán trưởng Chi nhánh Saigon Petro tại Bình Thuận kiêm Kế toán trưởng Chi nhánh Saigon Petro tại Long An
- Tháng 8/2007 : Kế toán trưởng Chi nhánh Saigon Petro tại Bình Thuận kiêm Kế toán trưởng Chi nhánh Saigon Petro tại Long An và Kế toán trưởng Chi nhánh Saigon Petro tại Cà Mau
- Tháng 11/2010 : Kế toán trưởng Chi nhánh Saigon Petro tại Bình Thuận kiêm Kế toán trưởng Chi nhánh Saigon Petro tại Long An cho đến tháng 11/2016.
- Tháng 01/2013 : Thành viên BKS Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủ Đức (TMC) cho đến nay
- Tháng 12/2016 : Phó phòng Tài chính – Kế toán Saigon Petro.
- Tháng 4/2017 : Ủy viên BKS COMECO cho đến nay.
- Tháng 9/2018 : Kiểm soát viên Saigon Petro cho đến nay.

▪ **Ông Nguyễn Thành Quốc** : Ủy viên BKS.

Năm sinh : 26/5/1990

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Tài chính

Thâm niên trong ngành : 7 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 7 năm (làm việc tại Công ty từ 8/2012)

- Tháng 8/2012 : Nhân viên Phòng Kinh tế - Tài chính tại Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO)
- Tháng 01/2016 : Nhân viên Trung tâm SX-TM COMECO
- Tháng 5/2016 : Nhân viên Trung tâm SX-TM kiêm Phụ tá Trưởng ban QTCLTD cho đến nay
- Tháng 4/2017 : Ủy viên BKS COMECO cho đến nay.

- Tháng 5/2017 : Ủy viên BKS Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOIL Trans) cho đến nay.

1.2. Cơ cấu BKS

ĐVTính: cổ phiếu

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC	SLCP SỞ HỮU	SLCP ĐẠI DIỆN SỞ HỮU
1	Nguyễn Đức Linh	Trưởng ban	Phó Ban KS nội bộ Tổng công ty Dầu Việt Nam	0	0
2	Võ Tuấn Hào	Ủy viên	Kiểm soát viên Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.HCM	0	0
3	Ngụy Thành Quốc	Ủy viên	Ủy viên BKS PVOIL Trans	0	0
TỔNG CỘNG				0	0

2. Hoạt động của BKS

Năm 2018, BKS đã tiến hành thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2017.

- Kiểm tra, giám sát việc Công ty thực hiện các kiến nghị của BKS trong năm tài chính 2017.

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty; việc chấp hành các quy chế, quy định nội bộ hiện hành do Hội đồng quản trị (HĐQT) và Tổng giám đốc Công ty ban hành.

- Hàng quý, thẩm tra lại báo cáo tài chính của Công ty; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Trình ĐHĐCĐ báo cáo của BKS về kết quả Thẩm tra báo cáo tài chính năm 2017, kết quả hoạt động của Công ty trong năm 2017 và đánh giá việc thực hiện các chủ trương ĐHĐCĐ và HĐQT, tình hình thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty đã được ĐHĐCĐ giao.

- Kiểm tra việc thực hiện và quản lý công nợ bán hàng.

3. Các ý kiến nhận xét của Ban Kiểm soát

3.1. Về công tác kế toán – tài chính

- Sau khi thẩm định, BKS đồng ý với Báo cáo kiểm toán số 52/BCKT/TC/2019/AASCS ngày 26/02/2019 của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam về kết quả kiểm toán BCTC năm 2018 của Công ty.

- Công ty đã tổ chức tốt hệ thống thông tin kế toán; tuân thủ đầy đủ các quy định của chế độ kế toán Việt Nam, các chuẩn mực kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Đồng thời, hệ thống thông tin kế toán của Công ty còn đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và kiểm tra, giám sát.

- Công ty thực hiện tốt chế độ công bố thông tin định kỳ và thông tin kịp thời theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3.2. Về hoạt động của HĐQT và TGD

3.2.1 HĐQT

- Trong năm qua, HĐQT Công ty đã họp triển khai đầy đủ các nội dung Nghị Quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết/quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Thể thức họp và nghị quyết được tiến hành đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty;

- Lãnh đạo Công ty thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018 và các nhiệm vụ trọng tâm mà ĐHĐCĐ đã giao;

- Tổ chức giám sát TGD và cán bộ quản lý trong việc điều hành, thực thi các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;

- Quyết định các vấn đề khác liên quan đến cơ cấu tổ chức, hoạt động của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Qua giám sát, BKS nhận định: Trong năm 2018, HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao; thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ trong việc quản lý và điều hành Công ty phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

3.2.2 Ban điều hành

- Trong năm 2018, TGD đã triển khai và thực hiện nghiêm túc nội dung các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;

- Ban Điều hành đã thực thi quyền hạn, nhiệm vụ được giao trong việc điều hành hoạt động của Công ty một cách cẩn trọng, đúng quy định pháp luật hiện hành và các quy định nội bộ của Công ty;

- Về kết quả thực hiện kế hoạch SXKD: Ban Điều hành đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao. LNST đạt 90,270 tỷ đồng, tương đương 201% kế hoạch lợi nhuận sau thuế.

Qua giám sát, BKS nhận định: Trong năm 2018, TGD và Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ điều hành Công ty được ĐHĐCĐ, HĐQT giao; công tác điều hành tuân thủ các quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật có liên quan.

3.3. Phối hợp hoạt động của HĐQT, BKS và Ban TGD

- HĐQT, BKS và Ban TGD Công ty cùng hành động vì mục tiêu chung là sự ổn định và phát triển của Công ty.

- Trong các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia của đầy đủ của các thành viên BKS, TGD, Phó TGD và Thư ký Công ty. Các ý kiến thảo luận của BKS, TGD đều được ghi nhận và đánh giá cao tinh thần góp ý cho các hoạt động của Công ty.

- Những nội dung Nghị quyết của HĐQT có liên quan đến hoạt động của BKS và điều hành của Ban TGD được gửi đến BKS và Ban TGD để cùng phối hợp thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS và Ban TGD có quyền và có trách nhiệm đề xuất với HĐQT những giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Ban TGD thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty kịp thời cho HĐQT ra các Nghị quyết thực hiện hiệu quả.

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS NĂM 2018

1. Thù lao và các khoản thu nhập của HĐQT, BKS và Ban TGD

1.1 Thù lao của HĐQT và BKS

Năm 2018, đã thực hiện chi thù lao cho HĐQT và BKS theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua ngày 27/4/2018 như sau:

- Thù lao cho HĐQT : 480.000.000 đ (BQ: 8 triệu đồng/người/tháng)

- Thù lao cho BKS : 180.000.000 đ (BQ: 5 triệu đồng/người/tháng)

Tổng cộng năm 2018 : 660.000.000 đ.

1.2. Thu nhập của HĐQT và Ban TGD

Lương thưởng và các khoản phúc lợi khác của HĐQT, Ban TGD trong năm 2018 là: 5.618.157.391 đồng.

3. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

ĐVTính : cổ phần

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2018	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2018	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
I	Hội đồng quản trị								
1	Lê Văn Nghĩa	CT HĐQT		10	3.500.816		3.500.826	24,79	SH và đại diện SH
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Lê Văn Dũng		Cha ruột						Đã mất
	Nguyễn Thị Lê		Mẹ ruột						Đã mất
	Lê Thị Liên		Chị ruột						
	Lê Văn Quân		Anh ruột						
	Nguyễn Thị Hà		Vợ						
	Lê Đức Trung		Con ruột						
	Lê Đức Hiệp		Con ruột						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Tổng Công ty Dầu VN (*)	UV HĐQT		6.325.016	0	0	6.325.016	44,79	
2	Lê Văn Bách	UV HĐQT		0	2.824.200	0	2.824.200	20	Đại diện sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Nguyễn Thị Hồng Tuất		Mẹ ruột						
	Lê Văn Từ		Cha ruột						
	Phạm Thị Hòa Bình		Vợ						
	Lê Bách Thắng		Con ruột						
	Lê Bách Khang		Con ruột						
	Lê Văn Tùng		Anh ruột						
	Lê Thị Quế		Em ruột						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Tổng công ty Dầu VN (*)			6.325.016	0	0	6.325.016	44,79	
	Công ty Cp Dầu nhờn PV Oil	Giám đốc							
3	Trần Minh Hà	UV HĐQT			3.000.000	0	3.000.000	21,25	Đại diện sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Trần Văn Hoàng		Cha ruột						
	Lê Thị Ngọc Huệ		Mẹ ruột						Đã mất
	Trần Minh Hải		Anh ruột						
	Trần Thị Ngọc Bích		Em ruột						
	Nguyễn Thị Minh Đức		Vợ						
	Trần Minh Duy		Con ruột						
	Trần Minh Đức Duy		Con ruột						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (**)	Phó TGĐ		5.598.757	0	0	5.598.757	39,65	
4	Phạm Văn Thoại	UV HĐQT			2.598.757	0	2.598.757	18,40	Đại diện sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Phạm Văn Hoa		Cha ruột						Đã mất

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2018	PHÁT SINH TRONG KỶ		NGÀY 31/12/2018	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Đoàn Thị Bon		Mẹ ruột						
	Phạm Văn Thông		Anh ruột						Đã mất
	Phạm Văn Thái		Anh ruột						
	Phạm Thị Hồng Thúy		Chị ruột						
	Phạm Văn Thành		Anh ruột						
	Phạm Thị Hồng Thoa		Chị ruột						Đã mất
	Phạm Văn Thắng		Em ruột						
	Phạm Thị Phương Thảo		Em ruột						
	Ng Thị Hồng Hạnh		Vợ						
	Phạm Gia Bảo		Con ruột						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (**)	Phó TGD		5.598.757	0	0	5.598.757	39,65	
5	Lê Tấn Thương	UV.HĐQT TGD		141.370	0	0	141.370	1,001	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Lê Phúng		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Miến		Mẹ ruột						
	Lê Thị Văn		Chị ruột						
	Lê Thị Mỹ Lệ		Chị ruột						
	Lê Tấn Hải		Em ruột						
	Lê Thị Thu Vân		Em ruột						
	Lê Tấn Tiên		Em ruột						
	Dương Thị Đài Trang		Vợ	38.910	0	0	38.910	0,28	Sở hữu
	Lê Ngọc Minh Thư		Con ruột						
	Lê Ngọc Minh Tú		Con ruột						
II	Ban TGD, Người công bố thông tin								
1	Lê Tấn Thương	UV.HĐQT TGD		141.370	0	0	141.370	1,001	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Lê Phúng		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Miến		Mẹ ruột						
	Lê Thị Văn		Chị ruột						
	Lê Thị Mỹ Lệ		Chị ruột						
	Lê Tấn Hải		Em ruột						
	Lê Thị Thu Vân		Em ruột						
	Lê Tấn Tiên		Em ruột						
	Dương Thị Đài Trang		Vợ	38.910	0	0	38.910	0,28	Sở hữu
	Lê Ngọc Minh Thư		Con ruột						
	Lê Ngọc Minh Tú		Con ruột						
2	Phạm Văn Khoa	Phó TGD, người CBTT		5.600	0	0	5.600	0,04	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Phạm Văn Chánh		Cha ruột						Đã mất

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2018	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2018	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Thái Ca Siêu		Mẹ ruột						
	Lê Thị Hồng Anh		Vợ	280	0	0	280	0,002	Ly hôn
	Phạm Lê Anh Khôi		Con ruột						
	Phạm Thị Hạnh Khuê		Con ruột						
	Phạm Thị Kim Hồng		Chị ruột						
	Phạm Thị Kim Nhung		Chị ruột						
	Phạm Công Sứ		Anh ruột						
	Phạm Công Sở		Anh ruột						
	Phạm Công Huân		Anh ruột						
	Phạm Thị Kim Thủy		Chị ruột						
	Thái Thị Hồng Lan		Chị ruột						
	Phạm Thị Lan Anh		Chị ruột						
	Phạm Văn Học		Em ruột						
3.	Nguyễn Chơn Quang	Phó TGDĐ		4.740	0	0	4.740	0,034	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Nguyễn Chơn Trung		Cha ruột						
	Đỗ Ngọc Trinh		Mẹ ruột						
	Nguyễn Ngọc Thùy Chi		Vợ						
	Nguyễn Chơn Quý Tùng		Con ruột						
	Nguyễn Ngọc Như Tâm		Con ruột						
	Nguyễn Kiên Trung		Em ruột						
III	Kế toán trưởng								
1	Phạm Công Quyền	GĐTC - KTT		100.255	0	0	100.255	0,710	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Phạm Công Đào		Cha ruột						Đã mất
	Huỳnh Thị Thoa		Mẹ ruột						Đã mất
	Phạm Chí Thành		Anh ruột						
	Phạm Chí Toại		Anh ruột						Đã mất
	Phạm Thị Phượng		Chị ruột						
	Phạm Thị Hằng Nga		Chị ruột						
	Phạm Công Danh		Anh ruột						
	Phạm Thị Kim Dung		Em ruột						
	Vũ Bích Ngọc		Vợ						
	Phạm Công Tuấn Kiệt		Con ruột						
	Phạm Ngọc Minh Thư		Con ruột						
	Phạm Công Tuấn Kiên		Con ruột						
	<i>Tổ chức</i>								
	Công ty Cp Vận tải Biển Việt Tín	UV HĐQT							
	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	UV BKS							
	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	UV HĐQT							

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2018	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2018	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
IV	Ban Kiểm Soát								
1	Nguyễn Đức Linh	Trưởng BKS		0	0	0	0		
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Nguyễn Việt Anh		Cha ruột						Đã mất
	Nguyễn Thị Thúy Hồng		Mẹ ruột						
	Bùi Thị Minh Tâm		Vợ						
	Nguyễn Ngọc Như Ý		Con ruột						
	Nguyễn Ngọc Tường Vân		Con ruột						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Tổng Công ty Dầu VN (PV Oil) (*)	Phó Ban KS nội bộ		6.325.016	0	0	6.325.016	44,79	
	Cty CP Petec Bình Định	UV.HĐQT							
2	Võ Tuấn Hào	UV BKS		0	0	0	0		
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Võ Văn Nhã		Cha ruột						
	Trần Thị Phụng		Mẹ ruột						
	Võ Thị Hoàng Anh		Chị ruột						
	Võ Anh Tuấn		Em ruột						
	Trần Thị Thu Hà		Vợ						
	Võ Trần Thủy Tiên		Con ruột						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro) (**)	Kiểm soát viên		5.598.757	0	0	5.598.757	39,65	
3	Nguy Thành Quốc	UV BKS		0	0	0	0		
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Nguy Thành Mong		Cha ruột						
	Huỳnh Thị Thúy Vân		Mẹ ruột						
	Nguy Thanh An		Em ruột						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	UV BKS							

Ghi chú :

- (*): Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) sở hữu tổng số 6.325.016 cp COM, trong đó ủy quyền đại diện sở hữu cho các cá nhân gồm: ông Lê Văn Nghĩa (Chủ tịch HĐQT COMECO) 3.500.816 cp, ông Lê Văn Bách (UV.HĐQT COMECO) 2.824.200 cp.

- (**): Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro) sở hữu tổng cộng 5.598.757 cp COM, trong đó ủy quyền đại diện sở hữu cho các cá nhân gồm: ông Trần Minh Hà (UV.HĐQT COMECO) 3.000.000 cp, ông Phạm Văn Thoại (UV.HĐQT COMECO) 2.598.757 cp.

Tp.HCM, ngày 21 tháng 3 năm 2019



Lê Cẩm Chương 65

Phần 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

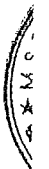
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU

Năm 2018



Được kiểm toán bởi:

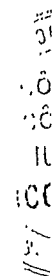
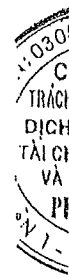
**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028).38205.944 - 38205.947; Fax:(028). 38205.942

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	07 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2018	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2018	12 – 34



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được thành lập theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09 tháng 08 năm 2000 của Thủ Tướng Chính Phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13 tháng 12 năm 2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450673 thay đổi lần thứ 19 ngày 04 tháng 12 năm 2018.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Xuất nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas. Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ. Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhờn, mỡ bôi trơn và các sản phẩm nhiên liệu khác. Môi giới bất động sản, kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Bán lẻ phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng, thiết bị vệ sinh. Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bán buôn phân bón, hóa chất. Đại lý mua bán hàng hóa, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), dịch vụ đại lý bưu chính viễn thông (trừ đại lý truy cập internet). Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ô tô. Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Cho thuê văn phòng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn xây dựng. Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống). Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, dịch vụ rửa xe. Bán mô tô, xe gắn máy. Mua bán vải, hàng may mặc, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, giày dép. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Kinh doanh bãi đỗ xe. Trồng lúa. Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác. Trồng thuốc lá, thuốc Lào. Trồng cây lấy sợi. Trồng cây có hạt chứa dầu. Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Trồng cây ăn quả. Trồng cây lấy củ có chất bột. Trồng cây mía. Trồng cây hàng năm khác. Trồng cây lấy quả chứa dầu. Trồng cây điều. Trồng cây hồ tiêu. Trồng cây lâu năm khác.

Trụ sở chính tại: Số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính.

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Lê Văn Nghĩa	Chủ tịch
Ông Lê Văn Bách	Ủy viên
Ông Trần Minh Hà	Ủy viên
Ông Phạm Văn Thoại	Ủy viên
Ông Lê Tấn Thương	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Lê Tấn Thương	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chơn Quang	Phó Tổng Giám đốc

11726
NG T'
HỆM HỮU
U TƯ'
HỊ KẾ T'
M T O'
A N A N'
HỒ C'

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Đức Linh Trưởng ban

Ông Võ Tuấn Hào Thành viên

Ông Nguyễn Thành Quốc Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Tài chính Kế Toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. HCM, ngày 25 tháng 1 năm 2019.

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Lê Tấn Thương



Số: 5.1./BCKT/TC/2019/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
(Về Báo cáo tài chính năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
của Công ty Cổ Phần Vật Tư - Xăng Dầu (COMECO))

Kính gửi: - Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được lập ngày 25 tháng 1 năm 2019 từ trang 07 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

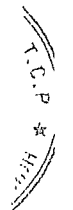
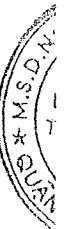
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2019

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám đốc



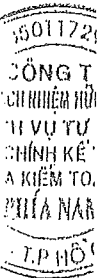
Đinh Thế Đường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2018-142-1

Kiểm toán viên

Chu Thế Bình

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1858-2018-142-1



501172

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		275.771.476.136	237.179.536.877
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	169.442.563.956	51.271.265.793
1. Tiền	111		79.442.563.956	51.271.265.793
2. Các khoản tương đương tiền	112		90.000.000.000	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.771.797.400	12.153.394.400
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	18.159.184.000	15.793.410.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(5.387.386.600)	(3.640.015.600)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.507.586.972	14.099.475.093
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	54.095.502.159	51.029.869.889
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	12.320.000.000	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	16.841.060.813	1.898.551.204
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(38.748.976.000)	(38.828.946.000)
IV. Hàng tồn kho	140		47.491.571.256	147.630.006.425
1. Hàng tồn kho	141	V.7	47.491.571.256	147.630.006.425
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.557.956.552	12.025.395.166
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a		
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.557.956.552	11.522.574.404
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14		502.820.762
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		293.325.051.671	292.209.709.759
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		1.770.000.000	1.590.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.770.000.000	1.590.000.000
II. Tài sản cố định	220		272.513.941.706	203.989.833.915
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	134.747.961.195	126.439.617.406
- Nguyên giá	222		207.199.393.370	192.317.844.134
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(72.451.432.175)	(65.878.226.728)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	137.765.980.511	77.550.216.509
- Nguyên giá	228		151.218.104.363	88.204.845.334
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(13.452.123.852)	(10.654.628.825)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.097.565.746	73.564.939.142
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	8.097.565.746	73.564.939.142
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		10.429.408.172	12.210.531.952
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	10.000.000.000	10.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	12.000.000.000	14.365.774.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(11.570.591.828)	(12.155.242.048)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		514.136.047	854.404.750
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	514.136.047	854.404.750
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		569.096.527.807	529.389.246.636

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		65.760.194.680	62.691.107.188
I. Nợ ngắn hạn	310		47.487.141.675	49.546.684.749
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	5.219.124.989	3.024.274.577
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	3.124.737.007	3.820.032.339
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	7.292.635.929	6.685.454.746
4. Phải trả người lao động	314	V.15	18.465.868.010	18.480.738.881
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		55.401.755	55.401.755
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	11.167.397.885	14.975.878.469
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	322	V.18	2.161.976.100	2.504.903.982
II. Nợ dài hạn	330		18.273.053.005	13.144.422.439
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	4.152.425.005	1.352.425.005
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.17	14.120.628.000	11.791.997.434
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		503.336.333.127	466.698.139.448
I. Vốn chủ sở hữu	410		503.336.333.127	466.698.139.448
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	141.206.280.000	141.206.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		141.206.280.000	141.206.280.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		135.484.038.434	135.484.038.434
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		21.242.445.149	21.242.445.149
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		90.854.364.993	81.344.554.587
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		114.549.204.551	87.420.821.278
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		38.910.925.506	35.092.601.215
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		75.638.279.045	52.328.220.063
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		569.096.527.807	529.389.246.636

Lập, ngày 25 tháng 1 năm 2019

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Nguyễn Hữu Hoàng

Kế toán trưởng

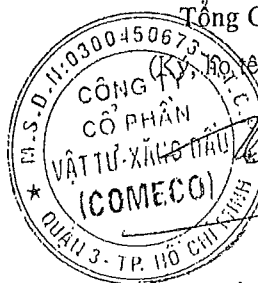
(Ký, họ tên)



Phạm Công Quyền

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lê Tấn Thương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.242.284.847.644	3.837.816.017.122
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	266.204.395	519.818.180
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.3	4.242.018.643.249	3.837.296.198.942
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	3.976.743.272.004	3.560.177.504.696
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		265.275.371.245	277.118.694.246
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	2.016.417.710	2.213.171.026
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	1.259.429.645	2.668.563.726
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.356.164	34.906.889
8. Chi phí bán hàng	25	VI.9a	137.670.881.156	141.718.706.407
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9b	16.771.010.918	16.793.949.047
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		111.590.467.236	118.150.645.392
11. Thu nhập khác	31	VI.7	940.264.615	571.492.142
12. Chi phí khác	32	VI.8	5.238.019	131.017.155
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		935.026.596	440.474.987
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		112.525.493.832	118.591.120.379
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	22.255.386.787	23.493.016.316
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	VI.14	90.270.107.045	95.098.104.063
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	6.393	5.937
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

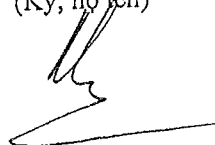
Lập, ngày 25 tháng 1 năm 2019

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)







Lê Tấn Thương

Nguyễn Hữu Hoàng

Phạm Công Quyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		112.525.493.832	118.591.120.379
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		10.592.185.522	8.505.371.781
- Các khoản dự phòng	03		1.162.720.780	2.623.676.691
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.396.509.929)	(2.637.148.316)
- Chi phí lãi vay	06		13.356.164	34.906.667
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		121.897.246.369	127.117.927.202
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(19.860.703.265)	20.620.718.963
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		100.138.435.169	20.468.727.956
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.341.359.716)	(622.429.099)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		340.268.703	(69.742.718)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.356.164)	(34.906.667)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(20.973.570.145)	(27.212.599.970)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(14.609.641.479)	(10.605.239.364)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		163.577.319.472	129.662.456.303
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(20.453.011.085)	(22.047.187.270)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.055.526.566	232.873.123
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.016.417.710	2.206.561.013
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.381.066.809)	(19.607.753.134)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

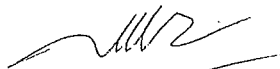
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		30.000.000.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(30.000.000.000)	(42.500.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(28.024.954.500)	(42.772.164.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(28.024.954.500)</i>	<i>(85.272.164.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		118.171.298.163	24.782.539.169
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		51.271.265.793	26.488.726.624
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	169.442.563.956	51.271.265.793

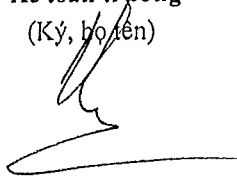
Lập, ngày 25 tháng 1 năm 2019

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

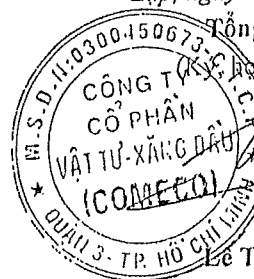


Nguyễn Hữu Hoàng

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Phạm Công Quyền



Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lê Tấn Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được thành lập theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09 tháng 08 năm 2000 của Thủ Tướng Chính Phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13 tháng 12 năm 2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450673 thay đổi lần thứ 19 ngày 04 tháng 12 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là: 141.206.280.000 đồng (Một trăm bốn mươi một tỷ hai trăm lẻ sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng)

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh: : Xuất nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas. Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ. Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhờn, mỡ bôi trơn và các sản phẩm nhiên liệu khác. Môi giới bất động sản, kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Bán lẻ phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng, thiết bị vệ sinh. Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bán buôn phân bón, hóa chất. Đại lý mua bán hàng hóa, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), dịch vụ đại lý bưu chính viễn thông (trừ đại lý truy cập internet). Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ô tô. Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Cho thuê văn phòng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn xây dựng. Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống). Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, dịch vụ rửa xe. Bán mô tô, xe gắn máy. Mua bán vải, hàng may mặc, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, giày dép. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Vận tải hàng khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Kinh doanh bãi đỗ xe. Trồng lúa. Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác. Trồng thuốc lá, thuốc Lào. Trồng cây lấy sợi. Trồng cây có hạt chứa dầu. Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Trồng cây ăn quả. Trồng cây lấy củ có chất bột. Trồng cây mía. Trồng cây hàng năm khác. Trồng cây lấy quả chứa dầu. Trồng cây điều. Trồng cây hồ tiêu. Trồng cây lâu năm khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

01/17
CÔNG
CHÍNH K
VÀ KIỂM T
PHÍA N.
1 - TP HCM

1/17

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:** Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tftn phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.1 Các khoản chi vay:

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

5.1 Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

5.2 *Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ*: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

5.3 *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho*: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

5.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

6.1 Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

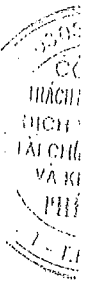
10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

10.1 Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông, chủ sở hữu.

10.2 Thặng dư vốn cổ phần:

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần.

10.3 Vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

11.1 Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

11.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

11.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

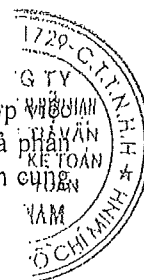
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- ### 12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:
- Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Không hạch toán vào chi phí tài chính những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;



110

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

- Chi phí khác.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu và được ghi nhận vào chi phí tài chính nếu việc phát hành trái phiếu cho mục đích sản xuất, kinh doanh thông thường.

Lãi phải trả của trái phiếu chuyển đổi được tính vào chi phí tài chính trong kỳ được xác định bằng cách lấy giá trị phần nợ gốc đầu kỳ của trái phiếu chuyển đổi nhân (x) với lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi

Nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, khoản cổ tức ưu đãi đó về bản chất là khoản lãi vay và phải được ghi nhận vào chi phí tài chính.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

a. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng:

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí bán hàng được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

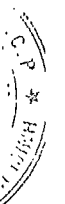
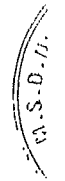
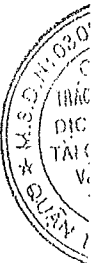
b. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Thuế TNDN hiện hành:

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

I. TIỀN	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
* Tiền mặt (VND)	26.810.635	72.820.249
* Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	48.668.105.931	30.745.440.560
- Ngân hàng TM CP Hàng Hải Việt Nam	10.534.373.746	993.519.213
- Ngân hàng TM CP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	17.384.381.502	8.666.529.993
- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - CN Quận 10	776.425.715	736.344.380
- Ngân hàng BPCE IOM		704.329
- Chứng khoán Bảo Việt	5.694.218	245.363.526
- Ngân hàng TNHH CTBC - CN TP.HCM	189.593	189.593
- Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương - CN Sài Gòn	56.284.200	55.999.700
- Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương - PGD Lý Thái Tổ	1.152.095	1.146.095
- Ngân hàng TM CP Sài Gòn Thương Tín - CN Điện Biên Phủ	6.827.765.419	6.968.112.831
- Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương - CN Hồ Chí Minh	1.130.404	1.124.504
- Ngân hàng TM CP Ngoại thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng	13.079.730.842	13.073.733.389
- Shinhan Bank Viet Nam		1.694.797
- Ngân hàng TM CP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng	978.197	978.300
* Tiền đang chuyển	30.747.647.390	20.453.004.984
* Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi NH kỳ hạn dưới 3 tháng)	90.000.000.000	
Cộng	169.442.563.956	51.271.265.793

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số lượng Cp (CP)	Số cuối năm		Tỷ lệ % vốn năm giữ	Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
		Giá gốc	Dự phòng		Giá trị hợp lý	Tỷ lệ % vốn năm giữ	
a. Chứng khoán kinh doanh							
- Cổ phiếu							
Công ty CP Cà Phê Petec (PCF)	43.800	18.159.184.000	5.387.386.600	14.202.410.000	15.793.410.000	3.640.015.600	13.289.325.000
Công ty CP Bến Xê Miền Tây (WCS)	5.000	444.000.000	6.000.000	438.000.000	444.000.000	6.000.000	438.000.000
Công ty CP XNK Thủ Đức (TMC)	264.752	87.500.000	2.148.582.600	3.627.102.400	665.000.000	87.500.000	890.000.000
Công ty CP Cơ Khí Xăng Dầu (PMS)	176.942	5.775.685.000	1.600.908.000	2.388.717.000	3.989.625.000	2.333.909.000	3.441.776.000
Công ty CP Thương Nghiệp Cà Mau (CMV)	237.504	3.450.000.000	4.156.320.000	4.156.320.000	3.450.000.000	1.300.106.600	2.689.518.400
Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh (HAX)	8.212	46.600.000	193.392.600	2.000.000.000	46.600.000	2.000.000.000	300.969.800
Công ty CP Xăng Dầu Dầu Khí Sài Gòn (PS)	200.000	2.000.000.000	136.771.000	135.828.000	2.000.000.000	136.771.000	2.000.000.000
Công ty CP Xăng Dầu Dầu Khí Nam Định (PND)	17.640	272.599.000	1.495.125.000	598.050.000	272.599.000	1.495.125.000	272.599.000
Tổng Công ty CP Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư PETEC (PEG)	99.675	2.093.175.000	1.495.125.000	598.050.000	2.093.175.000	1.495.125.000	2.093.175.000
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác							
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết							
Công ty CP Vận Tải Xăng Dầu Dầu Khí Việt Nam (*)	1.000.000	10.000.000.000	20.00%	10.000.000.000	10.000.000.000	20.00%	10.000.000.000
- Đầu tư vào đơn vị khác							
Công ty CP CK Ô tô Cần Thơ (*)	200.000	12.000.000.000	11.570.591.828	429.408.172	14.365.774.000	12.155.242.048	2.210.531.952
Công ty CP Vận Tải Việt Tin (*)	1.000.000	2.000.000.000	1.570.591.828	429.408.172	2.000.000.000	1.491.831.231	508.168.769
Công ty CP Xăng Dầu Dầu Khí Nam Định		10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	272.599.000
Tổng Công ty CP Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư PETEC		2.093.175.000	663.410.817	1.429.764.183	2.093.175.000	663.410.817	1.429.764.183

Ghi chú:

(*) Các khoản đầu tư thuộc công ty chưa niêm yết, tới thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính 2018; Do vậy, mức trích dự phòng này được tạm trích căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2017 (mức trích lập dự phòng này có thể thay đổi khi thu thập được báo cáo tài chính của đơn vị và sẽ được điều chỉnh vào kỳ sau "nếu có").



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Phải thu của khách hàng ngắn hạn

* Phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng

- Công ty TNHH Điện Từ Huyndai Việt Nam

- Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị

* Các khoản phải thu khách hàng khác

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
54.095.502.159	51.029.869.889	
45.779.332.021	41.737.338.337	
38.748.976.000	38.828.946.000	
7.030.356.021	2.908.392.337	
8.316.170.138	9.292.531.552	
54.095.502.159	51.029.869.889	

4. CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

- Công ty CP Khu Công Nghiệp Đồng Tâm

Cộng

Số cuối năm

12.320.000.000

12.320.000.000

Số đầu năm

12.320.000.000

12.320.000.000

Ghi chú: Đây là khoản ứng trước 40% theo hợp đồng thuê lại đất có diện tích 4.000 m² tại Khu Công Nghiệp Thuận Tạo, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, thời hạn sử dụng đến 04/04/2053 mục đích đầu tư xây dựng, kinh doanh cửa hàng xăng dầu ...

5. PHẢI THU KHÁC

a) Ngân hạn

- Phải thu tạm ứng

- Thuế mặt bằng các cửa hàng

- Phải thu khác

- Công ty CP Khu Công Nghiệp Đồng Tâm (*)

b) Dài hạn

- Tiền đặt cọc thuế mặt bằng

Cộng

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
16.841.060.813		1.898.551.204	
736.686.975		1.898.551.204	
628.653.838			
75.720.000			
15.400.000.000			
1.770.000.000		1.590.000.000	
1.770.000.000		1.590.000.000	
18.611.060.813		3.488.551.204	

Ghi chú (*): Đây là khoản đặt cọc 50% theo hợp đồng thuê lại đất có diện tích 4.000 m² tại Khu Công Nghiệp Thuận Tạo, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, thời hạn sử dụng đến 04/04/2053 mục đích đầu tư xây dựng, kinh doanh cửa hàng xăng dầu ...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

6. NỢ XẤU

Phải thu khách hàng	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
- Công ty TNHH Điện Tử Hyundai Việt Nam (*)		38.748.976.000			38.828.946.000	
Cộng		38.748.976.000			38.828.946.000	

Ghi chú (*): Đây là khoản nợ xấu đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100% trên số dư nợ phải thu; Theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 150/HD-VX ngày 09/02/2012 giữa Công ty Cổ Phần Vật Tư - Xăng dầu (COMECO) và Công ty TNHH Điện Tử Hyundai Việt Nam, thời hạn thanh toán tiền hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên bán (COMECO) phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho mỗi đợt giao hàng. Hợp đồng trên được đảm bảo thanh toán bằng thư bảo lãnh số 1102/12/BL - HDB013 ngày 11/02/2012 của Ngân hàng Phát Triển Nhà TP.HCM (HD Bank) có giá trị bảo lãnh là 50 tỷ đồng. Sau khi thu được một phần tiền nợ là 6.712.080.000 VND và cần trừ bằng hàng hóa với giá trị là 4.381.982.000 VND, Công ty TNHH Điện Tử Hyundai Việt Nam còn nợ 38.878.946.000 VND nhưng Công ty chưa được Ngân hàng HD Bank thanh toán thay như cam kết trong thư bảo lãnh. Hiện tại Công ty Cổ Phần Vật Tư - Xăng dầu (COMECO) đang tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật để thu hồi số nợ trên. Ngày 01/9/2012 đơn vị đã khởi kiện yêu cầu Ngân Hàng HD Bank thanh toán theo cam kết bảo lãnh, vụ án đang được Tòa Án Nhân Dân Huyện Từ Liêm Tp. Hà Nội thụ lý (trong năm 2017 và 2018 đơn vị đã thu hồi được 129.970.000 đồng).

7. HÀNG TỒN KHO

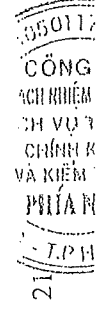
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	15.655.872.728		115.304.509.090	
- Hàng hóa	31.835.698.528		32.325.497.335	
Cộng	47.491.571.256		147.630.006.425	

8. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

- * Chi phí xây dựng cơ bản dở dang
 - Dự án Tổng kho xăng dầu Nhơn Trạch - Đồng Nai (*)
 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác
- Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
8.097.565.746	73.564.939.142
8.097.565.746	63.716.670.930
8.097.565.746	73.564.939.142

Ghi chú (*): Đây là chi phí quyền sử dụng 200.000 m² đất tại Xã Phú Đông, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận QSD đất số AP 343148 ngày 8/12/2009 của UBND Tỉnh Đồng Nai cấp có thời gian sử dụng đến 31/12/2051 để xây dựng tổng kho xăng dầu theo quyết định số 4715/QĐ.CT.UBT ngày 23/12/2002 của chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	145.062.994.120	19.659.968.612	23.640.070.811	3.954.810.591	192.317.844.134
- Mua trong năm	9.750.279.359	6.545.062.000	483.127.272		16.778.468.631
- Cải tạo sửa chữa					
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	785.093.947	1.111.825.448			1.896.919.395
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	154.028.179.532	25.093.205.164	24.123.198.083	3.954.810.591	207.199.393.370
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	34.716.731.993	13.024.835.255	14.973.129.145	3.163.530.336	65.878.226.728
- Khấu hao trong năm	4.128.054.991	2.096.843.115	1.133.750.232	436.042.157	7.794.690.495
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán	259.897.484	961.587.564			1.221.485.048
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	38.584.889.500	14.160.090.806	16.106.879.377	3.599.572.493	72.451.432.175
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	110.346.262.127	6.635.133.357	8.666.941.666	791.280.255	126.439.617.406
2. Tại ngày cuối năm	115.443.290.032	10.933.114.358	8.016.318.706	355.238.098	134.747.961.195

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 30.897.238.891 đồng.



Handwritten signature or initials.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền SD Đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	87.280.316.751		924.528.583		88.204.845.334
- Mua trong năm					
- Cải tạo sửa chữa					
- Đầu tư XDCB hoàn thành	63.013.259.029				
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	150.293.575.780		924.528.583		151.218.104.363
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	10.211.990.718		442.638.107		10.654.628.825
- Khấu hao trong năm	2.681.928.955		115.566.072		2.797.495.027
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	12.893.919.673		558.204.179		13.452.123.852
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	77.068.326.033		481.890.476		77.550.216.509
2. Tại ngày cuối năm	137.399.656.107		366.324.404		137.765.980.511

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Ngắn hạn

b) Dài hạn

- Công cụ, dụng cụ chưa phân bổ

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
514.136.047	854.404.750	
514.136.047	854.404.750	
514.136.047	854.404.750	

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

* Phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả người bán

- Công ty CP Hóa Dầu Mekong

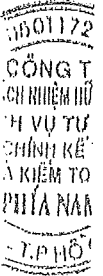
- Công ty CP Thiết Bị Và Dầu Nhớt Minh Giang

- Công ty CP Dầu Nhớt PV OIL

* Phải trả người bán khác

Cộng

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
5.219.124.989	5.219.124.989	3.024.274.577	3.024.274.577
4.878.549.803	4.878.549.803	2.780.808.022	2.780.808.022
1.629.654.000	1.629.654.000	1.056.240.000	1.056.240.000
2.202.575.803	2.202.575.803	1.724.568.022	1.724.568.022
1.046.320.000	1.046.320.000		
340.575.186	340.575.186	243.466.555	243.466.555
5.219.124.989	5.219.124.989	3.024.274.577	3.024.274.577



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

* Người mua trả tiền trước chiếm từ 10% trở lên trên tổng người mua trả tiền trước

- Công ty TNHH Kỹ Thuật Xây Dựng Đồng Phong (Việt Nam)

- Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết

* Khách hàng khác

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
3.124.737.007	3.820.032.339
1.485.580.000	1.200.000.000
1.091.640.000	1.200.000.000
393.940.000	
1.639.157.007	2.620.032.339
3.124.737.007	3.820.032.339

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU,

PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

* Thuế

- Thuế Giá trị gia tăng đầu ra

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thuế thu nhập cá nhân

- Tiền nhà đất, tiền thuê đất

- Thuế Môn bài

Cộng

Số đầu năm	Số phát sinh trong năm		Số cuối năm
	Phải thu	Phải nộp	
		Số đã thực nộp trong năm	
	Số phải nộp trong năm	Phải thu	Phải nộp
502.820.762	6.685.454.746	47.515.049.658	7.292.635.929
502.820.762		22.456.139.961	470.394.163
	4.866.184.505	20.973.570.145	6.148.001.147
	1.505.579.654	4.041.339.552	360.550.032
	313.690.587		313.690.587
	44.000.000	44.000.000	
502.820.762	6.685.454.746	47.515.049.658	7.292.635.929

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
15. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG		
- Lương phải trả công nhân viên	18.465.868.010	18.480.738.881
Cộng	18.465.868.010	18.480.738.881
16. PHẢI TRẢ KHÁC		
a) Ngắn hạn	11.167.397.885	14.975.878.469
- Kinh phí Công đoàn		28.302.398
- Bảo hiểm xã hội		840.796
- Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.109.148.741	4.987.193.294
- Cổ tức phải trả cho các cổ đông	5.481.000	5.365.000
- Tiền thuê mặt bằng của các cửa hàng		1.675.453.108
- Phải trả khác	4.052.768.144	8.278.723.873
b) Dài hạn	4.152.425.005	1.352.425.005
- Nhận đặt cọc thuê văn phòng của Ngân Hàng TMCP Sacombank	1.352.425.005	1.352.425.005
- Nhận đặt cọc thuê tổng kho	2.800.000.000	
Cộng	15.319.822.890	16.328.303.474
17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ		
* Dài hạn	14.120.628.000	11.791.997.434
- Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường	14.120.628.000	11.791.997.434
Cộng	14.120.628.000	11.791.997.434
18. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI, BAN ĐIỀU HÀNH		
- Quỹ khen thưởng	1.934.880.520	520.292.535
- Quỹ phúc lợi	227.095.580	1.984.611.447
Cộng	2.161.976.100	2.504.903.982

3301
CỔ
C
H
QUẢN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

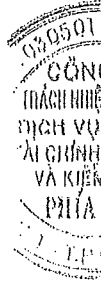
a/ Bảng cân đối biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Tổng Cộng
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6	
A	1	2	3	4	5	6	
Số dư đầu năm trước	141.206.280.000	135.484.038.434	70.371.933.540	21.242.445.149	57.033.119.099	425.337.816.222	
- Tăng vốn trong năm trước					95.098.104.063	95.098.104.063	
- Lãi trong năm trước							
- Tăng khác			10.972.621.047			10.972.621.047	
- Giảm vốn trong năm trước							
- Lỗ trong năm trước							
- Giảm khác							
Số dư đầu năm nay	141.206.280.000	135.484.038.434	81.344.554.587	21.242.445.149	64.710.401.884	64.710.401.884	
- Tăng vốn trong năm nay					87.420.821.278	466.698.139.448	
- Lãi trong năm nay							
- Tăng khác			9.509.810.406			90.270.107.045	
- Giảm vốn trong năm nay						9.509.810.406	
- Lỗ trong năm nay							
- Giảm khác (*)							
Số dư cuối năm nay	141.206.280.000	135.484.038.434	90.854.364.993	21.242.445.149	63.141.723.772	63.141.723.772	

(*) Giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, gồm:

- Trích quỹ đầu tư phát triển	9.509.810.406
- Trích quỹ khen thưởng	6.558.829.366
- Trích quỹ phúc lợi	2.000.000.000
- Chia cổ tức năm 2018	42.361.884.000
- Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	511.200.000
- Trích thường HĐQT Ban điều hành	2.200.000.000
Cộng	63.141.723.772



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

b/ Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu Khí Thành Phố (SAIGON PETRO)	39,65%	55.987.570.000	55.987.570.000
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV PVOIL	44,79%	63.250.160.000	63.250.160.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	15,56%	21.968.550.000	21.968.550.000
Cộng	100%	141.206.280.000	141.206.280.000

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	141.206.280.000	141.206.280.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	141.206.280.000	141.206.280.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	42.361.884.000	42.772.164.000
d/ Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.120.628	14.120.628
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	14.120.628	14.120.628
+ Cổ phiếu phổ thông	14.120.628	14.120.628
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.120.628	14.120.628
+ Cổ phiếu phổ thông	14.120.628	14.120.628
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/CP

đ/ Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		42.361.884.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

e/ Các quỹ của doanh nghiệp	90.854.364.993	81.344.554.587
- Quỹ đầu tư và phát triển	90.854.364.993	81.344.554.587

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu bán hàng hóa
- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Cộng

Năm nay	Năm trước
4.213.445.189.306	3.812.704.404.595
28.839.658.338	25.111.612.527
<u>4.242.284.847.644</u>	<u>3.837.816.017.122</u>

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

- Chiết khấu hàng bán
- Hàng bán bị trả lại

Cộng

Năm nay	Năm trước
266.204.395	519.818.180
<u>266.204.395</u>	<u>519.818.180</u>

3. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu bán hàng hóa
- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Cộng

Năm nay	Năm trước
4.213.178.984.911	3.812.384.586.413
28.839.658.338	24.911.612.527
<u>4.242.018.643.249</u>	<u>3.837.296.198.940</u>

4. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn hàng hóa
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp

Cộng

Năm nay	Năm trước
3.964.284.130.155	3.550.570.346.562
12.459.141.849	9.607.158.134
<u>3.976.743.272.004</u>	<u>3.560.177.504.696</u>

5. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
767.857.810	1.038.442.813
1.248.559.900	1.168.118.200
	6.610.013
<u>2.016.417.710</u>	<u>2.213.171.026</u>

6. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính
- Chi phí tài chính khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
13.356.164	34.906.667
1.242.690.780	2.630.580.097
3.382.701	3.076.962
<u>1.259.429.645</u>	<u>2.668.563.726</u>

7. THU NHẬP KHÁC

- Thu phạt hợp đồng
- Thu từ thanh lý tài sản
- Thu nhập khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
500.000.000	50.324.999
380.092.219	430.587.303
60.172.396	90.579.840
<u>940.264.615</u>	<u>571.492.142</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

	Năm nay	Năm trước
8. CHI PHÍ KHÁC		
- Chi phí khác	5.238.019	131.017.155
- Chi phí thanh lý TSCĐ		
Cộng	5.238.019	131.017.155
9. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân công	64.241.903.435	65.444.095.545
- Chi phí khấu hao	10.043.986.990	7.957.173.248
- Các khoản chi phí bán hàng khác	63.384.990.731	68.317.437.614
Cộng	137.670.881.156	141.718.706.407
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên quản lý	12.370.192.944	12.865.289.787
- Chi phí khấu hao	171.874.848	171.874.848
- Dự phòng phải thu khó đòi	(79.970.000)	(50.000.000)
- Các khoản chi phí QLDN khác	4.308.913.126	3.806.785.721
Cộng	16.771.010.918	16.793.949.747
10. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.473.104.285	10.762.115.423
- Chi phí nhân công	76.612.096.379	87.461.816.945
- Chi phí khấu hao TSCĐ	10.215.861.838	8.505.371.780
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.892.080.565	32.179.378.419
- Chi phí bằng tiền khác	32.917.520.984	29.261.131.721
Cộng	170.110.664.051	168.169.814.288
11. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	22.255.386.787	23.493.016.316
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay		
Cộng	22.255.386.787	23.493.016.316
12. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU		
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	90.270.107.045	95.098.104.063
- Trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi		11.270.029.366
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	90.270.107.045	83.828.074.697
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	14.120.628	14.120.628
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.393	5.937
Ghi chú : Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu số năm trước đã điều chỉnh lại do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017 được trích vào năm 2018, chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc trích lập các quỹ này.		
13. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT		
- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	511.200.000	397.800.000
Cộng	511.200.000	397.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

14. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ	Năm nay	Năm trước
+ Tổng lợi nhuận trước thuế	112.525.493.832	118.591.120.379
+ Các khoản điều chỉnh tăng		42.079.401
+ Các khoản điều chỉnh giảm	1.248.559.900	1.168.118.200
- Cổ tức lợi nhuận được chia	1.248.559.900	1.168.118.200
+ Tổng thu nhập chịu thuế	111.276.933.932	117.465.081.580
+ Thuế TNDN phải nộp	22.255.386.787	23.493.016.316
+ Lợi nhuận sau thuế TNDN	90.270.107.045	95.098.104.063

VII. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG**1- Giao dịch giữa các bên liên quan:**

Trong năm 2018, Công ty phát sinh một số nghiệp vụ với các bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VNĐ)
- Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu Khí Thành Phố (SAIGON PETRO)	Cổ đông lớn	Mua xăng dầu	2.592.133.920.000
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV PVOIL	Cổ đông lớn	Mua xăng dầu	1.614.773.700.000

2- Báo cáo bộ phận

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý: Toàn lãnh thổ Việt Nam.

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động chủ yếu của Công ty là kinh doanh xăng dầu nên không trình bày báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM.

3- Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31/12/2018	Ngày 31/12/2017	Ngày 31/12/2018	Ngày 31/12/2017	Ngày 31/12/2018	Ngày 31/12/2017
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	169.442.563.956	51.271.265.793			169.442.563.956	51.271.265.793
- Phải thu của khách hàng	54.095.502.159	51.029.869.889	(38.748.976.000)	(38.828.946.000)	15.346.526.159	12.200.923.889
- Phải thu ngắn hạn khác	16.841.060.813	1.898.551.204			16.841.060.813	1.898.551.204
Cộng	240.379.126.928	104.199.686.886	(38.748.976.000)	(38.828.946.000)	201.630.150.928	65.370.740.886
Nợ phải trả tài chính						
- Phải trả người bán	5.219.124.989	3.024.274.577			5.219.124.989	3.024.274.577
- Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	11.167.397.885	14.975.878.469			11.167.397.885	14.975.878.469
- Phải trả dài hạn khác	4.152.425.005	1.352.425.005	14.120.628.000	11.791.997.434	18.273.053.005	13.144.422.439
Cộng	20.538.947.879	19.352.578.051	14.120.628.000	11.791.997.434	34.659.575.879	31.144.575.485

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trao đổi ngang giá.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

b) Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các nhân tố rủi ro tài chính:

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

b.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hoá, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán chủ yếu là đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty không có rủi ro lãi suất do các khoản vay theo lãi suất cố định và công ty luôn được các ngân hàng xếp hạng tín dụng tốt nên lãi suất các tổ chức thường áp dụng ở mức lãi suất phù hợp nhất so với thị trường.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

b.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Các khách hàng của công ty chủ yếu là các Công ty cấp nước lớn của các tỉnh thành trong khu vực phía Nam, có mối quan hệ truyền thống lâu năm trong lĩnh vực cấp thoát nước, ngoài ra các công trình công ty đang thi công nguồn vốn thanh toán chắc chắn nên những rủi ro về phải thu khó đòi từ khách hàng rất ít. Tuy nhiên cũng có một số công trình vướng về mặt bằng thi công dẫn đến thời gian thi công kéo dài, chi phí đầu vào biến động, lãi vay tăng cao.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách đưa ra chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình công nợ để đơn đốc thu hồi. Công ty chỉ tham gia đấu thầu các công trình có nguồn vốn thanh toán đảm bảo để tránh trường hợp thi công xong công trình nhưng chủ đầu tư không có nguồn vốn để thanh toán.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

011720-C
NHỆM NỮ
VỤ TƯ VẤN
KẾ TOÁN
KIỂM TOÁN
IA NAM
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

b.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tại 31/12/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.442.563.956		79.442.563.956
Phải thu khách hàng và phải thu khác	70.936.562.972	1.770.000.000	72.706.562.972
Đầu tư ngắn hạn	12.771.797.400		12.771.797.400
Đầu tư dài hạn		10.429.408.172	10.429.408.172
Tài sản tài chính khác			
Tổng Cộng	163.150.924.328	12.199.408.172	175.350.332.500
Tại 01/01/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.271.265.793		51.271.265.793
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.928.421.093	1.590.000.000	52.928.421.093
Đầu tư ngắn hạn	12.153.394.400		12.153.394.400
Đầu tư dài hạn		12.210.531.952	12.210.531.952
Tài sản tài chính khác			
Tổng Cộng	116.353.081.286	13.800.531.952	128.563.613.238

4. Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2018 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

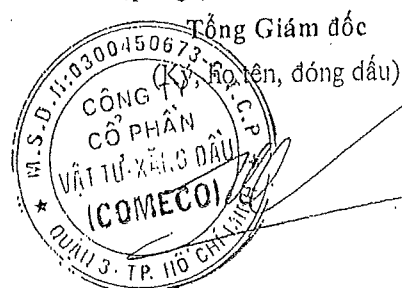
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Nguyễn Hữu Hoàng

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phạm Công Quyền

Lập, ngày 25 tháng 1 năm 2019



Lê Tấn Thương

**HỆ THỐNG CHI NHÁNH XĂNG DẦU COMECO
(CỬA HÀNG XĂNG DẦU)**

CN XD	ĐỊA ĐIỂM	ĐIỆN THOẠI	TG BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG
Số 01	Góc Lý Thái Tô - Lê Hồng Phong, P.1, Q.10, TP.HCM	38 359 704	*
Số 03	178/9M Điện Biên Phủ, P.21, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	38 994 332	*
Số 04	46 Lê Quang Sung, P.2, Q.6, TP.HCM	39 693 884	*
Số 06	710 Hồng Bàng, P.1, Q.11, TP.HCM	39 691 767	*
Số 07	49 Trường Chinh, P.12, Q.Tân Bình, TP.HCM	38 490 097	*
Số 08	917 Đường 3/2, P.7, Q.11, TP.HCM	38 550 466	*
Số 09	79 Lý Thường Kiệt, P. 8, Q.Tân Bình, TP.HCM	38 645 289	*
Số 11	292 Đinh Bộ Lĩnh, P.26, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	35 114 907	18/04/2003
Số 12	28 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, TP.HCM	38 756 890	*
Số 14	450 Kinh Dương Vương, P.An Lạc A, Q.Bình Tân, TP.HCM	38 750 029	*
Số 15	526 Kinh Dương Vương, P.An Lạc A, Q.Bình Tân, TP.HCM	38 750 038	*
Số 16	442 Cách Mạng Tháng 8, P.11, Q.3, TP.HCM	39 316 365	*
Số 17	70 Bạch Đằng, P.24, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	38 990 983	*
Số 18	42 - 44 Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM	38 291 339	15/01/2000
Số 20	667A, Quốc lộ 1A, KP 3, P.Linh Xuân, Q. Thủ Đức, TP.HCM	37 240 479	21/08/1993
Số 21	12A Quang Trung, P.11, Q.Gò Vấp, TP.HCM	39 968 014	01/09/1999
Số 22	315 Phan Huy Ích, P.14, Q.Gò Vấp, TP.HCM	39 873 006	16/08/2001
Số 23	1/1 Tân Kỳ Tân Quý, P.Sơn Kỳ, Q.Tân Phú, TP.HCM	38 474 522	15/10/2002
Số 24	C2 KCN Đức Hoà 1 Hạnh Phúc, Xã Đức Hòa Đông, H. Đức Hòa, Tỉnh Long An	0723 779 913	18/02/2003
Số 25	26 Hồ Học Lãm, P.16, Q.8, TP.HCM	37 523 952	10/09/2004
Số 26	17/3 Huỳnh Tấn Phát, Xã Phú Xuân, H.Nhà Bè, TP.HCM	37 828 493	16/03/2004
Số 27	3/40G Dương Công Khi, Ấp Nhị Tân 1, Xã Tân Thới Nhì, H.Hóc Môn, TP.HCM	37 132 961	06/11/2004
Số 29	318 Hương lộ 80, P.Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, TP.HCM	37 655 868	27/04/2011
Số 30	22 Hương lộ 2, Xã Phước Vĩnh An, H.Củ Chi, TP.HCM	37 905 836	08/06/2004
Số 32	209 Lý Thường Kiệt, P.7, Q.11, TP.HCM	39 557 925	10/06/2005
Số 33	836 QL 1A, Ấp Ngũ Phúc, Xã Hố Nai 3, H.Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	0612 660 919	25/06/2010
Số 34	1135 Quốc lộ 1A, P.Tân Tạo, Q.Bình Tân, TP.HCM	37 505 046	01/02/2010
Số 35	Km 152, QL 20, KP 1, TT Madagui, H.Đạ Huoai, Tỉnh Lâm Đồng	0633 946 239	12/11/2011
Số 36	164A, Đường tỉnh 887, Ấp Mỹ A, Xã Mỹ Thạnh An, Tp Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	0753 545 494	07/12/2011
Số 37	Quốc lộ 60, Ấp Tân Long 2, Xã Tân Thành Bình, H.Mỏ Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre	0753 670 909	07/01/2012
Số 38	Ấp Vĩnh Phước, Xã Phước Lý, H.Cần Giuộc, Tỉnh Long An	0723 892 959	16/09/2011
Số 39	Quốc lộ 1A, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, H.Bến Lức, Tỉnh Long An	0723 644 674	25/04/2012
Số 40	348A Thạch Lam, P.Phú Thạnh, Q.Tân Phú, TP.HCM	39 761 217	04/12/2012
Số 41	456A Đại lộ Bình Dương, Khu phố Nguyễn Trãi, P. Lái Thiêu, TX.Thuận An, Tỉnh Bình Dương	0650 363 6691	02/02/2013
Số 43	70 Quốc lộ 22, Ấp Chợ, Xã Tân Phú Trung H.Củ Chi, Tp.HCM	37 962 214	26/7/2014

TỔNG CỘNG : 35 CHI NHÁNH XĂNG DẦU COMECO

Ghi chú :

- (*) : 12 CNXD được tiếp quản sau ngày Giải phóng Miền Nam 30/4/1975.

